

Số: 126a/KH-MNNH

Ninh Hải, ngày 16 tháng 8 năm 2024

**KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024 - 2025**

Căn cứ nội dung chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo thông tư ban hành Chương trình Giáo dục Mầm non. Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT)

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 07/8/2024 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, nhà trường, các nhóm lớp

Căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 Tổ chuyên môn nhà trường trường Mầm non Ninh Hải xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2024-2025 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Đặc điểm của địa phương, nhà trường

Ninh Hải là một xã miền núi nằm ở phía nam của huyện Hoa Lư. Toàn xã có 5 thôn. Trường mầm non Ninh Hải có 3 khu trong đó khu trung tâm đặt tại thôn Văn Lâm, 2 khu lẻ đặt tại thôn Côi Khê và Thôn Khê Trong của xã Ninh Hải, Huyện Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình.

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 2 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng, cụ thể:

+ Tổ chuyên môn nhà trẻ: 18 đ/c (Nhân viên nuôi dưỡng 8)

+ Tổ chuyên môn mẫu giáo: 24 đ/c

+ Tổ văn phòng: 5 đ/c

- Số Cán bộ, giáo viên, nhân viên biên chế: 39 đ/c

- Trình độ chuyên môn:

Trình độ trên chuẩn có 35/37 đ/c đạt 94,6%

Trình độ tin học B có 37/37 đ/c đạt 100%

Tiếng Anh trình độ B có 37/37 đ/c đạt 100%

- Đảng viên có 36/37 đ/c đạt 97,3%

- Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được phân công như sau:

Đ/c: Chu Thị Minh Huệ - TT CM mẫu giáo

Đ/c: Lê Thị Phần - TP CM mẫu giáo

Đ/c: Hoàng Thị Ngọc Thu - TTCM nhà trẻ

Đ/c: Lê Thị Tuyết Lan - TP CM nhà trẻ

Đ/c: Đặng Thị Diệu Thuý - TT tổ văn phòng

Tổng số lớp: 17 nhóm lớp.

Tổng số trẻ ra lớp: 385 cháu. Trong đó:

Khối lớp 5T: 3 lớp với 121 cháu

2. Thuận lợi, khó khăn

2.1. Thuận lợi

- Trường đã duy trì tốt trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia và “Trường học thân thiện học sinh tích cực”

- Trường mầm non Ninh Hải luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của bộ phận chuyên môn mầm non Phòng Giáo dục và Đào tạo Hoa Lư. Sự đoàn kết thống nhất của các đồng chí trong ban giám hiệu, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

- Cơ sở vật chất của nhà trường khang trang, sạch đẹp. Phòng học đảm bảo diện tích theo yêu cầu, đồ dùng, đồ chơi tương đối đầy đủ.

- Ban giám hiệu có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, linh hoạt trong chỉ đạo chuyên môn. Đội ngũ cán bộ giáo viên 100% được biên chế, giáo viên trẻ khỏe, tâm huyết với nghề, trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt trên chuẩn, có ý thức và tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình, năng động, sáng tạo, vận dụng linh hoạt hình thức đổi mới trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Có lòng yêu nghề mến trẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức vươn lên tự học tự bồi để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Biết tuyên truyền tới các bậc cha mẹ về tầm quan trọng của chương trình giáo dục mầm non từ đó trẻ đến lớp tăng cao.

- 100% giáo viên đã biết ứng dụng công nghệ thông tin, biết sử dụng phần mềm xây dựng bài giảng, soạn giáo án trên máy vi tính.

2.2. Khó khăn

- Địa bàn trong xã rộng, có 3 điểm trường nằm rải rác không tập trung vì vậy việc theo dõi chất lượng chuyên môn gặp rất nhiều khó khăn

Trường có nhiều điểm trường, diện tích khuôn viên điểm trường Văn Lâm hẹp.

- Đồ dùng đồ chơi do cô tự tạo nên độ bền và tính thẩm mỹ chưa cao, chưa phong phú về chủng loại. Đồ dùng trang thiết bị dạy học ở một số nhóm, lớp dưới 5 tuổi còn thiếu so với quy định

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA NĂM HỌC TRƯỚC (2023- 2024)

1. Ưu điểm

1.1. Về công tác nuôi dưỡng

- Số trẻ được nuôi tại trường:

+ Nhà trẻ: 116 cháu = 100% số trẻ ra lớp.

+ Mẫu giáo: 342 cháu = 100% số trẻ ra lớp

- Mức ăn: 18.000đ/trẻ ngày tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm so với đầu năm. Trẻ được ăn ngủ tại lớp, chất lượng bữa ăn đảm bảo. Trẻ được ăn 02 bữa chính và 01 bữa phụ. Trong năm học không có trường hợp nào bị ngộ độc thức ăn, không xảy ra

dịch bệnh, trẻ khoẻ mạnh sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tuyệt đối tính mạng trẻ.

- Thực đơn được thay đổi theo tuần, theo mùa đảm bảo vệ sinh ATTP

1.2. Về chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ

- 100% trẻ đến trường được cân, đo theo dõi biểu đồ tăng trưởng và khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm, được cân đo và theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng 3 lần/1 năm.

Kết quả trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thể thấp còi cuối năm học. Cụ thể

+ Cân nặng: - Nhà Trẻ : Phát triển bình thường: 115/116 đạt 99,1% ;

SDD thể nhẹ cân: 1/116 đạt 0,9%

- Mẫu giáo : Phát triển bình thường: 341/342 đạt 99,7 %.

- Thừa cân béo phì: 1/342 đạt 0,3%

+ Chiều cao: - Nhà Trẻ: Phát triển bình thường: 115//116 đạt 99,1% ;

SDD thể thấp còi: 1/116 đạt 0,9%

- Mẫu Giáo: Phát triển bình thường 341/342 đạt 99,7%

- Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động NDCSGD đảm bảo tuyệt đối an toàn cho trẻ.

- Đảm bảo an toàn tính mạng, phòng chống bạo lực học đường cho trẻ trong trường MN.

*** Chăm sóc vệ sinh**

100% các cháu có đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân như khăn mặt, ca cốc...

Các thao tác vệ sinh được thực hiện thường xuyên ở tất cả các nhóm lớp.

Tất cả các nhóm lớp được sử dụng nước sạch và có nhà vệ sinh riêng.

1.3. Về giáo dục

Thực hiện tốt chương trình GDMN theo Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi chương trình giáo dục mầm non; chỉ đạo đổi mới, sáng tạo trong tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, thực hiện chương trình GDMN đạt kết quả tốt.

Kết quả: Trên 90% trẻ đạt được các chỉ số cuối giai đoạn và mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi.

100% các nhóm, lớp đạt chất lượng giáo dục khá, tốt.

Nhà trường có 17/17 nhóm lớp có đầy đủ đồ dùng dạy học phong phú, sáng tạo để thu hút trẻ tích cực tham gia hoạt động học tập.

Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trẻ 5 tuổi có 3/3 lớp, với tổng số 121 cháu hoàn thành chương trình GDMN.

100% nhóm, lớp thực hiện tốt CTCSNDGD trẻ theo từng độ tuổi. Thực hiện tốt quy chế chuyên môn.

100% giáo viên biết lựa chọn nội dung, hoạt động xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với yêu cầu của trẻ ở từng độ tuổi và phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ ở nhóm, lớp mình.

100% nhóm, lớp thực hiện theo dõi, đánh giá trẻ cuối ngày, cuối chủ đề, cuối độ tuổi theo quy định.

Khối 5 tuổi thực hiện tài liệu giáo dục địa phương vào trong chủ đề Quê hương, đất nước, Bác Hồ để dạy; Ứng dụng dạy Steam và hoạt động học, các chuyên đề: Bé tập làm chiến sỹ tí hon.

Khối mẫu giáo làm quen với Tiếng anh có yếu tố người nước ngoài.

Chú trọng trong việc tự làm đồ dùng đồ chơi sáng tạo, phù hợp với chủ đề. Phối hợp với phụ huynh thu gom những nguyên vật liệu sẵn có của địa phương, nguyên vật liệu đã qua sử dụng để làm đồ dùng đồ chơi phục vụ dạy và học

Tích cực thực hiện các nội dung về: “*Xây dựng trường học xanh sạch đẹp an toàn, hạnh phúc*” tăng cường đưa các trò chơi dân gian vào các hoạt động của trẻ, đẩy mạnh công tác trang trí nhóm lớp theo chủ đề, quan tâm đến việc tạo môi trường cho trẻ hoạt động.

1. 4. Về thực hiện các chuyên đề trọng tâm

- Năm học 2023-2024 đã thực hiện có hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm”, chuyên đề nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động, chuyên đề giáo dục bảo vệ môi trường, tài nguyên biển đảo, ứng phó với biến đổi khí hậu... Tổ chức xây dựng khu vui chơi phát triển vận động, giáo viên tăng cường tổ chức các hoạt động thực hành trải nghiệm giúp trẻ phát triển toàn diện.

- 100% nhóm, lớp xây dựng góc tuyên truyền về nội dung thực hiện các chuyên đề, có đủ tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ nội dung các chuyên đề. 100% giáo viên nắm vững nội dung chuyên đề, nắm vững mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục. Lồng ghép tích hợp nội dung giáo dục nhẹ nhàng, linh hoạt, phù hợp.

Nhà trường đã chỉ đạo 100% các nhóm, lớp xây dựng môi trường giáo dục theo hướng lấy trẻ làm trung tâm trong mọi hoạt động. Bố trí môi trường phù hợp với hoạt động chủ đạo của từng độ tuổi, tạo ra các cơ hội cho trẻ hoạt động tích cực, quan tâm đến sự phát triển của từng cá nhân trẻ, đảm bảo trẻ được “*học bằng chơi, chơi mà học*”, học bằng trải nghiệm.

Đã tuyên truyền và viết tin bài trên trang website, facebook của trường, của lớp.

* *Chuyên đề Giáo dục an toàn giao thông “Tôi yêu Việt Nam”*:

100% trẻ đến trường được giáo dục ATGT phù hợp với lứa tuổi và theo chương trình.

100% các lớp có góc tuyên truyền: tranh ảnh, sách báo, mô hình để giáo dục trẻ.

* *Chuyên đề “ Phòng chống bạo lực học đường”*

- 100% trẻ đến trường được đảm bảo an toàn, phòng chống bạo lực học đường.

- 17/17 nhóm lớp thực hiện linh hoạt, sáng tạo nội dung và lồng ghép trong các hoạt động học và hoạt động mọi lúc mọi nơi.

- 100% các lớp có nội dung tuyên truyền: tranh ảnh, sách báo để giáo dục trẻ.

- Trong năm học, nhà trường cũng đã tham gia chuyên đề cấp tỉnh tại trường MN Ninh Khang với nội dung Phòng chống bạo lực học đường.

- Trong năm học ngoài các chuyên đề trọng tâm thì nhà trường tiếp tục thực hiện các chuyên đề: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Phát triển vận động; Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; Giáo dục bảo vệ tài nguyên môi trường, biển đảo và ứng phó với biến đổi khí hậu”... được lồng ghép trong các hoạt động hàng ngày của trẻ.

1.5. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

- Chỉ đạo 100% giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Áp dụng theo phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

- Các nhóm lớp thành lập nhóm Zalo trao đổi với các bậc phụ huynh nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ.

- Tổ chức các chuyên đề cho giáo viên tham gia học tập, ứng dụng CNTT trong quá trình giảng dạy

- Cử giáo viên đi tập huấn các lớp tập huấn do phòng sở tổ chức

- Nhà trường luôn tạo điều kiện cho giáo viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong việc ứng dụng CNTT vào công tác giảng dạy.

- CBGVNV trong nhà trường ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong công tác quản lý, nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.

1.6. Tuyên truyền, phối kết hợp với các bậc phụ huynh trong việc NDCSGD trẻ

- Đề tạo sự tin tưởng và thu hút sự tham gia của cha mẹ trẻ vào các hoạt động CSGD trẻ của lớp, của nhà trường, giáo viên chủ động xây dựng mối quan hệ tốt với cha mẹ để thu hút trẻ tới trường đạt kết quả cao

- Phối hợp với các ban ngành đoàn thể như hội phụ nữ, đoàn thanh niên tuyên truyền vận động đưa trẻ ra lớp đạt kết quả cao, tổ chức các buổi ngoại khóa về việc thực hiện pháp luật đảm bảo trật tự ATGT cho cán bộ, giáo viên nhân viên và học sinh.

- Phối hợp với cha mẹ trẻ thực hiện chương trình chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ.

- Xây dựng góc tuyên truyền cho các bậc cha mẹ của nhà trường và của từng nhóm lớp.

- Trao đổi thông tin thường xuyên hàng ngày trong các giờ đón, trả trẻ.

- Tổ chức họp phụ huynh thông báo cho gia đình những công việc, kết hợp phổ biến kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ cho các bậc cha mẹ.

- Tổ chức tốt các ngày lễ lớn trong năm học qua đó tuyên truyền tới các bậc cha mẹ và cộng đồng về tầm quan trọng của bậc học Mầm non.

- CBGV tích cực tuyên truyền cho các bậc phụ huynh và học sinh các chuyên đề XDMTLTLTT, chương trình “Tôi yêu Việt Nam” qua hệ thống truyền thanh của trường vào cuối mỗi buổi học. Kết hợp với tuyên truyền thông qua pano, apphích, khẩu hiệu...; các thông điệp truyền thông: *Lớp học thân thiện. Trường học hạnh phúc. Trẻ em phải đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện; Đội mũ cho con - trọn tình cha mẹ; Đảm bảo an toàn giao thông - trách nhiệm của mỗi người.*

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối kết hợp với cha mẹ trẻ trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Trong năm học nhà trường chú trọng tuyên truyền, phối kết hợp phòng chống dịch bệnh cho trẻ, thường xuyên trao đổi cùng phụ huynh nắm bắt tình hình sức khỏe của trẻ qua các kênh Zalo, Messenger...

2. Tồn tại:

- Số trẻ ở các nhóm, lớp không đồng đều, một số nhóm, lớp số lượng trẻ vượt so với quy định như lớp 4 tuổi A, 4 tuổi B, 3 Tuổi B, 3 Tuổi C, , Nhóm 25 - 36 tháng tuổi A và nhóm 25 – 36 tháng tuổi B do đó ảnh hưởng đến quá trình tổ chức các hoạt động cho trẻ.

- Việc thực hiện đưa ứng dụng công nghệ thông tin và các hoạt động trải nghiệm đã có nhưng còn hạn chế.

III. CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM HỌC 2024 - 2025

1. Một số chỉ tiêu lớn trong năm

1.1. Về công tác nuôi dưỡng

- 100% trẻ đến trường được nuôi bán trú và học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN, nâng cao chất lượng bữa ăn của trẻ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm không xảy ra ngộ độc thức ăn trong nhà trường, nâng cao chất lượng dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Xây dựng bếp ăn an toàn hiện đại. Bếp ăn đảm bảo các điều kiện về nguồn nước sạch, sắp xếp sử dụng đảm bảo quy trình bếp 1 chiều, có ký kết hợp đồng cung cấp thực phẩm đảm bảo VSATTP.

- Chế độ ăn cân đối dưỡng chất đa dạng, hợp lý, đảm bảo định lượng suất ăn theo từng độ tuổi, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo khuyến nghị quy định trong Chương trình GDMN.

1.2. Về công tác chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ

- 100% trẻ đến trường được cân, đo theo dõi biểu đồ tăng trưởng và được

khám sức khỏe theo quy định, 100% trẻ suy dinh dưỡng được theo dõi hàng tháng và có biện pháp can thiệp phù hợp. Phần đầu tỷ lệ suy dinh dưỡng giảm từ 1-1,5% so với đầu năm học.

- 100% trẻ đến nhóm lớp được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần. Phần đầu cuối năm học đạt “Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích”

- 100% trẻ có đủ đồ dùng cá nhân, được rèn các kỹ năng vệ sinh tự phục vụ, trẻ khỏe mạnh, đảm bảo an toàn tuyệt đối cả về thể chất, tinh thần. Trường học được công nhận đạt trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích.

- 100% CBGVNV trong nhà trường thực hiện hiệu quả các phương án phòng chống dịch bệnh như: Dịch cúm A, sốt xuất huyết...

- 100% trẻ trong nhà trường được đảm bảo an toàn trong các hoạt động.

- 100% trẻ không xảy ra tình trạng dịch bệnh xâm nhập, ngộ độc thực phẩm, cháy nổ, ô nhiễm môi trường, bạo hành hoặc mất an toàn gây tai nạn thương tích cho trẻ, đảm bảo quyền của trẻ em.

- 100% trẻ được kiểm tra, theo dõi sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.

1.3. Đổi mới hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện CTGDMN

- 100% nhóm, lớp thực hiện tốt chương trình giáo dục sau sửa đổi và đánh giá thực hiện chương trình GDMN, thực hiện đánh giá sự phát triển của trẻ theo qui định.

- Trẻ đạt mục tiêu 5 lĩnh vực phát triển: Nhận thức; Ngôn ngữ; Thể chất; TC&KNXH; Thẩm mỹ.

- Khuyến khích trẻ MG ở các lớp tham gia các câu lạc bộ năng khiếu như: Cờ vua, múa...

- 100% các nhóm, lớp bám sát nội dung chương trình CSGD trẻ xây dựng kế hoạch CSGD trẻ phù hợp với khả năng, nhu cầu, hứng thú của trẻ.

- 100% trẻ được theo dõi đánh giá theo quy định, được tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm.

- 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN. Thực hiện đảm bảo các điều kiện tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- 100% các cháu đến trường được học 2 buổi/ngày theo chương trình giáo dục Mầm non theo thông tư số 51/TT-BGDĐT ngày 30/12/2020 của Bộ GD&ĐT về sửa đổi nội dung chương trình GDMN

- Thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục, dạy phương pháp đổi mới cho tất cả các độ tuổi.

- Công tác đánh giá trẻ được thực hiện thường xuyên như đánh giá cuối ngày, đánh giá cuối chủ đề...

- 12/12 lớp mẫu giáo tổ chức thực hiện nâng cao chương trình “Tôi yêu Việt Nam”,

1.4. Về thực hiện các chuyên đề

- 100% các nhóm lớp tiếp tục thực hiện tốt chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, đồ chơi các góc chơi sáng tạo phong phú.

- Xây dựng tốt môi trường trong và ngoài lớp học, nâng cao chất lượng chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025, chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; chuyên đề “Phòng chống bạo lực học đường” đảm bảo phù hợp với điều kiện của nhà trường, với chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc – lấy trẻ em làm trung tâm”.

- 100% các lớp mẫu giáo xây dựng góc và lồng ghép giáo dục thực hành kỹ năng sống cho trẻ.

1.4. Về thực hiện các chuyên đề

100% các nhóm lớp tiếp tục thực hiện tốt chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, đồ chơi các góc chơi sáng tạo phong phú.

Xây dựng tốt môi trường trong và ngoài lớp học, nâng cao chất lượng chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2021-2025, chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; chuyên đề “Phòng chống bạo lực học đường” đảm bảo phù hợp với điều kiện của nhà trường, với chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc – lấy trẻ em làm trung tâm”.

1.5. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

- 100% CBQL giáo viên, nhân viên thực hiện tốt các ứng dụng CNTT quản lý và sử dụng các phần mềm, trong soạn giảng.

- 100% cán bộ, giáo viên biết ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Biết khai thác, tham khảo tài liệu trên mạng Internet, sử dụng các ứng dụng Zalo, messenges,... để trao đổi thông tin cùng phụ huynh trong việc nuôi dưỡng CSGD trẻ.

- 100% các nhóm, lớp xây dựng góc tuyên truyền đảm bảo các nội dung tuyên truyền, 100% phụ huynh học sinh được tuyên truyền về mục tiêu, kết quả mong đợi, nội dung giáo dục các lĩnh vực phát triển từng độ tuổi, tuyên truyền về kiến thức chăm sóc, nuôi dạy con theo khoa học và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho trẻ.

- Tổ chức cho trẻ 5 tuổi chăm sóc, thăm quan và thắp hương Đình Cát Văn Lâm.

1.6. Tuyên truyền, phối kết hợp với các bậc phụ huynh trong việc NDCSGD trẻ

100% nhóm lớp thực hiện tuyên truyền có hiệu quả nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, xã hội hóa giáo dục đảm bảo theo quy định.

- Tuyên truyền khuyến khích trẻ làm quen với tiếng Anh yếu tố nước ngoài

- Thành lập các câu lạc bộ (Năng khiếu), sinh hoạt ngoại khóa như: Âm nhạc, dân vũ, múa, cờ vua...

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Công tác nuôi dưỡng

a, Nhiệm vụ

- Tổ chức nuôi ăn bán trú tại các điểm trường, đảm bảo chất lượng bữa ăn, đảm bảo vệ sinh ATTP. Mức ăn tăng lên 20.000đ/trẻ/ngày (bao gồm cả tiền chất đốt và phụ phí). Tổ chức ăn 2 bữa chính 1 bữa phụ. Tỷ lệ Kcal nhà trẻ đạt 600 – 651Kcal/ngày/trẻ chiếm 60 - 70% (nhu cầu cả ngày). Tỷ lệ Kcal mẫu giáo đạt 615 - 725Kcal/ngày/trẻ chiếm 50 - 55% (nhu cầu cả ngày)

- Phân đầu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng giảm từ 1 – 1,5% so với đầu năm học.

- 3/3 bếp ăn thực hiện theo quy trình chế biến bếp 1 chiều, thực hiện lưu mẫu thức ăn hàng ngày trong tủ lạnh. Thực hiện đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- 100% các cô nuôi dưỡng có sức khỏe tốt, không mắc các bệnh truyền nhiễm, được tập huấn về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Thực hiện đảm bảo công tác vệ sinh thu gom và xử lý rác thải hàng ngày.

b, Giải pháp

- Chỉ đạo giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền huy động 100% trẻ ăn, ngủ tại lớp. Thực hiện đảm bảo công tác vệ sinh trước trong và sau khi ăn cho trẻ. Động viên trẻ ăn hết xuất.

- Chỉ đạo xây dựng thực đơn chung toàn trường, thực đơn xây dựng theo tuần đảm bảo giữa 2 tuần thực đơn không trùng nhau, xây dựng chế độ ăn đảm bảo cân đối, đa dạng, hợp lý, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định. Thực đơn được niêm yết công khai tại các điểm trường. Tổ chức nuôi ăn theo đúng thực đơn, ký hợp đồng cung cấp thực phẩm sạch ở địa chỉ tin cậy.

- Lên kế hoạch mua sắm bổ sung đồ dùng trang thiết bị phục vụ ăn ngủ cho trẻ như chiếu, chăn, cốc Inóc, bát, thìa.....

- Thực hiện nghiêm công tác tiếp quản thực phẩm, phòng chống dịch bệnh trong quá trình giao nhận....

- Chỉ đạo nhân viên nuôi dưỡng thực hiện quy trình chế biến theo bếp một chiều, đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện kiểm thực 3 bước, lưu mẫu thức ăn hàng ngày theo quy định. Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra giám sát các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ.

- Kế toán nuôi dưỡng thanh toán với cha mẹ trẻ kịp thời, thực hiện tài chính công khai hàng ngày.

- Tổ chức cân đo chắm biểu đồ cho trẻ, phối kết hợp với trạm y tế khám sức khỏe cho trẻ (Vào tháng 9 và tháng 3). Giáo viên phối kết hợp với cha mẹ trẻ trong việc CSGD trẻ: thông báo kết quả cân đo, khám sức khỏe của trẻ sau mỗi đợt cân, đo, khám sức khỏe. Đối với trẻ suy dinh dưỡng hàng tháng giáo viên theo dõi cân

nặng của trẻ phối kết hợp với phụ huynh để có biện pháp khắc phục tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ.

- Phối hợp với cán bộ y tế thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch, bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì cho trẻ.

- Rà soát, mua sắm bổ sung đồ dùng phục vụ công tác chăm sóc bán trú cho trẻ tại trường.

- Hợp đồng với người thu gom rác thải, phân loại và thu gom, xử lý rác thải hàng ngày theo quy định, đảm bảo vệ sinh môi trường sạch sẽ, an toàn.

- Tham gia đầy đủ, đúng thành phần các lớp bồi dưỡng chuyên đề do Sở GD, Phòng giáo dục tổ chức. Tổ chức lớp học bồi dưỡng chuyên đề tại trường.

- Xây dựng lịch vệ sinh hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng cho bếp ăn.

- Các bếp ăn, các lớp xây dựng góc tuyên truyền về vệ sinh dinh dưỡng và an toàn thực phẩm có tranh ảnh rõ ràng và nội dung phong phú.

- Ban giám hiệu thường xuyên kiểm tra thực đơn, kiểm tra việc thực hiện tài chính công khai, kiểm tra thao tác VSCS, chế biến thực phẩm, tính khẩu phần ăn của nhà bếp, có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

- Hàng ngày lưu mẫu thức ăn. Nếu phát hiện có ngộ độc thức ăn phải báo ngay với cơ quan y tế để có biện pháp xử lý kịp thời

- Hàng tháng thực hiện tốt việc kiểm kê kho quỹ.

2.2. Chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn cho trẻ

a, Nhiệm vụ

- 100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối trong các mặt hoạt động, không để trẻ xảy ra thương tích hay ngộ độc thực phẩm, theo Thông tư Số: 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục Mầm non.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ: Trẻ khỏe mạnh, được đảm bảo an toàn về tính mạng cũng như tinh thần.

- 100% trẻ được ăn ngủ tại trường được rèn nền nếp thường xuyên, nếp sống văn minh trong ăn uống.

- 100% trẻ có đủ đồ dùng cá nhân, có đánh dấu riêng.

- 100% trẻ có đủ nước uống về mùa hè, nước ấm về mùa đông.

- 100% nhóm, lớp có tủ thuốc sơ cứu cho trẻ.

- 100% trẻ có thói quen rửa mặt, rửa tay trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh dưới vòi nước sạch bằng xà dưới vòi nước sạch.

- Kiểm tra các điều kiện cơ sở vật chất trong các nhóm lớp và nhà trường để tham mưu mua sắm bổ sung đầy đủ đồ dùng vệ sinh đảm bảo chất lượng, an toàn cho trẻ.

- 100% được theo dõi, khám sức khỏe định kỳ (*cân 3 lần/năm; đo 2 lần/năm, đối với trẻ dưới 24 tháng tuổi cân, đo mỗi tháng một lần*). Phần đầu: Cuối năm giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng xuống từ 0,5-1% so với đầu năm.

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh, phòng chống dịch bệnh cho trẻ: Đảm bảo có đủ đồ dùng cá nhân cho trẻ, trẻ có nền nếp thói quen vệ sinh, phòng, nhóm, đồ dùng, đồ chơi sạch sẽ, thân thiện, an toàn với trẻ.

- Quản lý trẻ chặt chẽ trong mọi hoạt động, ở mọi lúc mọi nơi.

- Luôn theo dõi, quan sát chặt chẽ số lượng trẻ đến lớp hàng ngày.

- Đảm bảo cơ sở vật chất có chất lượng cho trẻ học an toàn.

b, Giải pháp:

- Chỉ đạo giáo viên phối kết hợp với cán bộ y tế xã thực hiện cân, đo chăm biểu đồ theo dõi sự phát triển, khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần/năm, khám chuyên khoa cho trẻ 1-2 lần/năm. Ghi chép, cập nhật, đánh giá kết quả cân đo chính xác, đầy đủ. Thông báo với phụ huynh về tình hình sức khỏe của trẻ ở lớp

- Giáo viên thực hiện rèn nề nếp thói quen vệ sinh hàng ngày cho trẻ theo đúng quy định. Thực hiện lịch vệ sinh theo quy định (VS phòng học, VS đồ dùng, đồ chơi, VS môi trường...)

- Giáo viên thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho trẻ, đối xử công bằng với trẻ, thực hiện tốt công tác phòng, chống bạo lực học đường.

- Giáo viên xây dựng môi trường hoạt động an toàn cho trẻ, giáo dục trẻ không đi theo người lạ, không chơi gần nơi nguy hiểm, nơi mất vệ sinh.

- Phối kết hợp với BGH tham mưu với các cấp lãnh đạo để sửa chữa cơ sở vật chất cho các lớp.

- Giáo viên xây dựng kế hoạch vệ sinh hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, thực hiện đúng quy chế vệ sinh chăm sóc trẻ.

- Hợp phụ huynh theo độ tuổi để thống nhất sự ủng hộ, đóng góp mua sắm đồ dùng đồ chơi, đồ dùng sinh hoạt, đồ dùng học tập cho trẻ.

- Rà soát, báo cáo các thiết bị vệ sinh ở các khối, lớp về nhà trường để có kế hoạch sửa chữa.

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc các lớp thực hiện nghiêm túc quy chế vệ sinh rửa mặt, rửa tay cho trẻ trước và sau khi ăn, có đầy đủ bát, thìa, đĩa, khăn lau tay.

- Chỉ đạo giáo viên các lớp quan tâm chăm sóc, có sổ theo dõi cân đo trẻ suy dinh dưỡng hàng tháng để có biện pháp phối kết hợp với phụ huynh nhằm giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng.

- Chỉ đạo giáo viên đến lớp mặc trang phục gọn gàng sạch sẽ theo quy định, có kiến thức sơ đẳng về cách phòng và xử trí một số bệnh, tai nạn thường gặp ở trẻ như sốt, ỉa chảy, bông, hóc, sặc...

- Kiểm tra xếp loại giáo viên, xếp loại nhóm lớp trong việc thực hiện vệ sinh của cô và kết quả rèn nền nếp thói quen cho trẻ.

- Thực hiện chuyên đề về việc rèn nền nếp vệ sinh cá nhân và tổ chức bữa ăn cho trẻ tại trường để giáo viên được dự, học tập và rút kinh nghiệm.

- Ban giám hiệu thường xuyên kiểm tra việc thực hiện vệ sinh chăm sóc trẻ, công tác phòng chống dịch bệnh.

2.3. Đổi mới hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

2.3.1. Đổi mới hoạt động giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non

a. Nhiệm vụ

- Phó HT phụ trách các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2024-2025.

- Các tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch cho tổ.

- Giáo viên các nhóm lớp lên kế hoạch phù hợp với lớp mình.

- Tổ chức thực hiện và phát triển chương trình giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương. Bám sát chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Xây dựng kế hoạch CSGD trẻ phù hợp với khả năng, nhu cầu, nhận thức của trẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ toàn diện, tổ chức các hoạt động giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả. Các hoạt động tổ chức nhẹ nhàng, hứng thú, tạo nhiều cơ hội cho trẻ được tích cực tham gia hoạt động quan sát, trải nghiệm và thực hành. Thực hiện đánh giá trẻ theo quy định: đánh giá hàng ngày, đánh giá cuối chủ đề, cuối giai đoạn, cuối năm học. Đảm bảo các mục tiêu, kết quả mong đợi của chương trình GDMN. Tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh, tin học.

- Thực hiện lồng ghép, tích hợp các nội dung giáo dục, tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm cho trẻ. Tổ chức cho trẻ 5 tuổi chăm sóc, thăm quan thấp hương Đình Cát khu Văn Lâm phát huy giá trị văn hóa tại địa phương.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ở các nhóm, lớp. Chỉ đạo 100% các nhóm lớp tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến để xây dựng môi trường giáo dục cho trẻ được hoạt động trải nghiệm và phát huy hết tính tích cực của trẻ.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ phụ huynh nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (đảm bảo an toàn, thực hiện chế độ sinh hoạt, chế độ dinh dưỡng, chăm sóc sức khỏe, vui chơi phù hợp với điều kiện ở nhà của trẻ). Giáo viên hàng ngày trao đổi với phụ huynh để nắm bắt tình hình sức khỏe trẻ em trong thời gian ở nhà, lập các nhóm Zalo, vibet, messenger,.. giữa giáo viên và phụ huynh để chia sẻ, tư vấn việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

b. Giải pháp

- Chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên thực hiện chương trình CSGD trẻ theo quy định: Xây dựng kế hoạch CSGD đảm bảo nội dung chương trình, phù hợp với điều kiện thực tế của nhóm, lớp và khả năng, nhu cầu, nhận thức của trẻ. Xây dựng tổ chức các hoạt động theo hướng giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, các hoạt động nhẹ nhàng linh hoạt, đầy đủ đồ dùng đồ chơi, thường xuyên tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giao lưu tập thể để kích thích sự sáng tạo, kỹ năng sống để nâng cao chất lượng giáo dục trẻ. Thực hiện đúng quy chế chuyên môn, đảm bảo thời gian sinh hoạt của trẻ trong ngày. Thực hiện ký duyệt giáo án trước 2 tuần khi lên lớp theo quy định.

- Giáo viên thực hiện theo dõi đánh giá trẻ hàng ngày, cuối chủ đề. Thực hiện đánh giá trẻ cuối giai đoạn, cuối năm học.

- Giáo viên tăng cường làm đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho các hoạt động giáo dục. Sử dụng các đồ dùng trực quan trong các hoạt động, tạo môi trường hoạt động cho trẻ thực hành, khám phá, trải nghiệm. Xây dựng kế hoạch giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

- Tổ chức hướng dẫn giáo viên tiếp tục xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học theo hướng mở LTLTT.

- Tạo điều kiện cho CB, GV, NV học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề cấp huyện, cấp tỉnh, tham gia giáo thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện, các hội thi “Dinh Dưỡng với sức khỏe mầm non” Giao lưu “Bé với an toàn giao thông” cấp tỉnh.

- Tăng cường kiểm tra, dự giờ góp ý, rút kinh nghiệm, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chương trình. Kiểm tra ở các thời điểm khác nhau để kịp thời uốn nắn.

- Tổ chức chuyên đề, bồi dưỡng chuyên môn đi sâu, đi sát nắm bắt thực tế để có biện pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời.

- Chỉ đạo giáo viên xây dựng môi trường hoạt động đảm bảo an toàn, thân thiện, khuyến khích, động viên, tạo cơ hội cho trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động. Chỉ đạo các nhóm, lớp xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm. Chỉ đạo hướng dẫn 100% giáo viên tham khảo chương trình giáo dục tiến tiến xây dựng góc phát triển cảm giác cho trẻ.

- Lựa chọn nội dung giáo dục để lồng ghép, tích hợp vào các hoạt động hàng ngày của trẻ một cách phù hợp, linh hoạt, sáng tạo. Tổ chức các hoạt động thực hành kỹ năng cho trẻ như tự mặc quần áo, đi dày dép, kéo khóa, cài cúc...

- Các lớp mẫu giáo thực hiện lồng ghép nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh phù hợp, linh hoạt, cho trẻ nghe Quốc ca, làm quen với 5 điều Bác Hồ dạy.

- Lồng ghép tích hợp nội dung giáo dục, quyền con người, an toàn giao thông cho trẻ. Tuyên truyền phụ huynh về các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông, tuyên truyền thực hiện tốt mô hình Cổng trường an toàn.

- Lựa chọn nội dung giáo dục đảm bảo khoa học, vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi.

- Chỉ đạo khối 5 tuổi tiếp tục đưa nội dung hoạt động học, hoạt động góc, giao lưu tập thể “*Lễ hội Đình Lê*” lồng ghép vào chủ đề quê hương đất nước Bác Hồ và mọi mọi lúc mọi nơi.

- Ứng dụng Steam trong hoạt động học hoặc hoạt động chiều mỗi chủ đề 1 hoạt động.

- GD hoạt động kỹ năng sống cho trẻ mẫu giáo.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác PCGD cho trẻ 4, 5 tuổi theo kế hoạch.

- Phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá MTXQ dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu hứng thú của trẻ theo phương châm “*Chơi mà học, học bằng chơi*”

- Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp cận công nghệ số và những nội dung giáo dục khác phù hợp với mục tiêu của chương trình

- Tuyên truyền, khuyến khích phụ huynh cho trẻ từ 3 - 5 tuổi tham gia học các lớp Anh ngữ có yếu tố nước ngoài do nhà trường phối hợp với trung tâm Anh ngữ English Land tổ chức giảng dạy có sự giám sát, quản lý của cấp trên nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả phù hợp với độ tuổi mầm non (theo TT số 50/2020/TT-BGD&ĐT và Hướng dẫn số 712/HD-PGD&ĐT ngày 02/8/2023 của Sở GDĐT).

(Phụ lục 1 đính kèm: Kế hoạch giáo dục năm học của các độ tuổi và dự kiến thời gian thực hiện các chủ đề trong năm.)

2.3.2 Thực hiện các chuyên đề trọng tâm

*** Chuyên đề trọng tâm:**

- Chuyên đề: “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025” năm học: 2024-2025 (*Xây dựng kế hoạch riêng*)

- Chuyên đề: “Tôi Yêu Việt Nam” (*Xây dựng kế hoạch riêng*)

- Chuyên đề “Phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non”.

*** Các chuyên đề khác:**

- Chuyên đề “Xây dựng trường học xanh – sạch – đẹp – an toàn – hạnh phúc”. (*Xây dựng kế hoạch riêng*)

- Chuyên đề “Phòng chống bạo lực học đường”; (*Xây dựng kế hoạch riêng*)

- Chuyên đề “GD tài nguyên môi trường biển, đảo và giáo dục ứng phó biến đổi khí hậu”;

- Chuyên đề “Giáo dục sử dụng tiết kiệm năng lượng có hiệu quả”;

- Chuyên đề “Quyền trẻ em”. Lồng ghép tích hợp vào hoạt động mọi lúc mọi nơi

*** Chuyên đề “Giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong trường mầm non”**

a, Yêu cầu:

- Giáo viên nắm vững kiến thức, kỹ năng, nội dung chuyên đề. Xây dựng nội dung giáo dục vận động phù hợp với từng độ tuổi

- Trẻ tích cực tham gia vào các bài tập vận động giúp trẻ mạnh dạn - tự tin, nhanh nhẹn, khéo léo, khoẻ mạnh.

- Có đủ đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị phục vụ cho các bài tập vận động. Xây dựng khu vui chơi liên hoàn ở các điểm trường.

b, Chỉ tiêu:

- 17/17 nhóm, lớp thực hiện chuyên đề đạt kết quả khá, tốt.

- 100% nhóm, lớp có đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ cho các bài tập vận động.

- 17/17 nhóm, lớp sắp xếp góc vận động trong lớp. 3/3 điểm trường xây dựng môi trường vận động ngoài trời cho trẻ. Bố trí sắp xếp khu vận động liên hoàn tại khu Văn Lâm.

- 100% giáo viên nắm vững nội dung chuyên đề, nắm vững mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục phát triển vận động phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.

- 100% trẻ tích cực tham gia vào các vận động, cuối độ tuổi trẻ đạt được các mục tiêu giáo dục theo CTGDMN.

c, Biện pháp.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề, tổ chức triển khai và thực hiện đảm bảo kế hoạch. Tổ chức xây dựng các hoạt động giáo dục phát triển vận động để giáo viên dự giờ, trao đổi kinh nghiệm.

- Giáo viên lựa chọn nội dung giáo dục phát triển vận động bám sát mục tiêu, kết quả mong đợi của trẻ ở từng độ tuổi, xây dựng kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, khả năng nhận thức của trẻ.

- Tổ chức, lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục phát triển vận động vào trong các hoạt động hàng ngày của trẻ. Tăng cường thời lượng vận động cho trẻ. Tăng cường hệ thống bài tập vận động giúp trẻ mạnh dạn - tự tin, nhanh nhẹn, khéo léo, khoẻ mạnh.

- Rà soát, xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung đồ dùng, đồ chơi; bố trí, sắp xếp các khu vực chơi, góc chơi đảm bảo có đủ đồ dùng, đồ chơi trong các hoạt động giáo dục trẻ. Tăng cường tổ chức các hoạt động phát triển vận động cho trẻ.

- Các nhóm, lớp xây dựng góc tuyên truyền. Tăng cường tổ chức các hoạt động làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ được thực hành.

- Tổ chức hoạt động phát triển vận động dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện, cơ hội để trẻ phát huy tính độc lập, tự chủ của mình.

- Tăng cường tổ chức giao lưu tập thể các trò chơi vận động.

- Rà soát, xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục phát triển vận động trong các nhóm, lớp.

- Các nhóm, lớp xây dựng góc tuyên truyền. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến tầm quan trọng, nội dung, phương pháp giáo dục phát triển vận động trẻ mầm non cho phụ huynh và cộng đồng bằng nhiều hình thức.

- Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn do nhà trường tổ chức và tham gia các lớp tập huấn do phòng, Sở Giáo dục tổ chức.

- Tổ chức tập huấn cho 100% cán bộ quản lý và giáo viên đứng lớp.

- Phát động phong trào tự tạo đồ dùng đồ chơi phục vụ cho chuyên đề.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ việc thực hiện chuyên đề, theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện chuyên đề để cùng trao đổi, rút kinh nghiệm với giáo viên các nhóm, lớp.

*** Chuyên đề “Giáo dục tài nguyên môi trường, biển, đảo, giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu.**

a, Yêu cầu.

- Trẻ có kiến thức ban đầu về môi trường sống của con người, về các hiện tượng thời tiết như nắng, mưa, dông, bão,... Trẻ biết ích lợi của môi trường sống đối với đời sống con người để biết tại sao phải bảo vệ môi trường và biết ứng phó với các hiện tượng thời tiết như mưa, gió bão, sấm sét,... thì phải tìm nơi trú ẩn, đi ngoài trời nắng, mưa phải đội mũ nón,... . Từ đó giúp trẻ có một số hành vi, thái độ ứng xử phù hợp.

- Có một số kỹ năng sống: Thân thiện, quan tâm, chăm sóc (Con vật, cây,...). Có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường nơi công cộng (không vứt giấy rác bừa bãi, bỏ rác đúng nơi quy định, không bẻ cành, lá,...)

- Trẻ có ý thức bảo vệ đồ dùng, đồ chơi, giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn vệ sinh chung.

- Môi trường hoạt động của trẻ đảm bảo an toàn, thân thiện.

b, Chỉ tiêu.

- 100% giáo viên nắm vững nội dung giáo dục bảo vệ tài nguyên môi trường biển, đảo, giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu.

- 3/3 điểm trường có sân chơi thoáng mát sạch sẽ, trồng cây xanh, cây bóng mát, cây cảnh tạo môi trường xanh, sạch, đẹp và an toàn

- 17/17 nhóm, lớp đảm bảo môi trường hoạt động an toàn cho trẻ, có đủ tài liệu tranh ảnh về các hiện tượng thiên nhiên, tài nguyên môi trường... sách hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục bảo vệ tài nguyên môi trường biển, đảo, giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu.

c, Biện pháp.

- Phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường cung cấp kiến thức, kỹ năng, thói quen cho trẻ. (Bỏ rác đúng nơi quy định, không vứt giấy rác bừa bãi, không bẻ cành, lá, ...)

- Chỉ đạo các nhóm, lớp xây dựng góc sách truyện, góc tuyên truyền, góc thiên nhiên, xây dựng môi trường hoạt động an toàn cho trẻ.

- Phát động phong trào trồng cây xanh, cây cảnh, làm đồ dùng, đồ chơi...
- Giáo viên tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm, các trò chơi, câu đố, kể cho trẻ nghe các câu chuyện có nội dung GD bảo vệ tài nguyên môi trường.

*** Chuyên đề “Giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả trong trường mầm non”**

a, Yêu cầu:

- Cung cấp cho trẻ những kiến thức ban đầu về một số dạng năng lượng thường được sử dụng như: Điện, xăng, dầu, rơm, củi, than, ga...
- Trẻ biết và hiểu được ích lợi các dạng năng lượng cần thiết đối với đời sống con người để biết tại sao phải sử dụng năng lượng tiết kiệm. Từ đó giúp trẻ có một số hành vi, thái độ ứng xử phù hợp.
- Trẻ có ý thức sử dụng năng lượng tiết kiệm như tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, tắt ti vi không khi xem, mở cửa thông thoáng để đón ánh sáng và luồng gió tự nhiên ...

b. Chỉ tiêu:

- 17/17 nhóm, lớp đảm bảo môi trường hoạt động an toàn cho trẻ, sách hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Xây dựng góc tuyên truyền về nội dung chuyên đề.
- 100% trẻ có ý thức tiết kiệm năng lượng như tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, tắt ti vi không khi xem,... biết thể hiện thái độ khi người xung quanh sử dụng năng lượng không tiết kiệm. (trẻ mẫu giáo).

c, Biện pháp:

- Phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường cung cấp kiến thức, kỹ năng, thói quen cho trẻ: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, tắt ti vi không khi xem, tắt vòi nước, tắt bếp sau khi sử dụng...
- Chỉ đạo các lớp xây dựng góc tuyên truyền về lợi ích, sự cần thiết của các dạng năng lượng đối với đời sống con người.
- Tuyên truyền vận động hưởng ứng ngày “Giờ trái đất”.
- Thực hiện lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục vào trong các hoạt động hàng ngày của trẻ nhẹ nhàng, phù hợp.

*** Các chuyên đề khác**

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chất lượng các chuyên đề khác như: Chuyên đề phát triển ngôn ngữ, phát triển nhận thức, phát triển thẩm mỹ, phát triển tình cảm kỹ năng xã hội.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ việc thực hiện nâng cao chất lượng chuyên đề, theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện chuyên đề để cùng trao đổi, rút kinh nghiệm với giáo viên các nhóm, lớp.
- Tổ chức chuyên đề ngày hội của bà của mẹ; tổ chức giao lưu tập thể như giao lưu âm nhạc, giao lưu các trò chơi vận động... cho trẻ mẫu giáo.

2.4. Ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

a. Nhiệm vụ

Tập huấn về chuyển đổi số cho GVNV nhà trường để, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng UDCNTT, đảm bảo mục tiêu chuyển đổi số.

Xây dựng đội ngũ cốt cán chuyển đổi số trong nhà trường.

Xây dựng kho học liệu phục vụ học tập của trẻ, sử dụng khai thác trên nhiều phương tiện khác nhau bao gồm cả thiết bị di động.

b. Giải pháp

Nghiêm túc triển khai thực hiện Kế hoạch số 43/KH-SGDĐT ngày 30/7/2021 của Sở GDĐT về tăng cường UDCNTT và chuyển đổi số trong ngành GDĐT tỉnh Ninh Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về tư tưởng, quyết tâm thực hiện chuyển đổi số cho GV, NV trong nhà trường.

Bồi dưỡng, đào tạo GV, NV kỹ năng công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin cần thiết.

Rà soát, bổ sung các thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số của nhà trường đáp ứng yêu cầu như: đường truyền Internet băng thông; máy tính; máy chiếu; TV thông minh; âm thanh... để phục vụ cho sinh hoạt chuyên môn, cuộc họp, hội nghị, hoạt động chuyên môn trực tuyến.

Can bộ quản lý đẩy mạnh việc khai thác dữ liệu các thông tin trên mạng sử dụng thành thạo máy tính để hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ thêm giúp giáo viên thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục, có kỹ năng soạn thảo văn bản, kỹ năng làm các loại báo cáo theo quy định, kỹ năng soạn giáo án điện tử, sử dụng 1 số phần mềm PCGDXM, phần mềm cơ sở dữ liệu ngành để phục vụ cho công tác quản lý.

Giáo viên trực tiếp tại các nhóm, lớp: tăng cường ứng dụng CNTT trong giảng dạy, trong hồ sơ sổ sách của nhóm, lớp. Thực hiện soạn giảng giáo án trên máy tính, mỗi giáo viên thực hiện ít nhất 1 hoạt động có ứng dụng CNTT/ tuần. Khai thác và ứng dụng có hiệu quả các thông tin trên mạng về cách chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, cách làm đồ dùng, đồ chơi, tạo các góc mở cho trẻ hoạt động của các nước tiên tiến như Nhật, Singapo, Mỹ..., đáp ứng nhu cầu và xu thế phát triển hiện nay.

Đối với trẻ khuyến khích, GV thiết kế các trò chơi, bài giảng điện tử tạo điều kiện cho trẻ được học, được chơi và tiếp xúc với máy tính, thông qua các trò chơi các bài giảng điện tử mà GV thiết kế.

Đối với nhân viên kế toán thực hiện ứng dụng có hiệu quả các phần mềm trong tính khẩu phần ăn, phần mềm kế toán Misa.

2.5. Công tác tuyên truyền, phối kết hợp với các bậc phụ huynh trong việc NDCSGD trẻ

a. Nhiệm vụ

Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác tuyên truyền phối kết hợp giữa nhà trường và cha mẹ trong chăm sóc giáo dục trẻ.

Nhà trường cùng phụ huynh tham gia vào các hoạt động của như một “kênh” thông tin phản hồi.

Chỉ đạo giáo viên thực hiện công tác tuyên truyền vận động trẻ đến lớp dưới nhiều hình thức khác nhau như: trò chuyện khi đón trả trẻ, bảng thông báo, các kênh zalo nhóm, qua đài phát thanh thôn...nhằm nâng cao ý thức của phụ huynh trong việc NDCSGD trẻ.

b. Giải pháp

Thông qua các buổi họp phụ huynh thực hiện công tác tuyên truyền tới các bậc phụ huynh về nội dung chương trình học của bé, thống nhất một số biện pháp chăm sóc và dạy trẻ, hướng dẫn phụ huynh cách rèn thêm con ở nhà.

Thường xuyên trao đổi với phụ huynh về thực tế của trẻ để kịp thời có biện pháp khắc phục

Vận động cha mẹ học sinh tham gia xây dựng cơ sở vật chất, tổ chức các hoạt động để cha mẹ học sinh cùng tham gia lao động vệ sinh trường lớp, trồng cây xanh, làm đồ dùng, đồ chơi cho trẻ, các chuyên đề, hoạt động nhà trường tổ chức.

Phối hợp với ban đại diện phụ huynh của lớp và phối kết hợp cùng với nhà trường trong việc tổ chức ngày lễ, ngày hội và các sự kiện đặc biệt ở trường mầm non như tổ chức các ngày hội ngày lễ ở trường, rằm trung thu...

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh về các hoạt động NDCSGD trẻ thông qua trang website, zalo, facebook của trường, của lớp.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu nhà trường

- Tích cực tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền; phối kết hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể để tiếp tục đầu tư bổ sung tu sửa nâng cấp CSVC tạo điều kiện làm tốt công tác nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.

- Triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản, chỉ thị, nghị quyết, nhiệm vụ trọng tâm của ngành, của cấp trên trong năm học tới toàn thể CBGVNV.

- Xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc giáo trẻ theo hướng đảm bảo mục tiêu, kết quả mong đợi cuối độ tuổi quy định tại chương trình GDMN phù hợp với điều kiện thực tế, chỉ đạo hoạt động thống nhất trong nhà trường.

- Duyệt kế hoạch năm học đối với các tổ chuyên môn.

- Thực hiện có hiệu quả công tác bồi dưỡng đội ngũ nâng cao trình độ tay nghề; tổ chức tốt chuyên đề hội thảo và đúc rút kinh nghiệm trong giảng dạy. Tích cực tham mưu và phối hợp với chính quyền, đoàn thể để tập trung xây dựng cơ sở vật chất trường học đảm bảo đủ điều kiện trong hoạt động giáo dục toàn diện

Quản lý chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ của các nhóm lớp trong việc triển khai và thực hiện kế hoạch năm học đảm bảo duy trì, giữ vững, phát triển chất lượng của nhà trường; tăng cường kiểm tra chất lượng chuyên môn, các chỉ tiêu, kế hoạch trong năm học...

Làm tốt công tác thi đua khen thưởng.

Đôn đốc, kiểm tra, đánh giá thực hiện các nhiệm vụ của các tổ chuyên môn và CBGVNV trong trường.

- Thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động. Xây dựng kế hoạch.

- Bồi dưỡng giáo viên tham gia giáo viên giỏi cấp huyện đạt được kết quả cao

- Duy trì, củng cố kỷ cương, nề nếp trường học, đặc biệt chú ý đến quy chế chuyên môn.

- Quản lý sâu sát chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của các nhóm lớp trong việc triển khai và thực hiện kế hoạch năm học đảm bảo duy trì, giữ vững, nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường; kiểm tra chất lượng định kì, thực hiện nghiêm túc công tác kiểm tra nội bộ trường học...

- Chỉ đạo làm tốt công tác chăm sóc bán trú trong nhà trường, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.

- Phối hợp với công đoàn trường thực hiện tốt chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Làm tốt công tác thi đua khen thưởng.

- Thực hiện phối hợp với các trường học trong xã trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, phối kết hợp với các cơ quan đoàn thể các doanh nghiệp cá nhân, phụ huynh, làm tốt công tác ủng hộ tài trợ cho nhà trường .

- Tạo điều kiện cho CB, GV, NV học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, chuyên đề cấp huyện, cấp tỉnh

- Tăng cường kiểm tra, dự giờ góp ý, rút kinh nghiệm, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chương trình. Kiểm tra ở các thời điểm khác nhau để kịp thời uốn nắn.

- Tổ chức chuyên đề, bồi dưỡng chuyên môn đi sâu, đi sát nắm bắt thực tế để có biện pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời.

- Chỉ đạo giáo viên xây dựng môi trường hoạt động đảm bảo an toàn, thân thiện, khuyến khích, động viên, tạo cơ hội cho trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động. Chỉ đạo các nhóm, lớp xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.

Các tổ chuyên môn và văn phòng

- Xây dựng kế hoạch chi tiết của tổ và tổ chức thực hiện theo kế hoạch.

- Quản lý chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của các nhóm lớp trong khối, tăng cường kiểm tra chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, các chỉ tiêu, kế hoạch trong năm học của từng nhóm lớp...

- Đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chuyên môn, tăng cường hình thức sinh hoạt chuyên môn theo hướng tự nghiên cứu, theo khối, tổ, nhóm... nhằm nâng cao chất lượng thực hiện các chuyên đề.

- Thực hiện quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, đồ dùng, thiết bị, hồ sơ của tổ theo quy định.

- Thực hiện công tác thi đua khen thưởng đối với các thành viên trong tổ. Phát hiện, bồi dưỡng, động viên những nhân tố mới tích cực.

- Thực hiện tốt việc phối kết hợp với các tổ khác trong trường, các đoàn thể trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Thực hiện phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong trường và các ban ngành đoàn thể tại địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ; tham gia đánh giá và xếp loại các thành viên của tổ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đề xuất khen thưởng, kỷ luật đối với giáo viên trong tổ; sinh hoạt 2 lần/tháng.

- Thường xuyên dự giờ các lớp, rút kinh nghiệm, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong tổ

3. Giáo viên

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đảm bảo theo quy định. Lựa chọn, lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục phù hợp linh hoạt vào các hoạt động hàng ngày của trẻ. Thực hiện theo dõi đánh giá trẻ, điều chỉnh kế hoạch kịp thời phù hợp với điều kiện thực tế. Đảm bảo trẻ đạt được mục tiêu, kết quả mong đợi theo quy định của chương trình GDMN.

- Thường xuyên trao đổi, liên lạc với phụ huynh để theo dõi nắm bắt tình hình sức khỏe trẻ. Tư vấn, hỗ trợ phụ huynh chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà, phối kết hợp với phụ huynh chuẩn bị hành trang cho trẻ vào lớp một.

- Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện cho trẻ hoạt động, thực hiện đảm bảo nội dung an toàn trường học, phòng, chống tai nạn thương tích, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.

- Thực hiện nghiêm văn hóa ứng xử học đường, mỗi cá nhân luôn học hỏi nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức, trình độ nghề nghiệp, tích cực thực hiện nhiệm vụ năm học, tham gia các phong trào, các cuộc vận động xã hội; Đổi mới tư duy, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng nhà trường.

- Tổ chức tốt các ngày lễ trong năm theo từng nhóm lớp như: Ngày trung thu, 20/10, ngày 20/11, tết và mùa xuân, ngày 8/3, lễ ra trường...

4. Nhân viên

	- XD kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên giáo viên. - Bàn giao trẻ 5 tuổi vào lớp 1. - Tổ chức tết thiếu nhi 1/6 và lễ ra trường cho các cháu 5 tuổi.	
06/2025	- Phân công cán bộ, giáo viên trực hè và nghỉ hè theo quy định. - Tổ chức nghỉ hè theo quy định - Kiểm tra việc bảo quản CSVC. - Phối hợp với y tế xây dựng ngày vi chất dinh dưỡng - Xây dựng kế hoạch trực bão lụt - Thành lập đội xung kích tham gia trực bão, lụt khi có bão. - Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ, giáo viên.
07/2024	- Tiếp tục dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn hè do sở, phòng mở. - Trực hè, trực bão lụt theo lịch phân công.

Trên đây là kế hoạch thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của chuyên môn nhà trường năm học 2024- 2025. được xây dựng từ thực tế của nhà trường, địa phương. Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường đề ra yêu cầu các tổ chuyên môn, các nhóm/lớp căn cứ nội dung kế hoạch, tình hình cụ thể của tổ của nhóm/lớp xây dựng kế hoạch chi tiết gắn với thực tiễn của tổ, của nhóm/lớp để tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các nhóm/lớp, các tổ báo cáo về Ban giám hiệu để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Các tổ CM, tổ VP, GVNV nhà trường và các nhóm, lớp TT (để thực hiện)
- Lưu VT, HSQL chuyên môn.

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

  

Đinh Thị Liên

Phạm Thị Thắm

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo kế hoạch số 126a kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trường mầm non
Ninh Hải năm học 2024-2025)

I. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CÁC ĐỘ TUỔI

1. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CÁC ĐỘ TUỔI NHÀ TRẺ

13 - 24 tháng	25-36 tháng
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
<i>Phát triển vận động</i>	
1. Trẻ bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.	1. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng / bụng và chân.
2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m.	2. Giữ được thăng bằng trong vận động đi / chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.
	3. Giữ được thăng bằng trong vận động chạy, chạy theo hướng thẳng. Đứng co một chân.
3. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt biết lăn bắt bóng với cô	4. Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: tung – bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1 - 1,2 m.
4. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn, chui qua vòng, qua vật cản.	5. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.
5. Thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném bằng một tay lên phía trước khoảng 1, đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m.	6. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong VĐ ném, đá bóng; ném xa lên phía trước bằng một tay(tối thiểu 1,5m
6. Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	7. Trẻ biết vận động cô tay, bàn tay, ngón tay – thực hiện “múa khéo,,.
7. Tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn xếp chồng được 2 - 3 khối trụ	8. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.
<i>Dinh dưỡng và sức khỏe</i>	
8. Thích ghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau	9. Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau
9. Ngủ một giấc buổi trưa.	10. Trẻ ngủ một giấc buổi trưa
10. Trẻ biết gọi người lớn khi có nhu	11. Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.

câu đi vệ sinh.	
11. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	12. Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).
	13. Trẻ chấp nhận: đội mũ khi đi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
12. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, bàn là bếp, bếp đang đun, xô nước) khi được nhắc nhở.	14. Trẻ biết tránh một số vật dụng nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.
13. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở	15. Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.
14. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở	16. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm(leo treo lên lan can, chơi nghịch các vật nhọn khi được nhắc nhở.
II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
15. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng	17. Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng
16. Bắt chước một số hành động đơn giản của người thân.	18. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
17. Chỉ hoặc nói được tên của mình và những người gần gũi khi được hỏi.	19. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi
18. Chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	20. Trẻ nói được tên và chức năng một số bộ phận cơ thể khi được hỏi
19. Chỉ/ lấy/ nói tên đồ dùng, đồ chơi hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	21. Nói tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc .
20. Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	22. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu
	23. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu
III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
21. Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay...	24. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay
22. Hiểu được từ “không”: dừng hành	25. Trẻ trả lời câu hỏi: “Ai đây?”; “Cái gì

động khi nghe “Không được lấy”, “Không được sờ”! ...	đây?”; “...làm gì?”; “...thế nào?” Ví dụ: Con gà gáy thế nào....
23. Trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”; “Con gì đây?”; “Cái gì đây”? được nhắc nhở.	26. Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.
24. Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt; vịt bơi, bé đi chơi.	27. Phát âm rõ tiếng
25. Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	28. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo
26. Nói được câu đơn 2-3 tiếng con đi chơi, bóng đá, mẹ đi làm.	29. Nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động đặc điểm quan thuộc
27. Chủ động nói nhu cầu mong muốn của bản thân(cháu uống nước, cháu muốn)	30. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: chào hỏi, trò chuyện- Bày tỏ nhu cầu của bản thân Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? Cái gì đây?
	31. Nói to, đủ nghe lễ phép
	32. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...
	33. Biết lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Biết xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh
IV. LĨNH VỰC PT TÌNH CẢM, KYC NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ	
28. Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	34. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).
29. Biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi	35. Trẻ thể hiện điều mình thích và không thích.
	36. Biểu lộ sự giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.
	37. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
30. Thích chơi với đồ chơi có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật	38. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quan thuộc/ gần gũi bắt chước tiếng

	kêu, gọi ...
31. Chào tạm biệt khi được nhắc nhở	39. Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.
	40. Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
32. Trẻ biết bắt chước một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	41. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)
33. Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn	42. Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác
	43. Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.
34. Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay,..)	44. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.
35. Trẻ thích vẽ, xem tranh	45. Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).

2. Mục tiêu giáo dục các độ tuổi Mẫu giáo

3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
1. Lĩnh vực phát triển thể chất		
a. Phát triển vận động		
<i>Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>		
1. Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	1. Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	1. Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.
<i>Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức vận động</i>		
2. Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m	2. Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m	2. Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động - Đi lên xuống trên ván dốc (dài 2m rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật

		đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây
3. Trẻ kiểm soát được vận động - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	3. Trẻ biết kiểm soát được vận động - Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt dích dắc)	3. Trẻ biết kiểm soát được vận động đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (Đổi hướng ít nhất 3 lần)
4. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	4. Trẻ biết Phối hợp tay - mắt trong vận động - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn) bắt được 3 lần liên không rơi bóng (Khoảng cách 3 m) - Ném trúng đích đứng (xa 1,5mx1,5m) - Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.	4. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động. - Bắt và ném bóng với người đối diện (Khoảng cách 4 m) - Ném trúng đích đứng (xa 2mx1,5m) - Đi, đập và bắt được bóng này 4 - 5 lần liên tiếp.
		5. Bật xa tối thiểu 50cm
		6. Trẻ nhảy từ độ cao 40cm
		7. Trẻ trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.
5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m) - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	5. Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m - Ném trúng đích ngang (xa 2m) - Bò trong đường dích dắc qua 5 điểm cách	8. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp - Trẻ chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây. - Trẻ biết cách ném trúng đích đứng (Cao 1,5m, xa 2m) - Trẻ biết cách bò vòng

	nhau 2m không chệch ra ngoài.	qua 7 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu
		9. Trẻ nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
Thực hiện và phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt		
6. Trẻ thực hiện được các vận động - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	6. Trẻ thực hiện được các vận động - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón tay.	10. Trẻ thực hiện được các vận động - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.
7. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động - Vẽ hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được 1 đoạn 10cm. - Xếp chồng 8-10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	7. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động - Vẽ hình người, nhà, cây - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Tắt sợi đôi - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày	11. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong hoạt động - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khoá (phéc mớ tuya).
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
8. Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Thịt, cá, trứng, sữa, rau,...)	8. Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm - Thịt, cá,... có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	12. Trẻ lựa chọn một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm - Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá.. - Thực phẩm giàu vitamin và muối

		khoáng: rau, quả...
9. Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau,...	9. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	13. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
10. Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	10. Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	14. Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước sôi để khỏe mạnh, uống nhiều nước ngọt, có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khoẻ.
<i>Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>		
11. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn - Rửa tay, lau mặt, súc miệng - Tháo tất, cởi quần, áo...	11. Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Trẻ tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	15. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản - Trẻ tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội hoặc giặt nước cho sạch.
12. Trẻ sử dụng bát, cốc, thìa đúng cách.	12. Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	16. Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.
13. Trẻ có một số KN tự phục vụ: Đi cầu thang, cởi và cất giày dép, cất ba lô, cách đứng lên ngồi xuống ghế, cách bê ghế, cách rửa tay, cách lấy nước uống, cách cài khuy áo, cách sử	13. Trẻ có một số KN tự phục vụ: Đi cầu thang, cách đóng mở cửa, cởi và cất giày dép, cách rửa tay, cách xúc miệng nước muối, cách lấy nước uống,	17. Trẻ có một số KN tự phục vụ: Xúc miệng nước muối, cách xử lý xì mũi, cách gấp quần áo, cách sử dụng kéo, cách chải tóc, cắt móng tay, quét rác trên sàn, lau

<p><i>dụng thìa.</i></p>	<p><i>cách xử lý hi mũi, cách mặc áo, cởi áo, cách cài khuy áo, cách gấp khăn lại, cách rót nước, cách sử dụng thìa, kéo khóa, vắt khăn ướt, tưới cây, lau lá cây, chuẩn bị giờ ăn nhẹ.</i></p>	<p><i>chùi nước, chuẩn bị giờ ăn nhẹ, mời trà, rửa cốc, vắt khăn ướt, đánh giầy, cách cắt dưa chuột, cách sử dụng đũa, cách cầm dao kéo đũa, tưới cây, lau lá cây.</i></p>
<p><i>Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i></p>		
<p>14. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Uống nước đã đun sôi... 	<p>14. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã. 	<p>18. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn - Không đùa nghịch, không làm vãi thức ăn. - Ăn nhiều thức ăn khác nhau - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường
<p>15. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giầy khi đi học khi được nhắc nhở. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. 	<p>15. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định. 	<p>19. Trẻ có một số hành vi thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết vệ sinh răng miệng, sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy; - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh - Trẻ nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt - Trẻ biết che miệng khi ho hắt hơi, khi ho, hắt hơi - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy

		định, không nhổ bậy ra lớp.
<i>Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</i>		
16. Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.	16. Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần, Biết các vật sắc nhọn không nên đùa nghịch	20. Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần, không nghịch các vật sắc, nhọn
17. Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	17. Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	21. Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, giếng, bụi dậm, bể chứa nước... là nguy hiểm, nói được mối nguy hiểm đến gần.
18. Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống khi được nhắc nhở. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn khi được nhắc nhở. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	18. Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quae lạ...không uống rượu bia, cà phê, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	22. Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... - Trẻ biết không được tự ý uống thuốc - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ để bị ngộ độc... uống rượu, bia, cà phê; hút thuốc là không tốt cho sức khỏe
	19. Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp	23. Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ - Biết gọi người lớn khi

	<p>khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p> <p>- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>	<p>gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn, người rơi xuống nước, ngã chảy máu ...</p> <p>- Biết tránh một số trường hợp không an toàn</p> <p>- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</p>
		<p>24. Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn</p> <p>- Sau giờ học tan về nhà ngay, không tự ý đi chơi.</p> <p>- Đi bộ trên hè, đi sang đường phải, có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.</p> <p>- Không leo trèo cây, ban công tường rào...</p>
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức		
a. Khám phá khoa học		
<i>Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.</i>		
19. Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	20. Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng.	25. Tò mò, tìm tòi khám phá sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa, <i>thời tiết theo mùa, hiện tượng gió thổi, ...</i>
20. Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi,	21. Trẻ phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như	26. Trẻ phối hợp các giác quan để quan sát xem xét và thảo luận sự

sờ ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng	kết hợp nhìn, sờ, ngửi, ném... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.
21. Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	22. Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	27. Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.
22. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	23. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	28. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau - Xem sách tranh ảnh, trò chuyện và thảo luận
23. Trẻ phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	24. Trẻ phân loại các đối tượng theo một hoặc 2 dấu hiệu	29. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau
		30. Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên.
<i>Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</i>		
24. Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	25. Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	31. Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.
	26. Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	32. Trẻ giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.
<i>Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</i>		
25. Trẻ mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	27. Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	33. Trẻ nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.

26. Trẻ biết được các nguồn nước, nguồn ánh sáng và lợi ích của chúng trong sinh hoạt hàng ngày	28. Trẻ biết được các nguồn nước, nguồn ánh sáng và lợi ích của chúng trong sinh hoạt hàng ngày. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	34. Trẻ biết được các nguồn nước, nguồn ánh sáng và lợi ích của chúng trong sinh hoạt hàng ngày. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
		35. Trẻ dự đoán được một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
27. Trẻ thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	29. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	36. Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...
		37. Trẻ phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng.
		38. Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân – kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.
		39. Trẻ loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
Nhận biết số đếm, số lượng		
28. Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	30. Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi bao nhiêu? là số mấy?	40. Trẻ quan tâm đến con số như thích nói về số lượng và đếm hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?.....
29. Trẻ đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	31. Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10	41. Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng
30. Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng	32. Trẻ biết so sánh số lượng của 2 nhóm đối	42. Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối

trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn..	tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất
31. Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	33. Trẻ gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	43. Trẻ gộp các nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10 và đếm.
32. Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	34. Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn	44. Trẻ tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.
	35. Trẻ sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	45. Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.
	36. Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	46. Trẻ nhận biết các số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
	37. Trẻ nhớ được từ 1-2 số điện thoại đường dây nóng như: 113, 114, 115, 111.	47. Trẻ nhớ được số điện thoại của đường dây nóng: 111, 113, 114, 115 ; số điện thoại của bố hoặc mẹ.
Sắp xếp theo quy tắc		
33. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	38. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại	48. Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.
		49. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc
		50. Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp

<i>So sánh hai đối tượng</i>		
34. Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	39. Trẻ biết sử dụng được dụng cụ đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	51. Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. (Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo)
<i>Nhận biết hình dạng</i>		
35. Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	40. Trẻ chỉ ra các điểm giống nhau, khác nhau giữa 2 hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	52. Trẻ gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật
	41. Trẻ sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	
<i>Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</i>		
36. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	42. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí đồ vật so với người khác.	53. Trẻ xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác
	43. Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	54. Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.
		55. Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày; <i>Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.</i>
		56. Trẻ dự đoán được một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra
	44. <i>Bước đầu có khả năng thao tác đơn giản với máy tính trong một số hoạt động học và trò chơi phù hợp với độ</i>	57. <i>Trẻ có khả năng thao tác đơn giản với máy tính trong một số hoạt động học và trò chơi phù hợp với độ tuổi.</i>

	<i>tuổi.</i>	
Khám phá xã hội		
<i>Bản thân, gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng</i>		
37. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	45. Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	58. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện
38. Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	46. Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	59. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình, quy mô gia đình khi được hỏi, trò chuyện xem tranh ảnh gia đình.
39. Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	47. Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện	60. Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm), số điện thoại khi được hỏi, trò chuyện
40. Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	48. Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	61. Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.
	49. Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	62. Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện
	50. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	63. Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
<i>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i>		
41. Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh	51. Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi,	64. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo;

	trò chuyện. Ví dụ: Nghề Thêu ren; Nghề Cói; Nghề mộc; Nghề Đá Mỹ Nghệ NV; Nấu rượu KS; Nem Chua Yên Mạc; Rượu cần NQ	nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới; nghề thêu ren tạo nên những bức tranh thêu đẹp (tranh ảnh, mặt gối, áo hanbok, khăn tay...”
		65. Trẻ kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.
Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh		
42. Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	52. Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	66. Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. + Lễ hội cổ đô Hoa Lư, Chùa Bái Đính, Báo bản Nộn Khê... + Di sản văn hóa và thiên nhiên: Vườn Quốc gia Cúc Phương, Danh thắng Tam Cốc Bích Động... - Trẻ nói được tên và nêu một vài nét đặc trưng của Lễ hội Hoa Lư.
		67. Trẻ thích tìm hiểu trường tiểu học, biết được ý nghĩa ngày quốc tế thiếu nhi 1-6.
		68. Trẻ mong muốn được trở thành học sinh được học ở trường tiểu học, hiểu được ý nghĩa ngày quốc tế thiếu nhi 1-6 là ngày tết của tất cả các bạn nhỏ trên khắp thế giới.
43. Trẻ kể tên một vài danh	53. Trẻ kể tên và nêu	69. Trẻ kể tên và nêu

lam, thắng cảnh ở địa phương.	một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương	một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước, đặc điểm của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương đất nước
		70. Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
<i>Nghe hiểu lời nói</i>		
44. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	54. Trẻ thực hiện 2 - 3 yêu cầu liên tiếp.	71. Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động
45. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	55. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ ...	72. Trẻ hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản gần gũi
46. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	56. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	73. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.
<i>Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</i>		
47. Trẻ nói rõ các tiếng.	57. Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được	74. Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được
48. Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	58. Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	75. Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.
49. Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	59. Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	76. Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...
50. Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra	60. Trẻ kể lại sự việc theo trình tự	77. Trẻ miêu tả sự việc với một số thông tin về

của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..		hành động, tính cách, trạng thái ...của nhân vật.
51. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	61. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	78. Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, ca dao, đồng dao...
52. Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	62. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc	79. Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội truyện
53. Trẻ bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	63. Trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	80. Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện
54. Trẻ sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,... trong giao tiếp.	64. Trẻ sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	81. Trẻ sử dụng các từ cảm ơn xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống
55. Trẻ nói đủ nghe, không nói lý nhí.	65. Trẻ điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	82. Trẻ điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh
56. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	66. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	83. Trẻ nghe, hiểu được nội dung câu truyện, thơ, ca dao, đồng dao, dành cho lứa tuổi của trẻ
57. Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	67. Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	84. Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
Làm quen với việc đọc - viết		
		85. Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.
		86. Trẻ thể hiện sự thích thú với sách
58. Trẻ đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ	68. Trẻ biết chọn sách để xem	87. Trẻ chọn sách để đọc và xem

sách xem tranh.		
59. Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	69. Trẻ mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	88. Trẻ kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân
60. Trẻ cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	70. Trẻ cầm sách đúng chiều và giở từng tranh để xem tranh ảnh (đọc) sách theo tranh minh họa (đọc vẹt)	89. Trẻ biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách
61. Trẻ biết giữ gìn sách	71. Trẻ biết giữ gìn và bảo vệ sách	90. Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách
62. Trẻ làm quen, nhận biết một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm,..)	72. Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	91. Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – vào, cấm lửa, biển báo giao thông
		92. Trẻ biết “viết” theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới
63. Trẻ tiếp xúc với chữ, sách chuyện	73. Trẻ nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt	93. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái Tiếng Việt
64. Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc	74. Trẻ sử dụng ký hiệu để (viết) tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng... <i>Tập tô, tập đồ một số các nét chữ</i>	94. Trẻ tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội		
<i>Thể hiện ý thức về bản thân</i>		
65. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	75. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố tên mẹ.	95. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại
66. Nói được điều bé thích, không thích.	76. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	96. Trẻ nói được những điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc bé không làm được.

		97. Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, và giới tính, sở thích và khả năng)
		98. Trẻ biết mình là con/cháu/ anh/chị/ em trong gia đình.
		99. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
<i>Thể hiện sự tự tin tự lực</i>		
67. Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	77. Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	100. Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)
68. Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	78. Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	101. Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao
<i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh</i>		
69. Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	79. Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi tức giận ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh.	102. Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.
70. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	80. Trẻ biết biểu lộ một số xúc cảm: vui, buồn, sợ hãi, tức giận ngạc nhiên.	103. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.
		104. Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.
71. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	81. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ, <i>biết ngày sinh nhật</i>	105. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt

	<i>của Bác (ngày 19/5)</i>	động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...), <i>biết ngày sinh nhật của Bác (ngày 19/5)</i>
72. Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	82. Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	106. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
	83. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	107. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hoá truyền thống (Trang phục, món ăn.....) của quê hương, đất nước.
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
73. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	84. Trẻ biết thực hiện một số quy định ở lớp và ở gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không ồn ào, vâng lời ông bà bố mẹ	108. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.
74. Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	85. Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi chào hỏi lễ phép.	109. Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.
75. Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	86. Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	110. Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.
76. Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	87. Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	111. Trẻ biết chờ đến lượt, tôn trọng, hợp tác và chấp nhận.
77. Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	88. Trẻ biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng được thực hiện hoạt động chung.	112. Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.
		113. Trẻ biết tìm cách giải

		quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn.
<i>Quan tâm đến môi trường</i>		
78. Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	89. Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	114. Trẻ thích chăm sóc con vật, cây cối quen thuộc
79. Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định.	90. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	115. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định
80. Trẻ không bẻ cành ngắt hoa khi được nhắc nhở	91. Trẻ không bẻ cành ngắt hoa.	116. Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)
81. Trẻ không để tràn nước khi rửa tay; không để thừa thức ăn khi được nhắc nhở.	92. Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. Không để thừa thức ăn khi được nhắc nhở.	117. Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi sử dụng, không để thừa thức ăn.
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		
<i>Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</i>		
82. Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	93. Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	118. Trẻ tán thưởng tự khám phá, bắt trước âm thanh dáng điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng...
83. Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắng nghe theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện	94. Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắng nghe) theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể	119. Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắng nghe, thể hiện động tác minh họa) theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe

	lại câu chuyện.	và kể câu chuyện.
84. Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	95. Trẻ thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	120. Trẻ thích thú ngắm nhìn, và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc, hoạt động tạo hình		
85. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc <i>Bước đầu làm quen cách hát to - nhỏ</i> - <i>Xướng âm đúng cao độ nốt Sol và nốt Mi.</i> - <i>Khám phá độ nhanh - chậm của âm thanh</i> - <i>Làm quen với trường độ của nốt đen và nốt móc đơn qua các hình ảnh biểu tượng</i>	96. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ.. - <i>Làm quen với cách hát đuổi, hát đối đáp</i> - <i>Xướng âm đúng cao độ nốt Sol, Mi, La.</i> - <i>Làm quen với trường độ của nốt đen và nốt móc đơn qua kí hiệu hình màu</i> - <i>Làm quen với dấu lặng đen</i> - <i>Làm quen với trường độ của nốt trắng.</i>	121. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ..... - <i>Làm quen với cách hát Rap,...</i> - <i>Xướng âm đúng cao độ nốt Sol, Mi, La, Do, Re.</i> - <i>Luyện tập nhận biết trường độ nốt nhạc qua trò chơi với các thanh tiết tấu (nốt đen, nốt móc đơn, nốt trắng, dấu lặng đen)</i>
86. Trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc, (vỗ tay theo phách nhịp, vận động minh họa)	97. Trẻ vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa..)	122. Trẻ vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo tiết tấu, múa..)
87. Trẻ làm quen với một số động tác yoga, nhảy hiện đại, dân vũ đơn giản.	98. Trẻ làm quen với một số động tác yoga, nhảy hiện đại, dân vũ	123. Trẻ biết tập một số động tác yoga, biết nhảy hiện đại, dân vũ.
88. Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	99. Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	124. Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm

89. Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	100. Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	125. Trẻ biết phối hợp kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
90. Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	101. Trẻ biết xé cắt theo đường thẳng, đường cong, và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục	126. Trẻ biết phối hợp kỹ năng xé cắt dán tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
91. Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối	102. Trẻ biết làm lốm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	127. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối
92. Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	103. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	128. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.
93. Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình.	104. Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	129. Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục
<i>Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</i>		
94. Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	105. Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	130. Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích
	106. Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát.	131. Trẻ gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.
95. Trẻ tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	107. Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	132. Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích
96. Trẻ biết đặt tên cho sản	108. Trẻ biết đặt tên	133. Trẻ biết đặt tên cho

phẩm tạo hình	cho sản phẩm tạo hình	sản phẩm tạo hình
		134. Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát

II. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN, THỜI KHÓA BIỂU, NGÂN HÀNG NỘI DUNG - HOẠT ĐỘNG

1. Độ tuổi nhà trẻ: Nhóm 13-24 tháng tuổi

1.1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

TT	Chủ điểm /Sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (chủ điểm nhánh)	Ghi chú
1	Ôn Tập	Từ ngày 29/08/2024 đến ngày 6/9/2024	- Nề nếp, vệ sinh cho trẻ	
2	Gia đình của bé 9 tuần (Tết trung thu)	Từ ngày 09/09/2024 đến ngày 8/11/2024	- Ông bà kính yêu - Bố mẹ yêu của bé - Mũ dẹt của bé - Quần áo của bé	
3	Những con vật đáng yêu 9 tuần (Ngày nhà giáo VN- Tết nguyên đán)	Từ ngày 11/11/2023 đến ngày 10/01/2025	- Nhận biết con chó, con mèo - Nhận biết con thỏ - Nhận biết con gà trống, gà mái Nhận biết con vịt	
4	Hoa quả rau 8 tuần (Ngày hội của bà, của mẹ)	Từ ngày 13/01/2025 đến ngày 14/3/2025	Nhận biết rau muống, rau ngót... - Nhận biết bắp cải, su hào... - NB hoa hồng, hoa cúc. - NB quả cam, quả chuối...	
5	Phương tiện giao thông 9 tuần	Từ ngày 17/3/2025 đến ngày 16/5/2025	- Nhận biết ô tô - Nhận biết xe đạp, xe máy - Nhận biết thuyền, tàu thủy	
6	Ôn tập	Từ ngày 19/5/2025 đến ngày 30/5/2025	- Nhận biết bắp cải, su hào... - Nhận biết xe đạp, xe máy	

1.2 Dự kiến thời khoá biểu hoạt động học Nhóm 13 – 24 Tháng tuổi.

Thứ	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	
Hoạt động	Vận động	HĐVĐV	Nhận biết	Âm nhạc	Thơ tuần (1+3)	chuyện (tuần 2+4)

1.3. Dự kiến ngân hàng nội dung – hoạt động

Mục tiêu	CĐ/SK thực hiện	Nội dung- hoạt động	Điều chỉnh, bổ sung
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT			
a) Phát triển vận động			
1. Bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.	Chủ điểm: 1,2,3,4.	<p>* Hô hấp: tập hít thở</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hít vào + Thở ra + Thổi bóng + Gà gáy + Xe máy + Máy bay + Ô tô + Tàu hoả + Thổi nơ <p>* Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau</p> <ul style="list-style-type: none"> + 2 tay giơ lên cao, hạ xuống + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống + 2 tay đưa về phía trước- đưa về phía sau + 2 tay đưa về phải trước, 2 tay đưa về phía sau <p>* Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghiêng người sang 2 bên phải- trái + Quay người sang 2 bên phải trái + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên <p>* Chân: Dạng sang 2 bên, ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đứng nhún chân + Ngồi xuống, đứng lên + Bật tại chỗ. <p>- Phối hợp các nhóm cơ để thực hiện</p>	

		<p>các kiểu đi: Đi thường, đi nhanh, đi chậm,</p> <p>- Tập với nhạc vui nhộn: Bé khỏe; Tay em, Tập với vòng; Tập với cành hoa; tập với quả; Gà gáy; Thỏ con; ga con; chim non Ồ sao bé không lắc;; cây cao cây thấp; lái ô tô.</p>	
2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên tay và đi hết đoạn đường 1,8 - 2m.	Chủ điểm : 1,2,3,4,.	<p>- Tập đi, chạy:</p> <p>+ Đi theo hướng thẳng.</p> <p>+ Đi bước qua dây (gậy)</p> <p>VĐCB: Đi trong đường hẹp.</p> <p>+ VĐCB: Đi bước qua vật cản.</p> <p>+ VĐCB: Đi có mang vật trên tay</p> <p>+ VĐCB : Đi theo hiệu lệnh.</p>	
3. Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt biết lăn - bắt bóng với cô.	Chủ điểm: 1,2,3,4	<p>- Tập tung, ném:</p> <p>+ Ngồi lăn bóng.</p> <p>+ Đứng tung, bắt bóng với cô.</p> <p>- Ném bóng bằng 1 tay</p> <p>- Lăn bóng bằng 2 tay</p> <p>- Tung bóng qua dây</p> <p>- Ném bóng vào đích nằm ngang.</p>	
4. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	Chủ điểm: 1,2,3, 4	<p>- Bò, trườn tới đích</p> <p>+ Trườn về phía trước</p> <p>+ Bò trườn đến vật chuẩn</p> <p>+ Bò về phía trước có mang vật trên lưng</p> <p>- Bò chui:</p> <p>+ Bò chui (dưới dây/gậy kê cao)</p> <p>+ Bò chui qua vòng</p>	
5. Thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném xa bằng 1 tay lên phía trước được khoảng 1,2m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m).	Chủ điểm 1,2,3,4.	<p>+ Ném bóng bằng 1 tay</p> <p>- VĐCB: Ném bóng bằng 1 tay lên phía trước</p> <p>+ Đá bóng về phía trước</p>	
6. Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay	Chủ điểm : 1,2,3,4,.	<p>- Luyện cọ đuôi ngón tay, cầm bóp, gõ, đóng đồ vật.</p> <p>Vẽ nguệch ngoạc bằng ngón tay</p> <p>* HĐ chơi tập ở góc:</p>	

		<ul style="list-style-type: none"> + Nhón nhặt đồ vật - Đóng mở nắp hộp có gen + Đóng cọc bàn gỗ + Xâu luôn dây + Vo giấy, xé giấy + Lật mở trang sách + Múa theo nhạc + Trò chơi VĐ: Con sên, 5 ngón tay, con muỗi, , con chim, tay đẹp, những chú gà con, , con cua đá, , các trò chơi VĐ mô phỏng các con vật, các phương tiện giao thông ... 	
7. Tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ	<p>Chủ điểm: 1,2,3,4</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tháo lắp, lồng hộp tròn, xếp chồng được 3 - 4 khối + Tháo lắp vòng - Lồng hộp + Nhào đất nặn. + Xâu vòng tặng mẹ . + Lật mở trang sách. + Đóng cọc bàn gỗ. + Chắp ghép hình. + Chồng, xếp 3- 4 khối gỗ. * HĐ chơi tập ở góc: thực hành kỹ năng: + Tập cài, cởi khuy các hình (con vật, cây, quả, hoa..) + Dùng tay làm mềm đất bằng các thao tác: Nhào đất, bóp đất, ấn đất... 	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8. Thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	<p>Chủ điểm: 1,2,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; thể hiện nhu cầu ăn uống, vứt rác đúng nơi quy định. . - Thực hiện các hoạt động ăn, ngủ vệ sinh theo chế độ sinh hoạt 1 ngày. - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. Nhận biết, nói tên một số món ăn, giá trị dinh dưỡng 	

		của từng loại thức ăn hàng ngày ở trường. - Trẻ giữ gìn vệ sinh răng miệng sau khi ăn xong: xúc miệng bằng nước muối...	
9. Ngủ một giấc buổi trưa.	Chủ điểm : 1,2,	- Luyện thói quen ngủ một giấc trưa. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa, ngủ đúng giờ, ngủ liền 1 giấc, không giật mình, không khóc vào buổi trưa, đọc bài thơ: giờ đi ngủ, giờ ngủ...	
10. Biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	Chủ điểm: 1,2,3,4	- Tập luyện 1 số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi,, cô khi bị ướt, bị bẩn. - Tập thể hiện nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	
11. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn. (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa tập xúc cơm ăn, cầm cốc uống nước).	Chủ điểm: 1,2,3,4	- Tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. + Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt.	
12. Biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	Chủ điểm : 1,2,3,4.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết tên gọi và công dụng của một số vật dụng: bếp, phích nước, xô, giẻ lau nước. - Nhận biết các nguy cơ không an toàn khi chơi, sử dụng các vật dụng đó. - Nhận biết một số dấu hiệu nguy hiểm trong cuộc sống và có một số kỹ năng thoát hiểm: Thoát khỏi đám cháy, phóng tránh bắt cóc...	
13. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn ghế...), khi được nhắc nhở.	Chủ điểm: 1,2,3,4,.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. - Không ra khỏi lớp một mình; Không đi theo người lạ; Không cho vật nhỏ vào tai, mũi; Không nghịch vật sắc nhọn. Không đứng lên ghế; Không ném đồ chơi; Không nghịch dao, kéo; không chọc vật sắc nhọn vào bạn,	

		<p>Không trèo leo; Chơi gần bờ ao; Đi một mình ra đường;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem tranh ảnh, chỉ vào những đồ vật, nơi nguy hiểm và phòng tránh. - Xem clip, xem tranh những hình ảnh không an toàn (VD Clip: Em bé chơi gần ao bị ngã xuống ao; Em bé chạy ra đường bị quẹt xe, bị bắt cóc; Em bé cầm que chọc vào bạn; Em bé đứng lên ghế bị ngã..... 	
II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC			
14. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<p>Chủ điểm: 1,2,3,4,.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi, đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. 	
* Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.			
15. Bắt chước hành động quen thuộc của những người thân.	<p>Chủ điểm: 1</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Tên, đặc điểm nổi bật, của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Trò chuyện về màu sắc, kích thước của những đồ vật gần gũi mà trẻ có thể nhìn thấy. - Trò chơi: - Xúc cho bé ăn, cho bé uống nước - Cho bé ăn uống - Bóng xanh, bóng đỏ - NB: Bát to bát nhỏ... 	
16. Chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	<p>Chủ điểm: 1</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. + Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. + Tên của cô giáo, các bạn, nhóm lớp. - NB: ông bà của bé - NB: Bố mẹ của bé - NB: Quần áo của bé - NB: Mũ dép của bé - Trò chuyện về các bạn của bé 	
17. Chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	<p>Chủ điểm: 1.</p>	<ul style="list-style-type: none"> + Tên, chức năng chính một số bộ phận cơ thể: mắt, mũi, miệng, tay, chân. - Trò chuyện tên một số bộ phận của cơ thể : Mắt, miệng , tai, chân , tay... 	

18. Chỉ/lấy/nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	Chủ điểm: 2,3.	<ul style="list-style-type: none"> + Tên, đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - NB: Hoa cúc, hoa hồng - NB: Cây rau to, cây rau nhỏ - NB: Quả cam, quả chuối - NB: con gà trống, con gà mái - NB: con chó, con mèo - NB: con thỏ - NB: Con vịt - NB: su hào, cà rốt... - NB: Rau muống, Bắp cải, ... 	
19. Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	Chủ điểm : 2,3,4,	<ul style="list-style-type: none"> + Màu cơ bản: Đỏ, xanh, kích thước to – nhỏ + NB: Màu đỏ, màu xanh - NB: Hoa, quả màu đỏ -NB: con gà màu xanh, con gà màu đỏ, - NB: con chó màu đỏ, con chó màu xanh.... - Kích thước to – nhỏ: Cây rau to, cây rau nhỏ,.... - NB: tàu thủy to – nhỏ. Tên, đặc điểm nổi bật công dụng một số phương tiện giao thông quen thuộc + NB: Ô tô - NB: Tàu hỏa - NB: Xe máy, xe đạp - NB: Thuyền – máy bay... 	
III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ			
20. Thực hiện được các yêu cầu đơn giản đi đến đây, đi rửa tay.	Chủ điểm: 1,2,3,4.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật hành động quen thuộc 	
21. Hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “Không được lấy”, “Không được sờ”! ...	Chủ điểm : 1,2,3,4.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói ; “ Không được trèo ghế” , “ Dừng lại ... 	
22. Trả lời các câu hỏi “ Ai đây? Con gì đây? Cái gì đây? ...	Chủ điểm: 1,2,3,4,	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các câu hỏi : “ Ở đâu?”, “ Con gì?”, “ Thế nào” ví dụ : “ Gà gáy thế nào?” “Cái gì?“, “ Làm gì?” Nghe các bài hát, bài thơ đồng dao, 	

		<p>ca dao, và truyện kể đơn giản theo tranh</p> <p>Kéo cua lừa xẻ, chi chi chành chành, nu na nu nống, dung dăng, dung dẻ,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu mẹ, - Đi dép - Chú gà con, - Đàn bò - Bắp cải xanh, - Mẹ tắm cho bé. - Giờ ăn của bé, - Bé cho gà vịt ăn, - Gà mẹ dẫn gà con đi tìm mồi. - Cô và các bạn xem hoa, - Cây táo - Xe lu xe ủi - Tàu thủy tí hon.... 	
23. Nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: con vịt, vịt bơi, bé đi chơi ...	Chủ điểm :3,4,.	<ul style="list-style-type: none"> - Phát các âm khác nhau gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi - Trả lời và đặt câu hỏi: “cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu?. - Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản và câu dài. 	
24. Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	Chủ điểm: 2,3,4	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ: Yêu mẹ, đi dép chú gà con, đàn bò, hoa nở, cây bắp cải, con tàu, xe đạp - Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh: Anh đá bóng . 	
25. Nói được câu đơn, câu có 2 - 3 tiếng: Con đi chơi, bóng đá, mẹ đi làm; ...	Chủ điểm: 3,4,.	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được câu đơn, câu có 3 - 3 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh: Tranh Mẹ mặc áo cho bé, tranh gà mẹ dẫn gà con đi kiếm ăn, con cá, con sứa, tranh về các loại rau quả, tranh các con vật , tranh một số phương tiện giao thông 	
26. Chủ động nói nhu cầu mong muốn của bản thân	Chủ điểm : 3,4	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện nhu cầu mong muốn của mình bằng các câu đơn giản - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. 	

(cháu uống nước, cháu muốn...)		<ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện với trẻ để tạo cho trẻ tâm thế vui vẻ, mạnh dạn trò chuyện và bày tỏ nhu cầu của mình với cô và chơi cùng bạn - Nghe và thực hiện một số yêu cầu của cô giáo: VD: Cát đồ chơi sau chơi, bê ghế, vứt rác vào thùng rác... + Xem tranh, truyện về các con vật, hoa quả, gia đình, các hoạt động trong lớp, các phương tiện giao thông + Xem sách về đồ dùng và trang phục yêu thích của bé, tập lật mở các trang sách đúng cách. 	
IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XH VÀ THẨM MĨ			
27. Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	Chủ điểm : 1	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết tên của mình - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi của , mình. - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, trong nhóm lớp 	
28. Biểu lộ thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. Với những người gần gũi	Chủ điểm: 1,2,3,4,.	<ul style="list-style-type: none"> - Thích giao tiếp với người xung quanh. - Thực hiện một số hành vi văn hóa trong giao tiếp: Chào, cảm ơn, vâng dạ, chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi, không cấu, cắn bạn. - Trò chơi “Chăm em ốm”, bé ơi ngoan nào, alô! Chào bạn - tôi là.... - Thực hiện một số qui định của lớp không ra khỏi lớp một mình : vứt rác đúng nơi qui định, cất đồ chơi sau chơi - Tập nói đủ nghe, không hét to. Lễ phép - Nói câu có từ « dạ vâng ạ » - Thực hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (nấu ăn, bế em... Thực hiện một số thao tác: gấp quần áo, cài khuy áo...) - Tập chăm sóc cây: tưới nước cho cây, không bẻ cành lá, ngắt hoa - Thực hiện một số luật lệ GT cơ bản (Đèn đỏ dừng lại, đèn xanh được đi, còn bé khi ra đường phải đi cùng 	

		<p>người lớn.)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được 1 số hành vi tốt trong sinh hoạt hàng ngày (xếp hàng chờ đến lượt, cất dọn đồ chơi đúng nơi quy định khi chơi xong, chơi thân thiện cạnh bạn, nhường bạn không tranh dành với bạn. 	
29. Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với những người xung quanh.	Chủ điểm : 1,2,	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, giận dữ - Nhận biết một số hành động như: chào hỏi lễ phép, ôm hôn những người thân trong gia đình. - Tham gia vào các hoạt động chơi tập cùng cô và bạn - Biết biểu lộ tình cảm của mình với những người thân trong gia đình, cô giáo, với những người xung quanh. - Biểu lộ tình cảm thích các loài hoa đẹp, thích ăn các loại rau quả. 	
30. Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật - Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	Chủ điểm: 1,2,3,4,	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu lộ cảm xúc qua cử chỉ nét mặt: vui, buồn, sợ hãi. - Gần gũi, mạnh dạn giao tiếp với cô và các bạn 	
31. Chào, tạm biệt khi được nhắc nhở	Chủ điểm: 1,2,	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số hành vi văn hoá và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ "ạ" vâng", chơi cạnh bạn không cầu bạn. 	
32. Bắt chước được một vài hành vi xã hội(Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại	Chủ điểm : 1,2,3,4.	<ul style="list-style-type: none"> - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi để thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản thông qua các trò chơi: Tập bế Búp bê, cho Búp bê ăn 	
33. Làm theo một số yêu cầu của người lớn.	Chủ điểm : 1,2,3,4.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. 	
34. Thích nghe hát và vận động theo	Chủ điểm : 1,2,3,4,	<ul style="list-style-type: none"> + Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau: nghe âm thanh của 	

nhạc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay, ...)		<p>các nhạc cụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe hát, nghe nhạc <p>Nghe âm thanh của các dụng cụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe âm thanh to - nhỏ - Nghe âm thanh khác nhau <p>Cháu yêu bà, mẹ yêu không nào, Chiếc khăn tay, đôi dép, rửa mặt như mè, con chim non, Ra vườn hoa em chơi. lý cây xanh, màu hoa quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cây trúc xinh. Bác đưa thư vui tính <p>Nghe bài hát: Em đi chơi thuyền Nghe bài hát: Bé làm phi công Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con gà trống - Gà trống mè con và cún con - Em tập lái ô tô 	
35. Trẻ thích vẽ, xem tranh	Chủ điểm : 1,2,3,4.	<ul style="list-style-type: none"> + Vẽ các đường nét ngoặc khác nhau, xé, vò, xếp hình. + Làm quen với đất nặn - Nhào đất, bóp đất, véo đất - Xâu vòng + Chơi xếp hình. - Xếp cái bàn - Xếp đường đi - Xếp ngôi nhà. - Xếp hàng rào - Xếp cái thuyền - Xếp ô tô.... - NB đồ chơi có màu xanh, màu đỏ - Xem tranh ảnh về các chủ điểm , tranh chuyện . - - Xem tranh: Gia đình, tranh các con vật, tranh các loại hoa, các loại quả, các loại rau. Tranh phương tiện giao thông 	

2. Độ tuổi 25-36 tháng tuổi

2.1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

TT	Chủ đề/Sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (Chủ đề nhánh)	Ghi chú
1	Ôn tập	Từ ngày 29/8/2024 đến	Rèn nề nếp lễ phép chào hỏi và vệ sinh cho trẻ	

		ngày 6/9/2024		
2	Bé và các bạn (Tết trung thu)	Từ ngày 9/9/2024 đến ngày 27/9/2024	Lớp học của bé Các bạn của bé Bé biết nhiều thứ	
3	Đồ dùng đồ chơi của bé.	Từ ngày 30/9/2024 đến ngày 18/10/2024.	Đồ chơi ngày lễ, ngày hội Đồ chơi của bé Đồ dùng bé thích	
4	Mẹ và những người thân yêu của bé	Từ ngày 21/10 đến ngày 15/11/2024	Ông bà kính yêu của bé Bố mẹ kính yêu của bé Anh chị yêu quý của bé Gia đình yêu thương của bé	
5	Các cô giáo trong trường MN (Ngày NGVN)	Từ ngày 18/11 đến ngày 06/12/2024	Các cô giáo trong nhóm nhà trẻ Các cô giáo trong ban giám hiệu Các cô nuôi dưỡng	
6	Các con vật đáng yêu	Từ ngày 9/12/2024 đến ngày 03/01/2025	Các con vật nuôi trong gia đình (nhóm 2 chân) Các con vật nuôi trong gia đình (nhóm 4 chân) Các con vật sống dưới nước Các con vật sống trong rừng	
7	Ngày tết vui vẻ (Tết nguyên đán)	Từ ngày 06/01/2025 đến ngày 7/02/2025	Mâm ngũ quả trong ngày tết Các món ăn trong ngày tết Ngày tết bé làm gì? Những bông hoa trong ngày tết	
8	Cây và những bông hoa đẹp (Ngày QTPN)	Từ ngày 10/02/2025 đến	Những bông hoa đẹp Vườn quả của bé Bé với các loại rau	

		ngày 7/3/2025	Bé yêu cây xanh
9	Có thể đi khắp nơi bằng phương tiện gì?	Từ ngày 10/03 đến ngày 4/04/2025	Phương tiện giao thông đường bộ
			Phương tiện giao thông đường thủy
			Phương tiện giao thông đường sắt
			Phương tiện giao thông đường không
10	Mùa hè đến	Từ ngày 07/04 đến ngày 25/4/2025	Thời tiết mùa hè
			Nước
			Trang phục mùa hè
11	Bé lên mẫu giáo	Từ ngày 28/4 đến ngày 16/05/2025	Lớp học của bé
			Các hoạt động của bé trong nhóm lớp
			Bé lên mẫu giáo
12	Ôn tập	Từ ngày 19/5 ngày 30/05/2025	Phương tiện giao thông đường bộ
			Bé làm gì khi lên mẫu giáo
			Lớp mẫu giáo 3 tuổi của bé

2.2 Dự kiến thời khóa biểu

Thứ	Thứ 2	Thứ 3		Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	
Hoạt động	TDVĐ	THƠ (tuần 1+3)	TRUYỆN (tuần 2+4)	NHẬN THỨC	HDVĐV	ÂM NHẠC (tuần 1+3)	TẠO HÌNH (tuần 2+4)

2.3. DỰ KIẾN NGÂN HÀNG NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

Mục tiêu	Chủ đề thực hiện	Nội dung hoạt động
Lĩnh vực phát triển thể chất		
Phát triển vận động		
1. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài	Chủ đề: 1,2,3,4,5,6,7,8	* Hô hấp: tập hít vào, thở ra. + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ; Thổi

<p>tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.</p>	<p>,9,10.</p>	<p>bóng + Gà gáy; Xe máy; Máy bay; Ô tô, Tàu hoả Thổi nơ * Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc cổ tay. + 2 tay giơ lên cao, hạ xuống (kết hợp vẫy cổ tay); 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống + 2 tay đưa về phía trước- đưa về phía sau + 1 tay đưa về phía trước, 1 tay đưa về phía sau (2 tay đưa về phía trước, 2 tay đưa về phía sau) * Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. + Nghiêng người sang 2 bên phải- trái + Quay người sang 2 bên phải trái + Cúi người xuống, đứng thẳng người lên + Ngửa người ra phía sau * Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân. + Đứng nhún chân; Ngồi xuống, đứng lên + Bật tại chỗ. - Phối hợp các nhóm cơ để thực hiện các kiểu đi: Đi thường, đi nhanh, đi chậm, đi mũi chân, đi gót chân, đi khom lưng, chạy nhanh, chạy chậm. - Tập với nhạc vui nhộn (Tùy theo nhận thức của trẻ, từng lớp): Bé khỏe; Tập với quả bông, vòng; cành hoa; Tập với gậy; Ô sáo bé không lắc;</p>
<p>2. Giữ được thăng bằng trong vận động đi thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay</p>	<p>Chủ đề: 1,2,3,4;5;6;8;9</p>	<p>- Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh. + Đi trong đường hẹp. + Đi trong đường ngoằn ngoèo. + Đi có bê vật trên tay + Đi theo hiệu lệnh đi đều + Đi bước vào các ô + Đi bước qua vật cản + Đi bước vào các vòng.</p>

3. Giữ được thăng bằng trong vận động chạy, chạy theo hướng thẳng. Đứng co một chân.	Chủ đề: 3;4;5;6;7;10	+ Đứng co 1 chân. + Chạy theo hướng thẳng ; Đi kết hợp với chạy; + Nhún bật tại chỗ; Nhún bật về phía trước; Bật qua các vạch kẻ; Bật xa bằng 2 chân;
4. - Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; 1,2m; Ném vào đích xa 1 - 1,2m.	Chủ đề: 5,6,7,8,9;10	- Tập tung, bắt: + Tung bóng qua dây; Lăn bóng trúng đích. Tung bóng bằng 2 tay; Tung bắt bóng cùng cô;
5.. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	Chủ đề: 1, 2, 7,8,	- Tập bò, trườn: - VĐCB: Bò trong đường hẹp; Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng; Bò theo đường ngoằn ngoèo; Bò, trườn qua vật; Bò chui qua cổng
6. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	Chủ đề: 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10.	+ Ném xa bằng 1 tay - VĐCB Ném bóng về phía trước; * TCVD : Bóng tròn to; Trờn nắng trời mưa; Bắt bóng bay; Con rùa; Con bọ dừa; Thổi bóng; Bong bóng xà phòng; Lộn cầu vòng; Gieo hạt nảy mầm; Dung dăng dung dẻ; Chơi với dải lụa, cấp hạt bỏ giỏ, Gà trong vườn rau, Hái quả, nu na nu nống, kéo cưa lừa xẻ, , bắt bóng, ô tô và chim sẻ, lăn bóng, đập xe, chuyển bóng, đứng bằng 1 chân, ai nhanh nhất, bắt bướm, chuyển quả, đi siêu thị, con chuồn chuồn, câu cá, tạo dáng con vật, * TC dân gian : Bịt mắt bắt dê, dung dăng dung dẻ, lộn cầu vòng, kéo co, mèo đuổi chuột. * HD chơi tập ở góc (Vận động tĩnh) : Xâu lá; Xâu vòng hoa (hoặc hạt)các màu; Xâu luôn dây; Xếp nhà bằng các khối gỗ, Tập nặn đất nặn; Tập nhào bột, xếp đường đi- hàng rào bằng khối gỗ hoặc hạt (hạt gạo, sỏi, củ lạc..), xếp phương tiện giao thông bằng khối hình (ô tô, tàu hỏa, thuyền * HD ngoài trời : Giao lưu các trò chơi vận động giữa các tổ, các lớp cùng độ tuổi.
7. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện múa khéo.	Chủ đề: 1,2,3,4,5,6,7,8 ,9,10.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót nhào, quấy, đảo, vò xé - Tập xâu, luôn dây, cài, cời cúc, buộc dây.

		<ul style="list-style-type: none"> - Nhón nhật đồ vật. * HĐ chơi tập ở góc: + Nhón nhật đồ vật + Đóng cốc bàn gỗ + Xếp chồng 6-8 khối gỗ + Xâu luồn dây + Vo giấy, xé giấy + Rót nước, khuấy, đảo, nhào bột + Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, + Lật mở trang sách + Múa theo nhạc + Trò chơi VĐ: Con sên, 5 ngón tay, con muỗi, trời nắng trời mưa, con chim, tay đẹp, những chú gà con, xoay xoay xoay, con cua đá, con nhện, các trò chơi VĐ mô phỏng các con vật, các PTGT ... - Trẻ thực hiện cùng cô qua trò chơi dân gian và trò chơi vận động.
8. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động nhào đất nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	Chủ đề: 1,2,3,4,5,6,7,8 ,9,10.	<ul style="list-style-type: none"> + Tập cầm bút tô, vẽ. + Nhào đất nặn. + Xâu vòng tay; vòng đeo cổ. - Xâu vòng màu xanh tặng bạn gái - Xâu vòng màu xanh đỏ tặng bạn - Xâu vòng có màu vàng tặng các cô giáo mẫu giáo - Xâu vòng: Bằng các loại quả; các con vật + Lật mở trang sách. + Chồng, xếp 6 – 8 khối. * HĐ chơi tập ở góc: thực hành kỹ năng: + Tập cài, cởi khuy các hình (con vật, cây, quả, hoa..) + Nhào đất, nặn đất, lăn đất, ấn đất... + Cầm bút tô, vẽ, di màu, in màu, chấm màu, thổi màu + Xâu dây, Buộc dây + Xâu các nguyên liệu có các hình dạng khác nhau theo từng chủ đề cho phù hợp để xâu thành vòng đeo tay- đeo cổ
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
9. Thích nghi với chế độ ăn	Chủ đề: 1,2,3	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. Nhận biết, nói

com, ăn được các loại thức ăn khác nhau.		tên một số món ăn, giá trị dinh dưỡng của từng loại thức ăn hàng ngày ở trường. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống, ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn, thể hiện nhu cầu ăn uống.
10. Ngủ 1 giấc buổi trưa.	Chủ đề: 1,2,3	- Luyện thói quen ngủ một giấc trưa, ngủ đúng giờ, ngủ liền 1 giấc, không giật mình, không khóc vào buổi trưa, đọc bài thơ: giờ đi ngủ, giờ ngủ...
11. Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	Chủ đề: 1,2,3,4,5	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: đi vệ sinh, vứt rác đúng nơi quy định.
12. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...).	Chủ đề: 4,5,6,7,8,9,10.	- Tập tự phục vụ + Xúc com, uống nước, xúc miệng bằng nước muối. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt, tự lau tay, lấy- cất ghế, + Tự lấy- cất ghế. Lau miệng sau khi ăn xong, - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. (lấy gối)
13. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh <i>- Biết tự đi giày, dép và cất giày, dép lên giá đúng nơi quy định</i>	Chủ đề: 1,2,3.	- Tập cho trẻ thói quen: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh. - Luyện tập một số kỹ năng tự phục vụ: Tự chùi mũi; Tự cầm cốc uống nước; Tự xúc com ăn; Vứt rác vào thùng rác; Ăn cháo, com với các loại thức ăn khác nhau theo đúng độ tuổi; Tập rửa tay: làm ướt tay, bôi xà phòng, lau tay vào khăn khô; lau mặt: cầm khăn, gập khăn; Thực hành: rửa tay, lau mặt trước- sau khi ăn - Tự cất balô, áo khoác đúng ngăn của mình; Tự đi giày dép, đội mũ, không đòi cởi quần áo khi người lớn chưa đồng ý.
14. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy	Chủ đề: 8,9,10.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép

hiêm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.		sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết tên gọi và công dụng của một số vật dụng: bếp, phích nước, xô, giếng nước. - Nhận biết các nguy cơ không an toàn khi chơi, sử dụng các vật dụng đó. - Nhận biết một số dấu hiệu nguy hiểm trong cuộc sống và có một số kỹ năng thoát hiểm: Thoát khỏi đám cháy, phóng tránh bắt cóc...
15. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn,...) khi được nhắc nhở.	Chủ đề: 9,10.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. - Không ra khỏi lớp một mình; Không đi theo người lạ; Không cho vật nhỏ vào tai, mũi; Không nghịch vật sắc nhọn. Không đứng lên ghế; Không ném đồ chơi; Không nghịch dao, kéo; không chọc vật sắc nhọn vào bạn, Không trèo leo; Chơi gần bờ ao; Đi một mình ra đường; - Xem tranh ảnh, chỉ vào những đồ vật, nơi nguy hiểm và phòng tránh. - Xem clip, xem tranh những hình ảnh không an toàn
Lĩnh vực phát triển nhận thức		
16. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	Chủ đề: 6,7	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi, đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn, nhẵn – xù xì.
17. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	Chủ đề: 2,3,4,6	+ Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Trò chuyện về ngày tết trung thu. - NB: Bánh nướng, bánh dẻo; Bánh trung, bánh giò - NB: ,Quần áo mùa đông, mùa hè; - NB: Bát to bát nhỏ; Muôi và thìa - NB: Bút chì, tập tô, sáp màu. - NB: Bóng to bóng nhỏ. - NB: Đồ chơi trong nhóm lớp (Túi cát,

		khô gỗ, quả bóng); Đồ chơi ngày hội bé biết; Một số đồ dùng bé thích. (Mũ, áo, dép).
18. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	Chủ đề: 1,3	+ Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. + Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. + Tên của cô giáo, các bạn, nhóm lớp. - NB: Ngày hội của bà của cô, chị. - NB: Gia đình bé; Ông bà của bé - Nhận biết về công việc của cô giáo trong lớp - Các cô giáo nuôi dưỡng. - Trò chuyện về các bạn của bé
19. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	Chủ đề: 1.	+ Tên, chức năng chính một số bộ phận cơ thể: mắt, mũi, miệng, tay, chân. - NB: Đôi bàn chân bé
20. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật hiện tượng gần gũi.	1,2,3,9	+ Tên, đặc điểm nổi bật của các sự vật hiện tượng gần gũi. - NB: Thêi tiết hàng ngày qua HĐNT, mọi lúc mọi nơi, HĐH
21. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc	Chủ đề: 5,6,7,	+ Tên, đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - NB: Hoa màu đỏ, màu vàng; - NB: Quả to quả nhỏ; Củ cà rốt, quả cà chua - NB: Hoa cúc, hoa hồng; Hoa đào, hoa Mai - NB: Quả xoài, quả hồng. - NB: Các loại rau: Củ su hào - Bắp cải - Cà chu. - NB: Bưởi, chuối, cam; Quả cam, quả chuối, thanh long NB: Củ rau xu hào, cà rốt - NB: Nhận biết một và nhiều loại hoa quen thuộc trong vườn trường. NB: Lá bàng to – Lá sấu nhỏ NB: Gà trống, vịt. Các con vật sống trong gia đình (Chó, mèo, lợn) Các con vật sống dưới nước (cá, tôm, cua); Các con vật sống trong rừng (Gấu, voi, khỉ).

22. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu	Chủ đề: 1,2,3,4,5,6,7,8,9, 10.	+ Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/ lớp. + Màu đỏ, vàng, xanh. + Nhận biết đồ chơi màu xanh; Nhận biết đồ chơi có màu vàng: Đồ chơi ngoài trời có màu xanh, cầu trượt, bập bênh - Nhận biết xe đạp, xe máy, ô tô, tàu thủy, thuyền buồm - NB màu xanh, màu vàng. - NB: Chọn đồ chơi màu xanh; Màu đỏ, màu vàng. - NB: Mặt trời, Mặt trăng; Nước cam, nước lọc; Mũ, nón, ô che nắng; Chọn con vật màu xanh; - Chọn quả có màu vàng; - Chọn rau, củ có màu xanh;
23. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ; vị trí trong không gian theo yêu cầu.	Chủ đề: 3,5,6,7,8,9,10	+ Kích thước (to - nhỏ) - Nhận biết: To và nhỏ - NB: Trên dưới, trước sau; hộp to hộp nhỏ - NB: Hình tròn; Hình vuông, tròn. - Nhận biết một và nhiều; Nhận biết bóng to, bóng nhỏ, Lá bàng to – Lá sấu nhỏ; NB Tàu thủy to, thuyền buồm nhỏ nhỏ + Nhận biết quả to màu xanh, quả nhỏ màu vàng + Nhận biết hình dạng kích thước lá rau và củ + Nhận biết máy bay to- máy bay nhỏ + Nhận biết ô trẻ nắng to, nhỏ có màu xanh đỏ; Bút sáp màu xanh, vàng, dài ngắn; Nhận biết vị trí trong không gian: Phía trên, phía dưới so với bản thân; Phía trước –Phía sau so với bản thân
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
24. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 - 3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	Chủ đề: 1,2,3,4	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? Làm gì? Ở đâu? Thế nào? Để làm gì? Tại sao?....
25 Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “... làm gì?”,	Chủ đề: 2,3,5,6,8,10.	- Nghe các câu hỏi: “Ai đây? cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?”. non

<p>“... thế nào?” (VD: con gà gáy thế nào?”, ...) <i>Nghe và trả lời khi nghe điện thoại</i></p>		
<p>26. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.</p>	<p>Chủ đề: 3,5,6</p>	<p>- Trẻ nhớ nội dung câu chuyện, tên chuyện và một số hành động của nhân vật trong chuyện.</p>
<p>27. Phát âm rõ tiếng</p>	<p>Chủ đề: 5,6,7,8,9,10.</p>	<p>- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: “cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? Tại sao? ”. - Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản và câu dài.</p>
<p>28. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.</p>	<p>Chủ đề: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10.</p>	<p>+ Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng. - Thơ: Giờ chơi; Bạn mới; Đôi mắt của em; Yêu mẹ; Bóng mây; Mưa rơi; Nước; Xe đạp; Thuyền ngủ bãi; máy bay; con tàu; Hoa nở; Bắp cải xanh; Cây dây leo; Cây đào; Bánh trung; Đi chợ tết; Chú gà con; Con voi; Con cá vàng; Cô và bé; (Trích đoạn) Bàn tay cô giáo; Cô và mẹ; Trích 2 khổ đầu bài thơ “Làm anh” Chối ngoan; Chối ngoan; Bập bênh; Đi dép; Mẹ và cô; Cô dạy; Bé lên mẫu giá + Đồng giao: Chi chi chành chành; Con sên; Tập tầm vông; Dung dăng dung dẻ; Nu na nu nống; + Truyện: “Thỏ con không vâng lời”; “Cháu chào ông ạ”; Cây táo; Đôi bạn nhỏ;</p>
<p>29. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen</p>	<p>Chủ đề: 6,7,8,9,10.</p>	<p>- Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự</p>

thuộc.		vật, hành động gắn gũi trong tranh.
30 Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	Chủ đề: 1;2,3,4,5,6,7,8 ,9,10.	- Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: chào hỏi, trò chuyện, - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “ Con gì đây? Cái gì đây? - Tạo tình huống để trẻ nói lên nhu cầu của bản thân - Nghe và thực hiện một số yêu cầu của cô giáo: VD: Cát đồ chơi sau chơi, bê ghế, vứt rác vào thùng rác... - Trẻ mạnh dạn tự tin, hồn nhiên thích được khám phá, đưa ra nhiều câu hỏi với cô về tên gọi một vài đặc điểm của sự vật, con vật, đồ vật, hoa, quả, cây quen thuộc mà trẻ không biết, trẻ đưa ra câu hỏi với cô: con gì đây? Cây gì đây?...
31. Biết lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Biết xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gắn gũi trong tranh	Chủ đề: 3,4,5,6,7,8,9,1 0.	Làm quen với sách: Xem: + Tranh, ảnh của trẻ, các hoạt động của trẻ và các bạn trong lớp... + Tranh ảnh về các giác quan trên khuôn mặt, các bộ phận trên cơ thể + Xem tranh, truyện về các con vật, hoa quả, gia đình, các hoạt động trong lớp, các phương tiện giao thông, tập lật mở các trang sách đúng cách.
32. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp. Nói to, đủ nghe, lễ phép.	Chủ đề: 3,4,5,	- Nói to, đủ nghe, lễ phép.
Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		
33. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	Chủ đề: 1, 10	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân, tên, giới tính của mình
34. Thể hiện điều mình thích và không thích.	Chủ đề: 3,4,5,6,7,8,9..	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên.

35. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	Chủ đề: 3,4,5,6,7,8,9,10.	- Thích giao tiếp với người xung quanh. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.
36. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	Chủ đề: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận. - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, giận dữ - Tham gia vào các hoạt động chơi tập cùng cô và bạn
37. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ	Chủ đề: 4,5,6,7,8,9,10.	- Biểu lộ cảm xúc qua cử chỉ nét mặt: vui, buồn, sợ hãi. - Gần gũi, mạnh dạn giao tiếp với cô và các bạn
38 Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	Chủ đề: 1, 5,10	- Quan tâm đến các vật nuôi. - Trẻ bắt chước tiếng kêu và hành động của 1 số con vật quen thuộc/ gần gũi. - NB tên gọi 1 số đặc điểm của các con vật quen thuộc. Bắt chước tiếng kêu, dáng đi và hành động của các con vật. - Thể hiện sự quan tâm, yêu quý các con vật nuôi qua các hoạt động, hành động.
39. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ	Chủ đề: 1,2,3,4	- Thực hiện một số hành vi văn hoá và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ "ạ" vâng", chơi cạnh bạn không cầu bạn.
40. Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	Chủ đề: 6,7,8,9,10	- Thực hiện được 1 số hành vi tốt trong sinh hoạt hàng ngày (xếp hàng chờ đến lượt, cất dọn đồ chơi đúng nơi quy định khi chơi xong, chơi thân thiện cạnh bạn, nhường bạn không tranh dành với bạn
41. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em,	Chủ đề: 5,6,7,8,9,10.	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi để thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản thông qua các trò chơi hoạt động góc.

khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).		
42. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	Chủ đề: 1,2,4	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
43. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	Chủ đề: 3,4,	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
44. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc	Chủ đề: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10.	<p>* Nghe hát:</p> <p>- Lại đây múa hát cùng cô; Em tập thể dục buổi sáng; bé ngoan; Em tập thể dục buổi sáng; bé và trăng; Phi ngựa; Đôi dép; Cháu yêu bà; Mẹ yêu không nào; Du em; Cả nhà thương nhau; Lại đây múa hát cùng cô; Bàn tay cô giáo; Cô và mẹ; Đồ con vật; Éch ộp; Chú voi con ở bản Đôn; Rửa mặt như mèo; Sắp đến tết rồi; Màu hoa; Ngày tết quê em; Cùng hát mừng xuân; Sắp đến tết rồi; Ra vườn hoa em chơi; Quả bốn mùa; Bầu và bí; Em yêu cây xanh; Bác đưa thư vui tính; Đoàn tàu nhỏ xíu; Em đi chơi thuyền; Anh phi công ơi; Mùa hè đến; Cho tôi đi làm mưa với; Cháu vẽ ông mặt trời; ; Bé đi mẫu giáo</p> <p>Mầm non Hạnh phúc thân yêu; Trường của cháu đây là trường mầm non.</p> <p>* Dạy hát: Chú mèo; Gà gáy; Chúc mừng năm mới; Màu hoa; Đố quả; Mời lên tàu lửa; Cháu lên ba;</p> <p>*VĐTN: Bóng tròn to; Cùng múa vui; Tập tầm vông; Múa cho mẹ xem; Cá vàng bơi; Trời nắng trời mưa; Kéo cưa lừa sè; Hoa trường em; Lái ô tô; Chiếc thuyền nan; Bé làm phi công</p>
45. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, khâu vòng, xem tranh (Cầm bút di màu, vẽ	Chủ đề: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10.	Tô màu Cái mũ màu xanh; Tô màu búp bê lật đật theo ý thích; Tô màu quả bóng bay theo ý thích; Tô màu bức tranh thuyền buồm trên biển; Di màu máy bay; Di màu ông mặt

<p>nguyệt ngoạc)</p>		<p>trời; Di màu: Quần áo mùa hè; Tô màu chiếc áo của cô; Tô màu chiếc cốc; bát, thìa; Di màu lên quả cà chua; đường đến trường ; Di màu chiếc bập bênh; chiếc áo tặng cô giáo; Di màu củ cà rốt; hoa cúc; Tô màu quả táo; củ cà rốt; con cá heo; Di màu con mèo; bánh chưng + Vẽ mưa; bánh xe ô tô; ông mặt trời</p> <p>+ Làm quen với đất nặn: nặn cánh hoa: Quả cà chua; thức ăn cho gà vịt; các loại quả hình tròn.; Nặn quả bóng; Nặn hòn bi; Nặn quả bóng tặng anh trai; Nặn đôi đĩa tặng cô nuôi dưỡng; Nặn thức ăn cho gà, vịt; Nặn thức ăn cho cá, tôm; Chiếc bánh dẹt; Nặn Cánh hoa; Nặn quả táo; nặn quả thị; Nặn bánh xe ô tô;</p> <p>+ Xâu vòng tặng bạn; Xâu vòng tặng Búp Bê; Xâu vòng: Bằng hạt hạt; Xếp đường đi; Xâu vòng hạt màu vàng tặng bà; Xâu vòng tặng mẹ; Xâu vòng màu xanh tặng cô giáo; Xâu vòng bằng con giống (chó, mèo); Xâu vòng quả; Xâu vòng hoa; Xâu vòng bằng lá; Xâu vòng tặng bé Lan.</p> <p>+ Xếp nhà tặng gia đình bạn Lan; Xếp Xếp bàn, ghế tặng cô giáo; Xếp chuồng cho con vật; Xếp kệ đặt bình hoa; Xếp hàng rào vườn rau; Xếp đoàn tàu; Xếp đường đi có hai màu xanh đỏ.</p> <p>+ Dán thuyền buồm, hoa đào; hoa tặng cô</p>
----------------------	--	---

3. Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi

3.1. Dự kiến chủ đề/ sự kiện

TT	Chủ đề/ Sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (Chủ đề nhánh)	Ghi chú
1	Ôn tập	Từ ngày 29/8/2024 đến ngày 6/9/2024	Ôn tập rèn nề nếp vệ sinh cá nhân cho trẻ	
1	Trường Mầm non (Tết trung thu)	Từ ngày 09/9/2024 đến ngày 4/10/2024	Trường mầm non Ninh Hải Bé và các bạn Trung thu của bé	

			Lớp 3 tuổi B Thân yêu	
2	Bản thân	Từ ngày 7/10/2024 đến ngày 01/11/2024	Tôi là ai?	
			Cơ thể của tôi thật đáng yêu	
			Tôi cần gì để lớn lên khỏe mạnh	
			Sở thích và hoạt động yêu thích	
3	Gia đình (Ngày NGVN 20/11)	Từ ngày 04/11 đến ngày 29/11/2024	Họ hàng gia đình	
			Nhu cầu gia đình	
			Gia đình tôi	
			Gia đình sống trong một nhà	
4	Nghề nghiệp (Ngày TLQĐ 22/12)	Từ ngày 02/12 đến ngày 27/12/2024	Nghề sản xuất	
			Chú bộ đội của bé	
			Các nghề phổ biến và quen thuộc	
			Nghề truyền thống của địa phương	
	Thực vật (Tết nguyên đán)	Từ ngày 30/12/2024 đến ngày 24/01/2025	Các loại rau, củ, quả	
			Một số loại cây quanh bé	
			Tết và mùa xuân	
			Hoa đẹp quanh bé	
5	Động vật	Từ ngày 03/02 đến ngày 28/02/2025	Động vật nuôi trong gia đình	
			Động vật sống dưới nước	
			Động vật sống trong rừng	
			Một số loại côn trùng	
7	Phương tiện giao thông (Ngày QTPN8/3)	Từ ngày 03/3 đến ngày 28/03/2025	Phương tiện giao thông đường bộ	
			Phương tiện giao thông đường không	
			Phương tiện giao thông đường thủy	
			Phương tiện giao thông đường sắt	
8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	Từ ngày 31/03 đến ngày 18/4/2025	Nước	
			Một số hiện tượng thời tiết	
			Mùa hè	
9	Quê hương đất nước Bác Hồ	Từ ngày 21/04 đến ngày	Đất nước Việt nam kì diệu	
			Quê hương yêu dấu	

		16/5/2025	Bác Hồ kính yêu Bác Hồ với các cháu nhi đồng	
	Ôn tập (Ngày sinh nhật Bác-Ngày tết TN 1/6)	Từ ngày 19/05 đến ngày 30/5/2024	Ôn tập những nội dung các mục tiêu đa số trẻ đạt chưa cao.	

3.2. Dự kiến thời khóa biểu hoạt động học khối 3 tuổi

THỨ 2	THỨ 3		THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	
	Tuần 1,3	Tuần 2,4			Tuần 1,3	Tuần 2,4
Thể dục	LQCC	Văn học	Toán	Khám phá	Tạo hình	Âm nhạc

3.3. Dự kiến ngân hàng nội dung – hoạt động

Mục tiêu	Chủ đề thực hiện	Nội dung-Hoạt động
1. Lĩnh vực phát triển thể chất		
a. Phát triển vận động		
<i>Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>		
1 Trẻ thực hiện đầy đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	CD1,2, 3,4,5,6, 7,8,9	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra, Thổi bóng bay, Thổi nơ - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên. + Hai tay đưa sang ngang, đưa lên cao. - Từng tay đưa lên cao, hai tay dang ngang Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao; Co duỗi tay bắt chéo 2 tay trước ngực. *Lưng, bụng, lườn: Đứng cúi về trước; Đứng quay người sang bên; Đứng nghiêng người sang trái, sang phải; Đứng cúi về trước, ngả người ra

		<p>sau; Đứng nghiêng người sang bên, kết hợp tay đưa lên cao hoặc để sau gáy.</p> <p>- Chân: Bước lên phía trước, bước sang ngang; Ngồi xổm, đứng lên; Đứng, khuyu gối; Co duỗi chân</p> <p>- Bật: Bật tại chỗ; Bật tách - chụm chân tại chỗ; Đứng nâng cao chân, gập gối; Bật lên trước, lùi lại, sang bên</p>
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất vận động		
<p>2. Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động</p> <p>- Đi hết đoạn đường hẹp (3mx0,2m)</p> <p>- Đi kiễng gót liên tục 3m</p>	<p>CD1,5, 8</p>	<p>- Quyền trẻ em: Quyền được phát triển</p> <p>- Đi kiễng gót; Đi trong đường hẹp; Bật tại chỗ; Bật về phía trước; Bật xa 20 - 25 cm.</p> <p>+ Trò chơi: Tung bóng, kéo cưa lừa xẻ, nu na nu nống, chi chi chành chành, lộn cầu vòng, tập tầm vòng</p>
<p>3. Trẻ kiểm soát được vận động</p> <p>- Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.</p> <p>- Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.</p>	<p>CD3,4, 8</p>	<p>- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.</p> <p>- Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.</p> <p>TC: Cáo và thỏ, đôi bạn khéo, cáo ơi ngủ à, ai nhanh nhất, về đúng nhà, chạy tiếp sức</p> <p>- Mèo đuổi chuột, chim sẻ và ô tô, bắt bướm, ếch con, sút bóng vào gôn, hát quả</p>
<p>4. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động</p> <p>- Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m).</p> <p>- Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).</p>	<p>CD 1,4,</p>	<p>Lăn, đập, tung bắt bóng với cô; Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.</p> <p>* TCVD: Sút bóng vào gôn, Chuyển bóng, Mèo và chim sẻ, Bắt bướm, Bóng tròn to, Ném bóng vào rổ, Cáo và thỏ, Hái quả, Ôtô và chim sẻ, thi ai ném đúng, đuổi bóng, về đúng nhà, dung dăng dung dẻ ...</p>
<p>5. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp</p> <p>- Chạy được 15 m liên tục theo</p>	<p>CD 5,6,7,9</p>	<p>- Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc; Bò chui qua cổng; Bò trong đường hẹp; Trườn về phía trước;</p>

<p>hướng thẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m) - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài. 		<p>Trườn theo hướng thẳng; Bước lên, xuống bục cao (Cao 30cm); Bật - nhảy tại chỗ; Ném xa bằng 1 tay; Ném trúng đích bằng 1 tay;</p>
<i>Thực hiện và phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt</i>		
<p>6. Trẻ thực hiện được các vận động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau. 	<p>CD 1,2,3,4, 5,6,7,8, 9</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể dục sáng, góc vận động, khởi động trong các giờ chuyển tiếp: Chơi xoay cổ tay, trò chơi cấp cua... - Qua các hoạt động: Vo giấy, xoáy vát khăn, vắn khăn, miết đất nặn, ấn dẹt đất nặn thành các con vật, hoa quả, viên phấn, cái vòng, ông mặt trời, mặt trăng.....
<p>7. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được 1 đoạn 10cm. - Xếp chồng 8-10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc. 	<p>CD2,6, 7,9</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đan, tết; Xếp chồng các hình khối khác nhau; Xé, dán giấy; Sử dụng kéo, bút; Tô vẽ hình tròn theo mẫu; Cài, cởi cúc + TCVD : Tập tầm vông, ai giỏi nhất, xoay cổ tay theo yêu cầu của cô, giấu tay, chơi với các ngón tay
b. Dinh dưỡng và sức khỏe		
<i>Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</i>		
<p>8. Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh</p>	<p>CD1,2, 3,5,6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền trẻ em: Quyền được sống. - Chúng mình cùng làm đầu bếp (góc nấu ăn); Cho trẻ xem tranh ảnh về một số thực phẩm quen thuộc; Quan sát vật thật; Xem clip; Trẻ hát bài: “Bữa ăn sáng” “Món ăn dinh dưỡng của chúng mình” - Trò chơi ai nói nhanh hơn: “Nói tên các thực phẩm mà bé biết”
<p>9. Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau,...</p>	<p>CD1,4, 6,9</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ xem hình ảnh, tranh, clip, tập giới thiệu các món như: trứng rán, cá kho, thịt kho tàu, canh rau...
<p>10. Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</p>	<p>CD1,2, 4,6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện với trẻ về các chất dinh dưỡng - Cho trẻ hát bài hát: “Bữa ăn sáng” “Món ăn dinh dưỡng của chúng mình”

		<p>Trò chuyện về một số thực phẩm quen thuộc trong các bữa ăn hàng ngày của trẻ, ích lợi của việc ăn các món ăn hàng ngày và luyện tập sức</p> <p>Cho trẻ hát bài: Bé khỏe bé ngoan</p> <p>Xem tranh ảnh, clip về một số món ăn: trứng rán, nấu cơm, luộc rau, luộc thịt, pha sữa...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động ăn trưa và chiều - Xem tranh ảnh và gọi tên các món ăn <p>Đọc thơ: Hời cái Kẹo, Họ đậu, Rau ngót rau đay, quả trang xanh</p> <p>Truyện “Gấu con béo tròn”, “Ngôi nhà ngọt ngào”</p>
<i>Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>		
11. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn	CĐ 1, 2, 3, 4, 6	<p>Hoạt động học KNS : Bé thoát hiểm khi có cháy</p> <p>*Trẻ thực hành một số kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cát ba lô, Cát dày dép, Cách đi tắt - Tháo tắt, Đi cầu thang, Cách bê ghế, Cách súc miệng nước muối, Cách rửa tay, cách rửa mặt trước khi ăn cơm lau miệng sau khi ăn (dưới sự giúp đỡ của người lớn cô giáo). - Lấy nước và uống nước, Cách cầm kéo, dao Cách đánh răng (mô hình), Cách cài khuy áo trẻ em (khuy to), Cách đóng mở khuy áo cúc bấm, Cách xếp quần áo, Cách kéo khóa bằng áo của trẻ, Luồn dây (bằng dù có đầu bọc nhựa cứng, luồn qua lỗ tròn). Xâu dây qua các đối tượng có lỗ tròn. Đan nan, Sử dụng kéo theo đường góc nhọn. Cách mở, tắt tivi. - Cầm bát, cầm thìa, cất xúc cơm, cất bát - Biết cách xử lý khi có mũi, khi ho
- Rửa tay, lau mặt, súc miệng.		
- Tháo tắt, cởi quần, áo		
12. Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	CĐ 1, 2, 3, 4, 6	
13. Trẻ có một số KN tự phục vụ: Đi cầu thang, cởi và cất giày dép, cất ba lô, cách đứng lên ngồi xuống ghế, cách bê ghế, cách rửa tay, cách lấy nước uống, cách cài khuy áo, cách sử dụng thìa.	CĐ 7	
<i>Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>		
14. Trẻ có một số hành vi tốt	CĐ	- Không nói chuyện trong khi ăn, nhai

<p>trong ăn uống khi được nhắc nhở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Uống nước đã đun sôi, không làm rơi thức ăn... 	<p>3,5,6,8,9</p>	<p>thức ăn khi rơi vãi ra bàn ăn, ăn hết xuất, không nô đùa trong khi ăn, uống nước đun sôi...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện với trẻ về các chất dinh dưỡng, cho trẻ xem clip khi ăn uống mất vệ sinh, trò chuyện qua tranh ảnh. - Cách mời cơm trước khi ăn (ở lớp, ở nhà)
<p>15. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học khi được nhắc nhở. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. 	<p>CD 1,4,5,8,9</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ rửa tay bằng xà phòng dưới vòi nước sạch trước khi ăn cơm và sau khi đi vệ sinh; Cho trẻ đọc bài thơ: “Rửa tay sạch”, “Giờ ăn”; Cùng cô lau dọn đồ dùng đồ chơi - Cô cho trẻ xúc miệng bằng nước muối sau khi ăn cơm. - Cô kể cho trẻ nghe câu chuyện “Gấu con bị sâu răng” Cho trẻ đọc thơ : “Đi nắng” - Trò chuyện với trẻ về các trang phục về các mùa và giáo dục trẻ - Trò chơi: Hãy làm theo tôi, Cho trẻ chơi góc bán hàng - Cho trẻ xem clip, tranh ảnh, và xử lý tình huống khi bị chảy máu, ốm đau.
<i>Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</i>		
<p>16. Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>CD 1,2,3,4,6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xem tranh ảnh, clip về những đồ dùng sử dụng điện, Đồ dùng an toàn và không an toàn -Trò chuyện, kể chuyện xem clip, tranh ảnh, về các tình huống gây nguy hiểm trong sinh hoạt hàng ngày
<p>17. Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>CD 4,7,8</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thơ: Tình bạn, Thỏ con đi học - Truyện: Cá rô ron không vâng lời, Xấu lắm Anh Trư, Không đi theo người lạ - Xem tranh ảnh, clip về giờ ăn, Nội quy giờ ăn - Thực phẩm tốt và có hại cho sức
<p>18. Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống khi 	<p>CD 1,2,3,6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thơ: Tình bạn, Thỏ con đi học - Truyện: Cá rô ron không vâng lời, Xấu lắm Anh Trư, Không đi theo người lạ - Xem tranh ảnh, clip về giờ ăn, Nội quy giờ ăn - Thực phẩm tốt và có hại cho sức

<p>được nhắc nhở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn khi được nhắc nhở. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. 		<p>khỏe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem clip không được trèo lên bàn ghế, lan can + Xem tranh ảnh về những nơi nguy hiểm không được đến gần hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) - TC: Gạch chéo những nơi không được đến gần, Gạch tranh, ai nhanh nhất, ai tinh mắt để tìm ra hành động đúng, sai... - Bài tập giấy: Nên và không nên, an toàn và nguy hiểm
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức		
a. Khám phá khoa học		
<i>Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</i>		
<p>19. Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.</p>	<p>CD6</p>	<p>- Quyền trẻ em: Quyền được phát triển và quyền được tham gia. Các bộ phận của cơ thể con người *HD học <ul style="list-style-type: none"> - Đôi mắt của bé; Miệng xinh của bé; </p>
<p>20. Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng</p>	<p>CD2,5, 7,8</p>	<p>Tai của bé; Các giác quan của bé; Bàn tay của bé; Đôi chân của bé Trò chơi: Ai nói nhanh, đồ bạn làm gì? Thi đếm đúng, Bé nhìn bằng gì?</p>
<p>21. Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.</p>	<p>CD6,7</p>	<p>2. Đồ vật: *HD học: Đồ dùng đồ chơi <ul style="list-style-type: none"> - Đồ dùng đồ chơi của lớp bé </p>
<p>22. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.</p>	<p>CD1,3, 4,5,6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đồ dùng bằng điện (lồng giáo dục tránh xa những chỗ nguy hiểm) Đồ dùng để ăn, Đồ dùng để uống trong gia đình - Đồ dùng bằng gỗ.
<p>23. Trẻ phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.</p>	<p>CD2,3</p>	<p>TC:Thi xem ai nhanh ; thi xem ai đúng, thi em ai khéo tay; thi xem đội nào nhanh</p>
<p>Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</p>		
<p>24. Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện</p>	<p>CD6</p>	<p>Phương Tiện giao thông *Hoạt động học <ul style="list-style-type: none"> - Quyền trẻ em: Quyền được tham gia. </p>

		<p>- Điều kì diệu của nước; Trời mưa, trời nắng; Ngày và đêm, mùa hè mùa đông.</p> <p>- Trang phục mùa hè (Mùa đông)</p> <p>- Hoạt động khác: Trẻ trải nghiệm: Các vật chìm nổi trong nước (Cho trẻ cầm sờ, đoán, thả vào nước vật nào sẽ nổi, chìm. Phân loại vật chìm vật nổi)</p> <p>- Thí nghiệm vật thấm nước và không thấm nước; Thí nghiệm sự hòa tan của nước</p> <p>- Quan sát mô tả nước (Cho trẻ nhìn, ngửi, uống, và nói lên vị của nước. Pha màu nước</p> <p>Trò chơi: Ai đoán nhanh, các vật nổi và chìm trong nước</p>
<p>27. Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...</p>	<p>CD1,5, 6,7</p>	<p>Hát: Cây xanh, bắp cải, em thích lái máy bay, rửa mặt như mèo, cá vàng bơi...</p> <p>Tạo hình: Vẽ hoa tặng cô giáo; Vẽ con cá; Vẽ con ong; Tô màu các loại quả; In hoa bằng vân tay; Vẽ theo ý thích...</p> <p>*HD khác: Góc phân vai đóng vai mẹ con, đóng vai bác sĩ, cô bán hàng... Góc tạo hình: Tô màu ô tô, vẽ ô tô, làm sách bộ sưu tập ô tô. Nên và không nên : Nói to, nói nhỏ, hát to, hát nhỏ, mở nhạc to, nhỏ... Góc âm nhạc(tạo ra các âm thanh) , góc tạo hình tô màu các đồ vật có trong cuộc sống</p> <p>*TC: Thi xem ai nhanh; Ai nói đúng hơn, kể đủ 3 thứ; Về đúng nhà mình; Đèn đỏ đèn xanh; Xem ai tinh mắt; Thêm bớt vật gì?... Ai giỏi hơn, Tai ai tinh, ai nhanh nhất, hưởng ứng theo nhạc...</p>
<p>b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</p>		
<p><i>Nhận biết số đếm, số lượng</i></p>		

28. Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	CD6	- Quyền trẻ em: Quyền được phát triển và quyền được tham gia - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
29. Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	CD7; 8; 9	- Số lượng 1 và 2; Nhận biết 1 và nhiều
30. Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	CD5; CD8	- Đếm trong phạm vi 5: + Đếm các đối tượng trong phạm vi 1 + Đếm các đối tượng trong phạm vi 2 + Đếm các đối tượng trong phạm vi 3 + Đếm các đối tượng trong phạm vi 4 + Đếm các đối tượng trong phạm vi 5 * HD khác: Đếm trên ngón tay, bài tập giấy nhận biết đếm từ 1-5, đếm các đối tượng có số lượng từ 1-5. Đếm vẹt, đếm đồ chơi, đếm rau, hoa, quả...Thực hiện trong sách BLQToán * TC: Tìm đúng nhà; cái túi kì diệu; Đếm đủ số lượng... Ai đoán đúng, ai giỏi hơn...
31. Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	CD6; CD7	- Tách, gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi 5: + Tách, gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi 2
32. Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.		+ Tách, gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi 3 + Tách, gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi 4 + Tách, gộp một nhóm đối tượng trong phạm vi 5 Trò chơi: Ai giỏi nhất, thử tri thông minh, Tìm nhà, kết bạn, Nhanh tay nhanh mắt, thi ai chọn nhanh, thêm bớt vật gì...
Sắp xếp theo quy tắc		
33. Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (Mẫu) và sao chép lại.	CD8	Hoạt động học Xếp tương ứng 1-1; Sắp xếp theo quy tắc 1-1 Trò chơi : Xâu vòng, tặng quà cho từng bạn, hãy sắp xếp theo tôi.

		Hoạt động khác: Ghép đôi
So sánh hai đối tượng		
34. Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/ nhỏ hơn; Dài hơn/ ngắn hơn; Cao hơn/ thấp hơn; Bằng nhau.	CD4; CD5	<p>*Hoạt động học</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết to hơn - nhỏ hơn. + Nhận biết dài hơn - ngắn hơn + Nhận biết cao hơn - thấp hơn + Ôn : To hơn – nhỏ hơn, cao hơn – thấp hơn, dài hơn – ngắn hơn <p>* HD khác: Bài tập trong sách, khâu vòng, tặng quà cho từng bạn, hãy sắp xếp theo tôi. Bài tập trong sách, Tô màu theo yêu cầu</p> <p>*TC: Thỏ tìm chuồng...Tìm bạn, ai nói đúng, ai tìm giỏi, ai cao hơn, hãy cùng đo...</p>
Nhận biết hình dạng		
35. Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	CD1; 4.5,6	<p>*HD học</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận biết và gọi tên hình tam giác - hình tròn + Nhận biết và gọi tên hình vuông - tam giác + Nhận biết và gọi tên hình tròn hình - vuông + Nhận biết và gọi tên hình tam giác - hình chữ nhật + Nhận biết và gọi tên hình vuông - hình chữ nhật <p>* HD khác: Tạo nhóm đồ dùng đồ chơi có dạng hình vuông - hình tròn, tô màu các hình theo yêu cầu, bài tập trong sách, tô hình, nổi hình...Góc tạo hình: Lắp ghép ngôi nhà, lắp ghép ô tô...</p> <p>*TC: Ai đoán giỏi, ai nhanh hơn, đồ vật có dạng hình gì? Cái túi kì lạ; Xếp hình, ghép hình</p>
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
36. Trẻ biết dùng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng	CD2	- Nhận biết phía trên, phía dưới của đối tượng so với bản thân

trong không gian so với bản thân.		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết phía trước, phía sau của đối tượng so với bản thân - Nhận biết tay phải, tay trái, bên phải bên trái của bản thân *HD khác: Bé cầm thế nào cho đúng, đồ vật đang ở đâu * Trò Chơi: Quay hướng theo yêu cầu ,tô màu đồ vật theo yêu cầu, bé cầm thế nào cho đúng, đồ vật đang ở đâu bắt bướm, bong bóng xà phòng, Ai làm đúng, Ai nhanh hơn
c. Khám phá xã hội		
<i>Bản thân, gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng</i>		
37. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	CD2	Hoạt động học KNS: Nhận biết một số vùng riêng tư và đụng chạm (hoặc hành vi) an toàn - không an toàn.
38. Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	CD3	- Quyền trẻ em: Quyền được bảo vệ
39. Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện	CD3	<ul style="list-style-type: none"> - Tên tuổi giới tính của bản thân - Tên của bố mẹ các thành viên trong gia đình
40. Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	CD1	<ul style="list-style-type: none"> - Kể được một số đặc điểm đơn giản về những người thân trong gia đình - Biết địa chỉ gia đình - Tên lớp, trường, tên và công việc của cô giáo - Tên các bạn đồ dùng đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ trong lớp. *TC: Nhận đúng tên; Nhớ tên; Tìm bạn thân; Gia đình ngăn nắp; Nhà bé ở đâu; chuẩn bị bữa ăn; Về đúng nhà; Người đầu bếp giỏi, Giúp cô tìm bạn; Trốn tìm...
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
41. Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	CD4	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với sản phẩm nghề nông. - Trò chuyện với trẻ về các nghề phổ biến trong xã hội. - Trò chuyện với trẻ về công việc của cô giáo mầm non.

		<p>- Trò chuyện với trẻ về một nghề truyền thống của địa phương.</p> <p>* HD khác: Trò chuyện về nghề nông, xây dựng, nghề mộc, nghề nón lá. Vẽ, tô màu những sản phẩm của các nghề phổ biến. Xem tranh ảnh, video về sản phẩm của nghề đó</p> <p>*TC: Đóng vai kĩ sư xây dựng, đóng vai cô bán hàng bán các loại sản phẩm nghề nông, nghề nón lá, nghề mộc...Thi xem ai nhanh; Ai chọn đúng; Giúp cô tìm người làm nghề;</p>
Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh		
42. Trẻ kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	CD9	<p>* HD học</p> <p>+ Ngày tết trung thu; Ngày 20-10; Ngày nhà giáo Việt nam 20/11; Ngày thành lập QĐND Việt Nam 22- 12; Ngày tết nguyên đán; Ngày hội của bà và mẹ (ngày 8/3);Tết thiếu nhi 1/6; Ngày lễ hội của địa phương: Sắc vàng Tam Cốc, Lễ hội Thái vi; Danh lam thắng cảnh của địa phương (Đình Các, Chùa Bích động, Đền Thái vi)</p>
43. Trẻ kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	CD9	<p>+ Danh lam thắng cảnh của thủ đô Hà Nội (Hồ gươm, lăng Bác, chùa một cột..)</p> <p>+ Ẩm thực của quê hương (Thịt dê, Cơm cháy)</p> <p>* HD khác: Làm bưu thiếp, làm đồ chơi trung thu, tô màu bức tranh ngày hội bé được tham gia ở trường. Hát: Đêm trung thu, chiếc đèn ông sao, cô và mẹ, mẹ yêu, chúc tết, đón tết về, chú bộ đội, vui đến trường,...Trò chuyện, xem tranh ảnh, clip về các lễ hội. Xem tranh ảnh, video các danh lam thắng cảnh của HN. Hát: Nhớ ơn Bác, yêu hà nội, Nghe: Hà Nội cổ tích</p>

		*TC: Ai nói đúng hơn, kể đủ 3 thứ...Về đúng địa danh; Ai có tranh giống tôi; Gắn đúng tranh...
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
<i>Nghe hiểu lời nói</i>		
44. Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản	CD1,2	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn trẻ làm theo yêu cầu đơn giản của cô giáo và người lớn - Trò chuyện, đàm thoại, mô tả về các loại rau, hoa, quả, cây quen thuộc. - Trò chuyện, quan sát, đàm thoại về nước và một số các hiện tượng tự nhiên: Nắng, mưa, bão, sấm, sét, cầu vồng, các mùa... - Khuyến khích động viên trẻ biết bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng. - Hướng dẫn trẻ biết kể lại sự việc. - Những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim,.. <p>Thor: Sáo học nói; Trường em, Mẹ và cô, Nghe lời cô giáo, Đôi mắt của em , Xoè tay, Cái lược, Cháu yêu bà, Bà và cháu, Chia bánh, Chiếc quạt nan, Các cô thợ, Chiếc cầu mới, Bàn tay đẹp, Bé xếp nhà, Cây dây leo, Hồ sen, Bắp cải xanh, Cây đào, Cây dây leo, Kể cho bé nghe, Mười quả trứng tròn, Rong và cá, Gà mẹ đếm con, Khuyên bạn, Bé và mẹ, Đèn đỏ, đèn xanh, Xe chữa cháy, Bé và mẹ; Mùa xuân 8/3; Bé yêu trăng; Mưa xuân; Cầu vồng; Nắng; Trưa hè; Bốn mùa; Tia nắng; Nước; Mưa làm nũng; Mưa rơi; Làng em buổi sáng; Quê em; Hoa quanh lăng Bác;</p> <p>*TC: TC truyền tin, cái gì thay đổi, ai nói đúng, hãy nhắc lại cho đúng, Làm theo cô, ai làm giỏi hãy bắt chước câu</p>
45. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	CD 5	
46. Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	CD3,5, 6,8	
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
47. Trẻ nói rõ các tiếng.	CD2	
48. Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	CD5,7	
49. Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép.	CD1,2, 8	
50. Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	CD2	
51. Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	CD1,2, 5,7	

		giống tôi, ai nhanh nhất. Trò chơi luyện phát âm, khả năng nghe hiểu cho trẻ: Nói theo cô, bạn nào nói đúng, nói cho bạn nghe,...
52. Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	CD1,3, 4,5,6,7, 9	Truyện: Mèo hoa đi học, Đôi bạn thân, Nếu không đi học, Mẹ dặn bé, Gấu con bị sâu răng, Cậu bé mũi dài, Mỗi người một việc, Bé minh quân dũng cảm, Anh em nhà thỏ, Chiếc bánh tặng mẹ, Bông hoa cúc trắng, Cây rau của thỏ út, Thỏ nâu làm vườn, Nhỏ củ cải, Vương quốc rau, Hương thơm của các loại hoa, Chú đỗ con, Hoa mào gà, Bác gấu đen và hai chú thỏ, Giọng hát chim sơn ca, Rùa con tìm nhà, Xe lu và xe ca, Ô tô con học bài” Qua đường; Giọt nước tí xíu; Cốc kiến trời; Chú bé giọt; Sự tích hồ gươm nước; Ai quan trọng hơn; Truyền thuyết “Vua Hùng trồng kê tra lúa”; Sự tích hồ gươm; Sự tích bánh chưng bánh giày; Ai ngoan sẽ được thưởng; Khen các cháu
53. Trẻ bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	CD4	
54. Trẻ sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa,...Trong giao tiếp.	CD2	- Hướng dẫn trẻ sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
55. Trẻ nói đủ nghe, không nói lý nhí.	CD1	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
56. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	CD1,3, 4,5,6,7, 8,9	- Nghe cô kể và đàm thoại cùng cô về nội dung các câu chuyện, bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi trong các chủ đề
57. Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi	CD 2,3,4,5, 6,7,8,9	
Làm quen với việc đọc - viết		
58. Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	CD 8,9	- Quyền trẻ em: Quyền được phát triển - Hoạt động đọc sách: Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.
59. Trẻ nhìn vào tranh minh họa	CD8	

và gọi tên nhân vật trong tranh.		+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
60. Trẻ cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	CD8	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:
61. Trẻ biết giữ gìn sách	CD5	- Bé làm sách, bộ sưu tập của bé, kể chuyện theo tranh, kể chuyện sáng tạo,
62. Trẻ làm quen, nhận biết một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm,..)	CD2	- Hướng dẫn trẻ làm quen với một số chữ cái + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
63. Trẻ tiếp xúc với chữ, sách chuyện	CD 2	+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
64. Trẻ thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	CD1	- Trò chuyện qua tranh , ảnh, xem tạp chí... - TC: 2 bàn tay xinh, những ngón tay kì diệu - Tạo hình: Vẽ trên sân trường, vẽ theo ý thích, làm quen với màu nước... - Dạy trẻ làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ,...

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm - xã hội

Thể hiện ý thức về bản thân

65. Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	CD2	- Quyền trẻ em: Quyền được bảo vệ - Trò chuyện với trẻ về giới tính Tên tuổi bản thân trẻ; Cho bé soi gương - Trò chơi: Ai giống bé, Tên tôi là gì, Tìm bạn giống mình , Tay trái tay phải của bé
66. Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	CD2	Trò chuyện với trẻ về sở thích của bé (Bé thích làm gì món gì, thích ăn gì, bé không thích mặc gì ...) - Trò chơi: Đi siêu thị mua sắm; Vì sao bé buồn; Tổ chức sinh nhật; Cửa hàng thực phẩm, bé mặc quần áo; Bé là người đầu bếp giỏi ... * Hát bài hát Em yêu cây xanh

Thể hiện sự tự tin tự lực

67. Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	CĐ 8,9	Lao động tự phục vụ, VS cá nhân Hoạt động trực nhật: Xếp gói, chuẩn bị đồ trước giờ ăn ,.....
68. Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	CĐ 7	TC: Ai nhanh nhất, Ai giỏi hơn, ai đoán nhanh? Hoa Trạng nguyên, Trả lời nhanh , trò chơi dân gian: Mèo đuổi chuột, cướp cờ, ném long, kéo co, lộn cầu vồng,.... Các hoạt động trò chuyện, giao lưu, hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt tại lớp. Hoạt động trò chuyện đầu giờ. Hoạt động ngoài trời, hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động chiều
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh		
69. Trẻ nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	CĐ3	HD khác: Bé soi gương, Trò chuyện Khuôn mặt bé, Bé thấy thế nào? Vẽ, dán, nặn, tô màu khuôn mặt thể hiện cảm xúc (cười, khóc, méu...) Âm nhạc "khuôn mặt cười", Chọn và gắn tranh theo mẫu (vui, buồn, tức giận, sợ hãi)
70. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	CĐ7	TC: Nhìn hình đoán tâm trạng của người khác vui hay buồn; khuôn mặt bạn thế nào? trò chơi tìm và nối đúng cảm xúc với khuôn mặt; Bắt chước biểu lộ cảm xúc theo tranh ảnh...
71. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	CĐ9	- Cô cho trẻ xem video clip có hình ảnh Bác Hồ; Quan sát ảnh: Bác hồ với các cháu thiếu nhi; Bác Hồ với nhân dân; Bác đang làm việc
72. Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	CĐ9	Cô kể cho trẻ nghe câu chuyện Ai ngoan sẽ được thưởng, Khen các cháu, Bát chè sẽ đôi, các em sạch và ngoan thật, Đối với các cháu bé - Đọc bài thơ: Ảnh Bác; Tặng các cháu nhi đồng; Thư gửi các cháu - Hát bài: Hát nhớ ơn bác; Đêm qua em mơ gặp Bác hồ
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		

73. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	CD 2	- Trẻ xếp đồ chơi và cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi khi thực hiện chơi và sau khi chơi xong biết vâng lời bố mẹ - Cho trẻ hát bài: “Hết giờ”; “Em biết vâng lời mẹ”; Bài thơ: Giúp bà, Chuyện: “Cháu ngoan”
74. Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	CD 1,2	Giáo dục trẻ , biết lễ phép với ông bà , bố mẹ cô giáo và tất cả người lớn
75. Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	CD 1	- Cho trẻ xem video về bạn nhỏ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn khi người lớn cho quà và biết nói lời xin lỗi khi được nhắc nhở
76. Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	CD 2	- Cho trẻ hát bài: Lời chào buổi sáng - Câu chuyện Bé Minh quân dũng cảm, Gà tơ đi học , Tích chu; Bài thơ Cảm ơn
77. Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	CD1,2	- Cô trò chuyện buổi sáng Hoạt động ngoài trời; Hoạt động góc - Hoạt động học
<i>Quan tâm đến môi trường</i>		
78. Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	CD5	- Cho trẻ quan sát tranh ảnh xung quanh trường - Cho trẻ xem video các cảnh vật thiên nhiên - Lao động tập thể, tưới cây, lau lá, nhặt lá sân trường - Cô cho trẻ hát bài em yêu cây xanh; Bài thơ: Cây hồng; Vườn cải; Chuyện chú đỗ con
79. Trẻ bỏ rác đúng nơi quy định.	CD3	- Giáo dục trẻ bỏ rác đúng nơi qui định, mọi nơi mọi lúc - Cho trẻ xem video về môi trường + Câu chuyện: “Khỉ con ăn chuối”
80. Trẻ không bẻ cành ngắt hoa khi được nhắc nhở	CD5	- Cho trẻ quan sát tranh ảnh xung quanh trường - Cho trẻ xem video các cảnh vật thiên nhiên - Cô cho trẻ hát bài Ra chơi vườn hoa;

81. Trẻ không để tràn nước khi rửa tay; không để thừa thức ăn khi được nhắc nhở.	CD1	Nhắc nhở trẻ trong hoạt động rửa tay, mặt, trong giờ ăn...
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
82. Trẻ thể hiện sự vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	CD 8,9	-Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
83. Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện	CD1,2, 4,6,7,8	- Nghe âm thanh phát ra từ các nhạc cụ, dụng cụ và bắt chước các âm thanh đó, - Quan sát cây xanh, thời tiết, cảnh vật ... - Xem triển lãm tranh, ảnh và nói lên cảm xúc của mình
84. Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (Về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	CD 7,8,9	- Nghe hát, giai điệu bản nhạc (cô hát, xem clip...) và khuyến khích trẻ nhún nhảy, vận động theo nhạc : Chào hỏi khi về, chào ngày mới, nắm ngón tay ngoan, hãy nhanh nào * TC: Nghe nhạc và sáng tác các vận động theo nhạc, hưởng ứng theo giai điệu âm nhạc, ai nhanh nhất, nghe giai điệu đoán tên bài hát - Tạo hình: vẽ theo ý thích, Tô màu tranh cô giáo và các bạn, Tô màu đèn ông sao, Nặn bánh sinh nhật, Nặn con rắn, Nặn quả cam...
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc, hoạt động tạo hình		
85. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc <i>Bước đầu làm quen cách hát to - nhỏ</i> - <i>Xướng âm đúng cao độ nốt Sol và nốt Mi .</i> - <i>Khám phá độ nhanh - chậm của</i>	CD1,2, 5,9	-Dạy hát, dạy vận động minh họa - Bé và trăng; Rước đèn dưới trăng; Cô và mẹ; Cháu đi mẫu giáo; Cái mũi ,hoa bé ngoan; Xòe bàn tay nắm ngón tay,rửa mặt như mèo; Tập rửa mặt; Mời bạn ăn; Tay thơm tay ngoan; Cả nhà thương nhau; Nhà của tôi; lời

<p><i>âm thanh</i> - <i>Làm quen với trường độ của nốt đen và nốt móc đơn qua các hình ảnh biểu tượng</i></p>		<p>chào buổi sáng; Cháu yêu cô chú công nhân; Cô và mẹ; hòa bình cho bé; Làm chú bộ đội; Quả; lớn lên cháu lái máy cày; Em yêu cây xanh; Màu hoa; Bắp cải xanh; Sắp đến tết rồi; Cá vàng bơi; đổ bạn; Trời nắng trời mưa; Bé và hoa, mùa xuân đến rồi, lý cây xanh; Em đi qua ngã tư đường phố; Em đi chơi thuyền; Hòa bình cho bé; Bạn ơi có biết, đoàn tàu nhỏ xíu; Quà mừng 8 tháng 3; Cho tôi đi làm mưa với; Mùa hè đến, nắng sớm, cháu vẽ ông mặt trời; Yêu Hà Nội, quê hương tươi đẹp; Trời nắng, trời mưa; Hòa bình cho bé; Nhớ ơn Bác .</p>
<p>86. Trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).</p>	<p>CD4,6,7</p>	<p>Bắp cải xanh; Sắp đến tết rồi; Cá vàng bơi; đổ bạn; Trời nắng trời mưa; Bé và hoa, mùa xuân đến rồi, lý cây xanh; Em đi qua ngã tư đường phố; Em đi chơi thuyền; Hòa bình cho bé; Bạn ơi có biết, đoàn tàu nhỏ xíu; Quà mừng 8 tháng 3; Cho tôi đi làm mưa với; Mùa hè đến, nắng sớm, cháu vẽ ông mặt trời; Yêu Hà Nội, quê hương tươi đẹp; Trời nắng, trời mưa; Hòa bình cho bé; Nhớ ơn Bác .</p>
<p>87. Trẻ làm quen với một số động tác yoga, nhảy hiện đại, dân vũ đơn giản.</p>	<p>CD 7,8,9</p>	<p>*Nghe hát: Bàn tay cô giáo, trường cháu đây là trường mầm non; Ánh trăng hòa bình; cô giáo em; Rước đèn dưới trăng, oản tù tì; Gia đình nhỏ hạnh phúc to; Ba ngon nển lung linh; Chim mẹ chim con; Chiếc khăn tay, hạt gạo làng ta; Chú cuội, niềm vui cô nuôi dạy trẻ; Bà cùng đi chợ trời mưa; Khúc hát ru của người mẹ trẻ; Chú voi con ở bản đôn, ngày tết quê em, hoa thơm bướm lượn, lý cây bông, Lý cây xanh, Bàu và bí, cây trúc xinh, reo vang bình minh, bà cùng đi chợ trời mưa, bông hoa mừng cô, Em yêu cây xanh, Ngày tết quê em, Mùa xuân ơi, Cây trúc xinh, Bé quét nhà; Anh nông dân và cây rau; Anh phi công ơi; Bác đư thư vui tính; Bạn ơi có biết; Ngày vui 8-3; Đường và chân; Những con đường em yêu; Chim mẹ chim con; Mưa rơi; Mưa bóng mây; Cái cò đi đón con mưa; Reo vang bình minh; Nắng sớm; Tiếng chim trong vườn Bác; Em như chim bồ câu trắng; Nhớ ơn Bác; Viếng lăng Bác; Nhớ giọng</p>

		nói Bác Hồ; Bác Hồ một tình yêu bao la; Quê hương; nhớ ơn Bác; Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng *Trò chơi âm nhạc Tiếng hát ở đâu; Hưởng ứng theo nhạc; Nghe và đoán đúng; Ai đoán giỏi; Đoán tên; Nghe tiếng hát tìm đồ vật; Con gì kêu thế; Âm thanh gì đây; Hãy làm theo tôi; Chuông reo ở đâu; Tai ai tinh; Ai nhanh nhất...
88. Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	CD 1,2,3,4, 5,6,7,8, 9	*Tô, Vẽ: Tô màu tranh cô giáo và các bạn; Tô màu đèn ông sao; Vẽ, tô màu bạn gái; Vẽ cái kẹo; Vẽ cái làn; Tô màu ngôi nhà; Vẽ cuộn len; Vẽ hoa tặng cô giáo; Vẽ con cá; Vẽ con ong; Tô màu các loại quả; In hoa bằng vân tay; Vẽ theo ý thích; Tô màu đoàn tàu; Vẽ ô tô; Vẽ mặt trời; Vẽ mây, mưa; Tô màu cầu vồng; Vẽ cái điều; Trang trí khung tranh
89. Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	CD 4,5	*Xé dán, cắt dán: Cắt dán bóng bay; Dán ngôi nhà; Trang trí khung ảnh; Cắt dán con vịt; Xé dán lá cây; Dán dây cờ
90. Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	CD 8,9	* Nặn: Nặn vòng tặng bạn; Nặn bánh xà phòng; Nặn đôi đũa; Nặn bánh sinh nhật; Nặn con rắn; Nặn quả cam; Nặn cột đèn giao thông; Nặn cầu vồng
91. Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối	CD 1,2,3	
92. Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	CD 6	
93. Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình.	CD 7	
<i>Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</i>		
94. Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	CD 5,6	- <i>Quyền trẻ em: Quyền được phát triển</i> - Tổ chức các hoạt động Âm nhạc cuối chủ đề sự kiện trong tháng - Khuyến khích trẻ tự vận động theo ý thích của mình
95. Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	CD 7,8,9	- <i>Quyền trẻ em: Quyền được tham gia</i> - Biết dùng các nguyên liệu tạo ra sản phẩm: giấy A4, bút màu, bút sáp, giấy màu, bìa cứng, đất nặn và 1 số đồ phé
96. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình		

		liệu để tạo ra sản phẩm mà trẻ thích - Tổ chức các hoạt động tạo hình: vẽ, nặn, xé dán theo chủ đề sự kiện trong tháng - Trẻ tự đặt tên cho sản phẩm tạo hình: vẽ, nặn, xé dán của mình, của bạn và của cô tạo ra
--	--	---

4. Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi

4.1. Dự kiến chủ đề/ sự kiện

TT	Tên chủ đề /sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (Chủ đề nhánh)	Ghi chú
1	Ôn tập	Từ ngày 29/8/2024 đến ngày 6/9/2024	Ôn tập rèn nề nếp vệ sinh cá nhân cho trẻ	
2	Trường mầm non (Tết Trung thu)	Từ ngày 09/9/2024 đến ngày 4/10/2024	Trường mầm non Ninh Hải Lớphọc 4 tuổithân yêu Đồ dùng, đồ chơi của bé Tết trung thu của bé	
3	Bản thân	Từ ngày 7/10/2024 đến ngày 01/11/2024	Tôi là ai? Sở thích và hoạt động yêu thích Cơ thể của tôi Tôi cần gì để lớn lên khỏe mạnh	
4	Gia đình (Ngày NGVN 20/11)	Từ ngày 04/11 đến ngày 29/11/2024	Gia đình của bé Ngôi nhà gia đình bé ở Họ hàng gia đình bé Nhu cầu của gia đình	
5	Nghề nghiệp (Ngày 22/12)	Từ ngày 02/12 đến ngày 27/12/2024	Nghề sản xuất Nghề dịch vụ Nghề phổ biến và quen thuộc Nghề truyền thống địa phương	
6	Thực vật (Tết nguyên đán)	Từ ngày 30/12/2024 đến ngày 24/01/2025	Một số loại rau củ quả Một số loại hoa Tết và mùa xuân Cây xanh	

7	Động vật	Từ ngày 03/02 đến ngày 28/02/2025	Động vật nuôi trong gia đình	
			Những nghệ sĩ rừng xanh	
			Động vật sống dưới nước	
			Thế giới côn trùng và chim	
8	Phương tiện giao thông (Ngày của bà, của mẹ 8/3)	Từ ngày 03/3 đến ngày 28/03/2025	Phương tiện giao thông đường bộ	
			Quy định giao thông	
			Phương tiện giao thông đường sắt, đường hàng không	
			Phương tiện giao thông đường thủy	
9	Nước và hiện tượng tự nhiên	Từ ngày 31/03 đến ngày 25/4/2025	Nước	
			Nguồn nước quanh em	
			Một số hiện tượng thời tiết và mùa	
			Mùa hè	
10	Quê hương đất nước Bắc Hồ (Ngày 30/4, 1/5)	Từ ngày 28/04 đến ngày 16/5/2025	Quê hương yêu dấu	
			Đất nước Việt Nam diệu kỳ	
			Bác Hồ kính yêu	
11	Ôn tập (Ngày QTTN 1/6)	Từ ngày 19/05 đến ngày 30/5/2025	Ôn tập những nội dung các mục tiêu đa số trẻ đạt chưa cao.	

4.2. Dự kiến thời khóa biểu hoạt động học

THỨ 2	THỨ 3		THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6	
	Tuần 1,3	Tuần 2,4			Tuần 1,3	Tuần 2,4
Thể dục	LQCC	Văn học	LQVT	Khám phá	Tạo hình	Âm nhạc

4.3. Dự kiến ngân hàng nội dung – hoạt động

Mục tiêu	Chủ đề thực hiện	Nội dung- Hoạt động
1. Lĩnh vực phát triển thể chất		

a. Phát triển vận động		
<i>Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>		
<p>1. Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.</p>	<p>CD 1, 2, 3</p>	<p>- <i>Quyền trẻ em: Quyền được phát triển</i> * ĐT hô hấp: hít vào thở ra * ĐT phát triển tay: 1. Hai tay đưa ra trước lên cao 2. Hai tay đưa ngang lên cao 3. Hai tay đưa ngang, gập khuỷu tay 4 Hai tay thay nhau thẳng lên cao 5. hai tay thay nhau quay dọc thân * ĐT phát triển cơ chân: 1. Ngồi xõm, đứng lên liên tục 2. Ngồi khuỵu gối 3. Đứng đưa 1 chân ra phía trước. 4. Đứng co 1 chân 5. Bước 1 chân ra phía trước khuỵu gối. * ĐT phát triển bụng - lườn 1. Đứng quay thân sang bên 90 độ 2. Đứng nghiêng người sang 2 bên 3. Đứng cúi người về trước. 4. Ngồi duỗi chân cúi gập người về phía trước 5. Ngồi duỗi chân quay người sang bên 90 độ * ĐT Bật nhảy: 1. Bật tại chỗ. 2. Bật tiến về phía trước 3. Bật tách chụm 4. Bật luân phiên chân trước, chân sau. - Tập vui nhộn theo nhạc bài hát: Trường chúng cháu đây là trường mầm non; Cả nhà thương nhau; cháu yêu cô chú công nhân; Gà trống mèo con và cún con; Em yêu cây xanh; yêu Hà Nội,...</p>
<i>Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất vận động</i>		
<p>2. Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn</p>	<p>CD 2,3,5,6,7,8,9</p>	<p>+ Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, + Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - TCVD: Chuyển bóng; Về đúng nhà. - TCDG: Kéo co, Mèo đuổi chuột.</p>

- Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m		
3. Trẻ biết kiểm soát được vận động - Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc)	CD 2,3	+ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60-80m. - TCVD: Mèo đuổi chuột; Đuổi bóng; Ô tô rời bến; Thi ai nhanh. - TCDG: Kéo co, Mèo đuổi chuột.
4. Trẻ biết Phối hợp tay - mắt trong vận động - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/ bạn) bắt được 3 lần liên không rơi bóng (Khoảng cách 3 m) - Ném trúng đích đứng (xa 1,5mx1,5m) - Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp.	CD 3; 5; 6; 7; 8	+ Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2 m). + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Trườn theo hướng thẳng + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 giống thang Tc: Ai nhanh nhất, Làm theo tín hiệu giao thông Công gấu về nhà;
5. Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m - Ném trúng đích ngang (xa 2m) - Bò trong đường đích dắc qua 5 điểm cách nhau 2m không chệch ra ngoài.	CD 5, 6, 7, 8, 9	+ Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m. + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò đích dắc qua 5 điểm. + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay TC: Tìm về đúng nhà, Chuyển bóng, Tìm bạn, Kéo co, Về đúng nhà, Truyền bóng qua đầu...
<i>Thực hiện và phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt</i>		
6. Trẻ thực hiện được các vận động - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón	CD 2; 4	- Thể dục sáng, góc vận động, khởi động trong các giờ chuyển tiếp: Chơi cuộn, xoay cổ tay, trò chơi cặp cua... - Qua các hoạt động: Vo giấy, xoay vắt khăn, vận khăn, miết đất nặn, ấn dẹt đất nặn thành các

tay		con vật, hoa quả, viên phấn, cái vòng, ông mặt trời, mặt trăng
7. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động - Vẽ hình người, nhà, cây; Cắt thành thạo theo đường thẳng; Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Tét sợi dôi; Tụ cài, cỏi cúc, buộc dây giày	CD 2	- Đan, tết; Xây dựng, lắp ráp các hình khối khác nhau; Sử dụng kéo cắt thành thạo theo đường thẳng ; Thực hiện trong các hoạt động tạo hình... Tụ cài, cỏi cúc, buộc dây dầy trong góc kỹ năng của bé... + TCVD : Tập tầm vông, ai giỏi nhất, xoay cổ tay theo yêu cầu của cô, giấu tay, chơi với các ngón tay
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
<i>Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</i>		
8. Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm - Thịt, cá,... có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	CD 1, 2, 4,5	- <i>Quyền trẻ em: Quyền được sống</i> Biết tên một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm(trên tháp dinh dưỡng, qua trò chuyện, trao đổi, qua chuyên gia dinh dưỡng trên ti vi): + Nhóm giàu chất đạm: các loại thịt, trứng, hải sản,.. + Nhóm giàu chất béo: mỡ động vật, dầu thực vật, bơ,.. + Nhóm giàu chất bột đường: các loại ngũ cốc + Nhóm giàu VTM và khoáng chất: Các loại rau, củ quả. - Thực hành một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
9. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	CD 4, 5, 6	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày, ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Đọc bài thơ: Bắp cải xanh; Bác bầu bác bí; Mời bạn ăn.
10. Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	CD 2	
<i>Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>		
11. Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở	CD 4, 5,	* Trẻ thực hành một số kỹ năng - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.

<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. 		<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện thay quần áo. Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn. - Thực hành cách cầm bát, xúc cơm - Thực hành xúc miệng nước muối, chia ăn - Cát ba lô, Cát dày dép, Cách đi tất - Tháo tất, Đi cầu thang, Cách bê ghế, Cách súc miệng nước muối, Cách rửa tay, cách rửa mặt trước khi ăn cơm lau miệng sau khi ăn (dưới sự giúp đỡ của người lớn cô giáo).
<p>12. Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.</p>	<p>CĐ 6, 7,</p>	
<p>13. Trẻ có một số KN tự phục vụ</p> <p><i>Đi cầu thang, cách đóng mở cửa, cởi và cất giày dép, cách rửa tay, cách xúc miệng nước muối, cách lấy nước uống, cách xử lý hỉ mũi, cách mặc áo, cởi áo, cách cài khuy áo, cách gấp khăn lại, cách rót nước, cách sử dụng thìa, kéo khóa, vắt khăn ướt, tưới cây, lau lá cây, chuẩn bị giờ ăn nhẹ.</i></p>	<p>CĐ 8, 9</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cầm bát, cầm thìa, cất xúc cơm, cất bát ... - Tổ chức các hoạt động: Đón trẻ trẻ, hoạt động ngoài trời, hoạt động góc, trong góc kỹ năng của bé...trong ngày về: Cách đóng mở cửa, cởi và cất giày dép, cách rửa tay, cách xúc miệng nước muối, cách lấy nước uống, cách xử lý hỉ mũi, cách mặc áo, cởi áo, cách cài khuy áo, cách gấp khăn lại, cách rót nước, cách sử dụng thìa, kéo khóa, vắt khăn ướt, tưới cây, lau lá cây, chuẩn bị giờ ăn nhẹ.
<i>Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>		
<p>14. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã. 	<p>CĐ 1, 2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hành mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn và nhai kỹ. - Nhận biết việc ăn nhiều loại thức ăn khác nhau có ích lợi tốt cho sức khỏe. - Làm bài tập nhận biết không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
<p>15. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở</p>	<p>CĐ 2; 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Thực hành vệ sinh rang miệng sau khi ăn và trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.

<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giấy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định. 		<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý tình huống, phát hiện (đúng – sai) trong tranh để nhận biết: đội mũ khi ra nắng; mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh; đi dép, giày khi đi học. - Nghe chuyện, xem clip phát hiện yêu cầu: nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp.
--	--	---

Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh

<p>16. Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần, Biết các vật sắc nhọn không nên đùa nghịch</p>	<p>CD 2; 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Lựa chọn tranh ảnh phát hiện bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần. Nhận biết các vật sắc nhọn như dao, kéo không nên nghịch. - Tạo tình huống hỏi trẻ: “ các con có được đến gần bàn là nóng, bếp đang đun, phích nước nóng,... không?”; “Nếu đến gần những đồ vật trên thì sẽ bị làm sao?”
<p>17. Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.</p>	<p>CD 4,8</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xem clip, tranh ảnh, trò chuyện nhận biết những nơi nguy hiểm như: ao, hồ, nương, nước, suối, bể chứa nước...là nguy hiểm, trao đổi về mỗi nguy hiểm khi đến gần. - Tạo tình huống: Tại sao không được chơi gần ao, hồ, nương nước?. Điều gì sẽ xảy ra nếu chơi gần...?.
<p>18. Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... 	<p>CD 2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm. - Xem hình ảnh, nghe đọc sách nhận biết: cười đùa trong khi ăn uống, khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc, không tự ý uống thuốc ăn những thức ăn có mùi lạ, quả lạ, thức ăn bị ôi thiu, không uống thuốc, các chất kích thích như rượu, bia,...có hại cho sức khỏe.

<p>- Không ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quae lạ...không uống rượu bia, cà phê, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.</p> <p>- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</p>		<p>- Tạo tình huống, xem video...khi ra khỏi trường không được phép của cô giáo sẽ gặp những chuyện nguy hiểm như thế nào...</p>
<p>19. Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ</p> <p>- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</p> <p>- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</p>	<p>CD 3</p>	<p>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ:</p> <p>+ Tạo tình huống nếu con bị ngã chảy máu con phải làm gì? Làm thế nào để máu không chảy nữa? làm thế nào để biết vết thương không còn quan trọng nữa?</p> <p>Hoặc tình huống khi con bị đi lạc đường con phải làm gì? Làm thế nào để báo tin được cho người thân của con? Và người thân của con tìm đến nơi con bị lạc?..</p> <p>+ Tạo tình huống: khi người lạ bế, ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi; ra khỏi nhà, trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo con phải làm gì? Con sẽ làm gì khi con không đồng ý đi với họ nhưng họ vẫn cố tình bế con đi? Con sẽ làm hành động như thế nào để từ chối?....</p>
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức		
a. Khám phá khoa học		
<i>Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.</i>		
<p>20. Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng.</p>	<p>CD 8</p>	<p>HD khám phá khoa học</p> <p>- <i>Quyền trẻ em: Quyền được phát triển và quyền được tham gia</i></p> <p>- Các giác quan và các bộ phận trên cơ thể</p> <p>- Một số động vật nuôi trong gia đình(2 chân, 2 cánh, có mỏ và đẻ trứng)</p> <p>- Một số động vật nuôi trong gia đình(4 chân, đẻ con)</p>
<p>21. Trẻ phối hợp các</p>	<p>CD7,8</p>	<p>+ Phân biệt một số con vật nuôi trong gia đình</p>

giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng		(Con chó, con gà) - Một số con vật sống dưới nước, trong rừng + Làm quen một số loài cá (Cá chép, cá rô, cá trê) - Tìm hiểu vòng tuần hoàn của con bướm
22. Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	CĐ 6, 7,8	- Tìm hiểu một số loại hoa, quả trong ngày tết - Sự phát triển của cây, một số loại hoa + Làm quen với một số loại quả (Chuối, khế, cam) + Làm quen một số loại hoa "Hoa hồng, hoa cúc".
23. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	CĐ 3,4	+ Nhận biết phõn biệt các loại hạt gạo (Gạo nếp, gạo tẻ, hạt lạc, hạt vừng). - Tìm hiểu một số phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường hàng không và đường sắt
24. Trẻ phân loại các đối tượng theo một hoặc 2 dấu hiệu	CĐ 6,7,8	- Bé tìm hiểu về nước + Bé tìm hiểu về nguồn nước + Vì sao có mưa
Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		- Mặt trời, mặt trăng và cộc vớ sao + Nhận biết tên các hiện tượng mặt trời, mặt trăng, cầu vồng.....
25. Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	CĐ 1; 2; 3; 5; 6; 7; 8	+ Một số hiện tượng tự nhiên (Nắng, mưa) - Xem clip ảnh hưởng của tự nhiên tới con vật cây cối. So sánh tìm điểm giống và khác của các cây trong cùng nhóm. Làm sách tranh về các yếu tố ảnh hưởng tới sự Thăm quan một số vườn rau, cây ăn quả gần trường
26. Trẻ sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	CĐ 7	- Khám phá động vật sống ở khắp nơi; Tìm hiểu cách chăm sóc và bảo vệ các con vật. Xem clip về môi trường sống của các loài động vật làm các con vật từ vật liệu phế thải. Nghe, phân biệt tiếng kêu của các con vật; chọn và đặt tên chung cho nhóm con vật, lập biểu đồ cột về số lượng con vật theo nơi sống. Xem clip thể giới động vật. Làm bài tập về hành vi Đúng – Sai của con người với động vật. Thăm quan một số gia đình gần trường có mô hình chăn nuôi
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
27. Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	CĐ 1,2,3,4,5, 6,7,8,9	
28. Trẻ biết được các nguồn nước, nguồn ánh sáng và lợi ích của	CĐ 8	

chúng trong sinh hoạt hàng ngày. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.

+ TC: Bắt chước tạo dáng, bắt chước tiếng kêu của các con vật, tìm chuông...

- Tìm hiểu gia đình bé đón tết như thế nào? . Tìm hiểu một số hoạt động đón chào năm mới...

+ Trò chuyện về các bức ảnh, hoạt động đón tết của gia đình. Xếp các hình ảnh có liên quan đến mùa theo thứ tự các mùa trong năm, làm bài tập đúng sai về cách phòng bệnh và giữ gìn sức khỏe theo mùa.

- Đoán tên bạn qua hình bóng chân dung được tạo ra nhờ ánh sáng, xem tranh- clip đoán hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra- sự khác nhau giữa ngày và đêm, thăm quan một số nguồn nước tại ao, hồ, kênh mương gần trường

- Thực hành pha màu, làm một số thí nghiệm với nước:

+ Làm thí nghiệm chất tan và chất không tan trong nước.

+ Thí nghiệm pha màu nước.

+ Làm thí nghiệm: Vật nổi, vật chìm. Vật thấm nước, vật không thấm nước.

+ Làm thí nghiệm nước đá tan

+ Làm thí nghiệm Nước nóng hay nước lạnh

+ Làm thí nghiệm: Không khí có ở xung quanh chúng ta.

+ Làm thí nghiệm: Thực hiện thí nghiệm : Đồ chơi nổi lên

+ Làm thí nghiệm 2 lọ đựng nước được đánh dấu mực nước để ở trong lớp và ngoài trời từ tuần trước.

+ TC: Chìm nổi, chơi với cát và nước,

Quan sát các PTGT gần trường. Phân nhóm các PTGT. Một số biển báo giao thông đường bộ. Luật giao thông đường bộ đơn giản. Bé thực hành tham gia giao thông.

+ TC: Bác lái xe, về đúng bến, bé tài đoán luật

+ Làm sưu tập tranh về nhóm PTGT. Đoán câu đố về GT. Làm bài tập đúng sai về thực hiện

giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)		(Hình vuông, hình tròn, hình tam giác, hình chữ nhật): - Ôn nhận biết hình vuông, hình tròn;
41. Trẻ biết sử dụng được dụng cụ các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	CD 7	- Ôn nhận biết hình tam giác, hình chữ nhật. - Nhận biết, phân biệt hình vuông, hình chữ nhật; - Nhận biết phân biệt hình tròn, hình tam giác *Hoạt động khác - Ghép các mảnh thành nhiều hình khác nhau, tạo hình từ chun vòng , gấp, xé giấy thành hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. Xếp hình từ sỏi, que nặn hình ghép tranh hình học, nổi hình, tìm bóng cho hình, vẽ hình bằng phấn...
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
42. Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí đồ vật so với người khác.	CD 5, 6;	- Hoạt động học: Xác định phía trước, phía sau; phía trên – dưới của bản thân, của đối tượng khác. Phân biệt phía phải, phía trái của bản thân, của đối tượng. - Trò chơi thi xem ai nhanh. Chơi chón tìm. Tìm bạn thân...
43 Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	CD 8	- Tập xem lịch, nêu tên ngày hôm qua, hôm nay, ngày mai. Kể những công việc đã, đang và sẽ làm trong những ngày đó.. Trò chuyện buổi sáng: ngày, thứ, tháng. Trẻ kể về một số hoạt động đã làm trong hôm qua, đang làm hôm nay. - Thảo luận về các sự kiện xảy ra theo trình tự: Sáng - trưa - chiều - tối. - Thảo luận về các bức tranh vẽ các buổi trong ngày
44. Bước đầu có khả năng thao tác đơn giản với máy tính trong một số hoạt động học và trò chơi phù hợp với độ tuổi.	CD 9	- Cho trẻ thực hành làm quen với máy tính qua một số hoạt động học có trình chiếu, qua một số trò chơi liên quan đến máy...
c. Khám phá xã hội		
Bản thân, gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng		
45. Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính	CD 3	- Quyền trẻ em: Quyền được bảo vệ * HĐ học

<p>của bản thân, tên bố, mẹ khi được hỏi và trò chuyện</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện về các bộ phận trên cơ thể trẻ. - Bé và bạn - Điều kiện để cơ thể tôi phát triển. - Giới thiệu họ tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. <p>* HĐ khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Soi gương: Nói hình dáng bên ngoài của bản thân. Nói về tính cách sở thích và khả năng của bản thân; in màu bàn chân, bàn tay. Vẽ các khuôn mặt. Bé nghe thấy gì. Bé nhìn thấy gì. Khám phá âm thanh. - TC: Những ngón tay nhúc nhích; Đoán xem ai nào. Thở xám rửa mặt. Tay cầm tay - Trò chuyện và đàm thoại, tìm hiểu những điểm khác nhau và giống nhau của bản thân với người khác về đặc điểm cá nhân, dáng vẻ bề ngoài, về bạn bè và những người thân trong gia đình có những sở thích, khả năng.
<p>46. Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</p>	<p>CD 3</p>	<p>* HĐ học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gia đình tôi. - Đồ dùng trong gia đình. <p>* HĐ khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sưu tầm ảnh gia đình: giới thiệu tên, tuổi, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình. Kể địa chỉ, số điện thoại của gia đình.
<p>47. Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện</p>	<p>CD 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát các ngôi nhà. Xếp hình ngôi nhà. Xâu vòng bằng hạt hạt. - TC: Về đúng nhà. Tìm đúng nhà. Bà và cháu. - Trò chuyện và đàm thoại, về gia đình trẻ, tên bố mẹ, công việc của từng người, ngôi nhà mình đang ở, các bộ phận các khu vực trong gia đình.
<p>48. Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện</p>	<p>CD 1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên địa chỉ của trường của lớp. Tên cô giáo và công việc của cô giáo, các cô bác ở trường. Họ tên một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường. <p>Trò chuyện và đàm thoại, về địa chỉ gia đình trẻ (Số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.</p>
<p>49. Trẻ nói được tên,</p>	<p>CD 1</p>	<p>* HĐ học</p>

<p>một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện tết Trung thu; - Lớp học của bé; - Trường mầm non Ninh Hải của bé. - Trò chuyện với trẻ và các hoạt động của cô và cháu trong trường MN
<p>50. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</p>	<p>CE 1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát các hoạt động ở điểm trường MN khu văn Lâm * HD khác - Xem clip về tết trung thu; Trang trí đồ chơi trung thu; bày mâm ngũ quả; thăm các lớp học trong khu trường; quan sát khu trường bé đang học. trò chuyện về tên trường, tên lớp, đại chỉ của trường, tên các cô giáo trong trường; các hoạt động diễn ra hàng ngày trong trường. Quan sát trường mầm non. Tham quan lớp học. Lao động, làm sạch ngôi trường thân yêu. - Chơi một đồ chơi ngoài trời; tô màu các đồ chơi ngoài trời; tô màu tranh về trường mầm non. Đu quay. Kéo co. - Giới thiệu tên và công việc của cô giáo và các nhân viên của trường MN, tên các bạn trong lớp học, làm quen với các bạn mới đến lớp.
<p>Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</p>		
<p>51. Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện. Ví dụ: Nghề Thêu ren; Nghề Cói; Nghề mộc; Nghề Đá Mỹ Nghệ Ninh Vân...</p>	<p>CE 4</p>	<ul style="list-style-type: none"> *Hoạt động học - Trò chuyện về nghề nông - Trò chuyện về nghề thợ may. - Trò chuyện về nghề Bác sỹ. - Trò chuyện về nghề Giáo viên. - Trò chuyện về nghề xây dựng. - Trò chuyện về nghề làm đầu. - Trò chuyện về nghề công an(bộ đội). - Nghề bán hàng. * Hoạt động khác - Nói dụng cụ vào nghề phù hợp. Chọn đồ dùng và sản phẩm của các nghề. Xem tranh ảnh và đàm thoại về các nghề. - Quan sát công việc của cô giáo, bác cấp dưỡng.... Giải câu đố về các nghề; phân loại dụng cụ theo nghề; tô màu trang phục theo

		nghề; Nhận biết số điện thoại gọi cấp cứu. - Chọn trang phục cho các nghề. Thi xem ai kể nhanh, gánh quả, Phân loại đồ dùng... Đóng vai: cô giáo. bác sỹ. người bán hàng. người nấu ăn ...
Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh		
52. Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội	CĐ 9	* Hoạt động học - Quê hương của bé. - Thủ Đô Hà Nội. - Bác hồ kính yêu. + Trò chuyện về một số địa danh Ninh bình. + Trò chuyện về cảnh đẹp của thủ đô Hà Nội + Bác Hồ với các bạn thiếu nhi
53. Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương	CĐ 9	* Hoạt động khác Xem tranh ảnh, băng hình về một số địa danh trên quê hương bé, ở thủ đô Hà Nội, một số lễ hội truyền thống ở Việt nam và ở địa phương, trò chuyện về ngày 20/10, ngày 20/11, trò chuyện về ngày hội Sắc vàng tam Cốc, Hội đèn Thái Vi... Xem một số trò chơi: Kéo co, Đua thuyền... -Trẻ nói được một số nét đặc trưng của lễ như: rước rồng, múa lân, Rước kiệu...
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
Nghe hiểu lời nói		
54. Trẻ thực hiện 2 - 3 yêu cầu liên tiếp.	CĐ 1	+ Thơ - Cô và cháu; Nghe lời cô giáo; Cô dạy; Cô và cháu; Tình bạn Bàn tay cô giáo, Tâm sự của cái mũi, Ông mặt trời; Đi nắng, Rửa tay, Đôi bàn tay nhỏ xinh, Em yêu nhà em; C, i b, t xinh xinh;
55. Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát rau quả, con vật, đồ gỗ...	CĐ 5	Chim chích bông; Mèo đi câu cá; Gọi bạn; Mèo con; Hoa kết trái; Hoa phượng; TỐt @ang vươ nhụ; Cái bát xinh xinh; Bé làm bao nhiêu nghề;
56. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	CĐ 4	Làm bác sỹ; Cô dạy; Xe cần cẩu; Con đường của bé; Mưa; Gió; Mĩa h ¹ tuyỐt vôi; Ai dạy sớm; Trăng sáng; Làng em buổi sáng; Ao làng; Chú giải phóng quân; ¶nh B, c
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
57. Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	CĐ 2	+ Truyện
58. Trẻ sử dụng được	CĐ 3	Món quà của cô giáo; Vì sao bé Bin nín khóc;

các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...		Cậu bé mũi dài; Đôi dép của bé; Thỏ trắng đi học; Tích chu; Gấu con chia quà; Cả nhà đều làm việc; Vẽ chân dung mẹ; Một bó hoa tươi thắm; Thần sắt; Dê con nhanh trí; Ngựa đỏ và lạc đà; Cáo thỏ và gà trống; Cá bóng kể chuyện; Ba chú lợn con; Niềm vui từ bát canh cải; Sự tích quả dưa hấu; Sự tích ngày Tết; Chiếc áo mùa xuân; Chú đỗ con; Hạt đỗ sót; Hoa dâm bụt; Kiến con đi xe ô tô; Qua đường; Chuyện về ba cậu bé; Hồ nước và mây; Giọt nước tí xíu; Cô mây; Xe đạp con trên phố
59. Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	CĐ 9	Niềm vui bất ngờ; Sự tích hồ gươm; Chuyện ông Gióng
60. Trẻ kể lại sự việc theo trình tự.	CĐ 9	* Hoạt động khác
61. Trẻ đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao...	CĐ 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9	- Hát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Trò chuyện bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép..
62. Trẻ kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc.	CĐ 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9	Kể lại câu chuyện theo trí tượng tượng của trẻ, theo cách của trẻ. Kể tên truyện, nhân vật... Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”; “ Để làm gì?” theo nội dung truyện. Hãy kể tiếp theo tôi.
63. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện..	CĐ 9	- Vẽ tranh minh họa truyện. Lựa chọn tranh ảnh phù hợp với nội dung truyện làm sách truyện.
64. Sử dụng được các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.)	CĐ 1	Kể truyện kết hợp rồi minh họa. Xếp tranh theo trình tự truyện ngắn. Nhận xét tính cách nhân vật.
65. Trẻ điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	CĐ 2	- Đọc thơ diễn cảm, Đọc theo tranh minh họa bài thơ
66. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	CĐ 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9	Đồng dao: Nu na nu nống. Con công hay múa. Rềnh rềnh rành rành. Đi cầu đi quán. Ông sào ông sao. Ca dao về tình cảm gia đình, cảnh đẹp quê hương...
67. Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	CĐ 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9	Câu đố về các bộ phận trên cơ thể. Đồ dùng đồ chơi. Đồ dùng gia đình. Các nghề quen thuộc. Các loại PTGT. Các loại rau – củ -quả. . con vật. Hiện tượng tự nhiên ... -Trò chuyện: trò chuyện với trẻ về các bộ phận trên cơ thể. Công việc của người thân trong gia

		<p>đình ...</p> <p>Làm tranh về các bài thơ, câu chuyện đã học. Làm thiệp chúc mừng, viết tên, ký hiệu “Viết” tên lên thiệp.</p> <p>Ghép tranh các câu chuyện, bài thơ.</p> <p>HD Góc: Đóng vai: Bé tập làm diễn viên. Bé đóng vai nhân vật trong truyện.</p> <p>TC: Trò chơi : Bắt chước tiếng kêu của các con vật....</p> <p>Thực hành sử dụng các từ:” mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi”, phù hợp với tình huống, với chế độ sinh hoạt.</p>
Làm quen với việc đọc - viết		
68. Trẻ biết chọn sách để xem	CD 2	<ul style="list-style-type: none"> - Xem sách, truyện, lật giở lần lượt từng trang từ đầu đến hết. - Trẻ biết chào hỏi, biết cảm ơn khi được giúp đỡ - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, nơi cấm lửa, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...) - Làm quen một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
69. Trẻ mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	CD 8	
70. Trẻ cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh (đọc) sách theo tranh minh họa (đọc vẹt)	CD9	
71. Trẻ biết giữ gìn và bảo vệ sách	CD2	
72. Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	CD1	
73. Trẻ nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt	CD 9	
74. Trẻ sử dụng ký hiệu để (viết) tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng... <i>Tập tô, tập đồ một số các nét chữ</i>	CD9	

4. Lĩnh vực giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		
<i>Thể hiện ý thức về bản thân</i>		
75. Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ	CĐ 2	- Trò chuyện ở các thời điểm trong ngày để trẻ nói đúng tên, tuổi giới tính; những gì bé có thể làm được, những gì bé thích, những gì bé không thích? Soi gương tìm hiểu về bản thân;
76. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được	CĐ 2	- TC: Chọn trang phục bé trai, bé gái, bạn ở đâu, đoán xem tôi là ai?, đây là gì? tìm bạn thân, thi xem ai nhanh, thi kể về những điều bé biết, bé chọn trang phục phù hợp với giới tính, kết bạn, gia đình hạnh phúc, bạn đang nói về ai?, hãy đoán xem đó là ai?...
<i>Thể hiện sự tự tin tự lực</i>		
77. Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	CĐ 2	- Chuẩn bị đồ dùng học tập, kê bàn ăn, chia cơm... HĐ đón trả trẻ: Lắp ráp đồ chơi, vẽ theo ý thích, chơi các góc,...)
78. Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao. (trực nhật, dọn đồ chơi).	CĐ 2	- Trẻ chọn và chơi đồ chơi có sẵn trong lớp, sân trường: Đu quay, cầu trượt, xích đu, nhặt lá xếp hình bé thích. - TC: Ném tung bóng bằng 2 tay, lộn cầu vòng, kéo co, vẽ phấn, rồng rắn lên mây, ô tô và chim sẻ,... - Chơi các trò chơi tại các góc chơi: Góc xây dựng, góc sắm vai, góc, nghệ thuật, góc sách truyện, góc kh, m ph, khoa hăc vư thi ^a n nhi ^a n - Thực hiện các quy định chung ở lớp trường, nơi công cộng. Cát gọn đồ chơi sau khi chơi xong.
<i>Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh</i>		
79. Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	CĐ 2	- Thực hành, nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ nặn, xếp hình.
80. Trẻ nhận biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn,	CĐ 2	- Xem ảnh, vẽ tranh về bản thân, về những người thân, bạn bè, cùng trò chuyện về những

sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.		bức ảnh, bức tranh đó. Trong khi trò chuyện, cô nêu các câu hỏi kích thích để trẻ biểu lộ suy nghĩ, cảm xúc của mình về bản thân;
81. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ, <i>biết ngày sinh nhật của Bác (ngày 19/5)</i>	CD 9	- Kính yêu Bác Hồ. Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. Xem tranh ảnh về Bác Hồ; Làm dây hoa trang trí lớp nhân ngày sinh nhật Bác; Suu tầm ảnh về Bác trên báo làm thành bộ sưu tập; Nghe kể chuyện về Bác; Trò chuyện về tình cảm của Bác Hồ với thiếu nhi
82. Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	CD 9	- Dạy trẻ đọc thuộc thơ: Trích đoạn bài thơ: “Sáng tháng Năm” (Tố Hữu). - Hát cho trẻ bài hát: Bác Hồ người cho em tất cả - Trích đoạn bài thơ: “Sáng tháng Năm” (Tố Hữu). - Kể cho trẻ nghe câu chuyện: Dành cho các cháu.
83. Trẻ biết được một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	CD 9	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Qua trò chuyện. - Thông qua buổi tham quan, trải nghiệm thực tế
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
84. Trẻ biết thực hiện một số quy định ở lớp và ở gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không ồn ào, vâng lời ông bà bố mẹ	CD 1,3	* Lập bảng nội qui của lớp, dán các kí hiệu thông thường (sau khi chơi biết cất đồ dùng, đồ chơi đúng vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, đi vệ sinh đúng nơi qui định,..) - Cho trẻ xem băng đĩa về các hoạt động giáo dục lễ giáo, kỹ năng sống.
85. Trẻ biết được nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	CD1,3	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. Chờ đến lượt, hợp tác. Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “Tốt” “sấu”.
86. Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	CD 1	
87. Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	CD 1	
88. Trẻ biết biết trao đổi,	CD 2	

thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung.		
<i>Quan tâm đến môi trường</i>		
88. Trẻ biết được thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc,	CĐ 5; 6	<ul style="list-style-type: none"> - Xem tranh ảnh băng hình về cách, chăm sóc cây và con vật: Cây lớn lên như thế nào, qua trình phát triển của cây từ hạt, quá trình phát triển của gà con. - Hoạt động chăm sóc cây ở góc thiên nhiên, chăm sóc con vật: TC: Cho gà ăn, Gieo hạt, Tưới cây, lau lá cây, trồng cây
90. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	CĐ 3	<ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện để giáo dục vệ sinh nơi công cộng cho trẻ. Tổ chức hoạt động dọn vệ sinh sân trường, lớp...
91. Trẻ không bẻ cành ngắt hoa	CĐ 5	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các hoạt động chăm sóc hoa, cây cảnh. - Hát bài "Ra chơi vườn hoa" "Em yêu cây xanh" * TC: Nhặt lá bỏ thùng rác, bạn nào giỏi...
92. Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. <i>Không để thừa thức ăn khi được nhắc nhở.</i>	CĐ 8	<ul style="list-style-type: none"> Dạy trẻ nhận biết và quan sát bảng về hành vi "nên- không nên" - Nhận biết và quan sát bảng về hành vi "đúng - sai" trong việc tiết kiệm nước, tiết kiệm điện Trò chuyện: xem tranh ảnh trò chơi, thực hành tiết kiệm điện, nước: rửa tay, tắt quạt khi ra khỏi phòng * TC: bé nào làm đúng, Nên- không nên, cùng tiết kiệm điện...
5. Lĩnh vực giáo dục phát triển thẩm mỹ		
<i>Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</i>		
93. Trẻ biết thể hiện được vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp	CĐ 3,4,5,6,7, 8,9	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Quyền trẻ em: Quyền được phát triển và quyền được tham gia</i> - Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích thú Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau, nhận ra giai điệu quen thuộc của các bài hát: - Hát đúng giai điệu, lời ca thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát; múa, vận động theo nhạc các bài hát về các chủ đề:

của các sự vật, hiện tượng.		* Dạy hát: Chiếc đèn ông sao; Vui đến trường; Em đi mẫu giáo. Mẹ yêu không nào; Cả nhà thương nhau; Ngôi nhà mới; Nhà của tôi; “Mừng sinh nhật”; “Cháu yêu cô thợ dệt; Cháu yêu cô chú công nhân; Ai làm ra mưa vàng; Đố bạn; Cá vàng bơi; Gà trống, mèo con và cún con; Cùng múa hát mừng xuân; Lý cây xanh; Em yêu cây xanh; Màu hoa; Sắp đến tết rồi; “Lái máy bay”; Đường em đi; Đi đường em nhớ; Bạn ơi có biết; Em đi chơi thuyền; “Cho tôi đi làm mùa với; Cháu vẽ ông mặt trời, Mây và gió, Hạt mưa và em bé, mùa hè đến”; “Hoà bình cho bé”; “Trái đất này là của chúng mình”; Yêu Hà Nội.
94. Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc thích nghe đọc thơ, đồng giao ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện .	CD 3,4,5,6,7, 8	
95. Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	CD 3,4,5	- Dạy VĐ theo nhạc bài: Cái mũi; - Dạy hát “Mừng sinh nhật”; - BDNT tổng hợp: Khuôn mặt cười (nhạc Hàn Quốc); Cái mũi (Lời Lê Đức – Thu Hiền) - Dạy vận động múa minh họa: Cháu yêu bà; Cá vàng bơi; Hoa kết trái ; - Dạy vỗ dậm chân theo tiết tấu chậm “Em đi qua ngã tư đường phố”; * Nghe hát: Chú cuội chơi trăng; Chiếc đèn ông sao; Cô giáo; Cô giáo miền xuôi; Ngày đầu tiên đi học; Niềm vui gia đình; Khuôn mặt cười; Bàn tay mẹ; Năm ngón tay ngoan; Bà công đi chợ trời mưa, Gia đình nhỏ hạnh phúc to; Gia đình nhỏ hạnh phúc to; Ba ngọn nến lung linh; Anh phi công ơi, Màu áo chú bộ đội; Qũn; Mùa xuân ơi ; vườn cây của ba; “Trái đất này là của chúng mình”; Yêu Hà Nội. Chú voi con ở bản Đôn, Gà gáy le te Cưỡi ngựa tre, Ngày tết quê em; Bèo dạt mây trôi; Lý cây bông; Cây trúc xinh; Em là bông hồng nhỏ; Mưa rơi; Con chim vành khuyên; Nhớ giọng nói Bác Hồ; Ru em
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc, hoạt động tạo hình		
96. Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ..) - Làm quen với cách hát đuổi, hát đối đáp - Xướng âm đúng cao độ nốt Sol, Mi, La. - Làm quen với trường độ của nốt đen và nốt móc đơn qua kí hiệu hình màu, Làm quen với dấu lặng đen, Làm quen với trường độ của nốt trắng.	CD 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9	
97. Trẻ vận động được nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức	CD 6,7;	* Trò chơi âm nhạc + Ai nhanh nhất; Tai ai tinh; Nghe giai điệu đoán tên bài hát; Những nốt nhạc vui; Bắt chiếc tạo dáng; Chiếc hộp kỳ diệu; Nghe hát nhận

(vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).		bạn; Lắng nghe tìm đồ vật; Hát theo hình vẽ... - Hoạt động tổ chức sự kiện, nêu gương bé ngoan, liên hoan văn nghệ cuối chủ đề, thi đua, tổ chức sinh nhật tháng cho bé...
98. Trẻ làm quen với một số động tác yoga, nhảy hiện đại, dân vũ	CĐ 9	
99. Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	CĐ 4	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để vẽ, xé, dán, xếp hình * Vẽ, tô - Tô màu tranh Cô giáo và các bé; Vẽ bóng bay; Trang trí váy cho bé gái; Vẽ bánh sinh nhật; Tô màu tranh Bố bé đi chơi; Vẽ ngôi nhà; Tô màu tranh bác sỹ khám bệnh cho bé; Trang trí áo dài cô giáo; Vẽ con thỏ; Vẽ con vịt; Vẽ cây dừa; Vẽ chùm nho; Vẽ theo ý thích; Vẽ máy bay; Tô màu đoàn tàu; Vẽ mưa; Vẽ sóng nước; Tô màu ao hồ; Vẽ cái diều; Vẽ dây cờ
100. Trẻ biết được vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	CĐ 1,2,3; 4; 5; 6; 7; 8; 9	* Xé, dán - Xé dán hoa tua; Cắt dán tổ chim; Dán hoa dây; Cắt dán thuyền trên biển; Cắt dán ao cá Bác Hồ
101. Trẻ biết được xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	CĐ 7,8,9	* In, đồ - In con bướm bằng vân tay - In tranh đêm pháo hpa bằng tăm bông
102. Trẻ biết làm lồm, dõ bẹt, bẻ loe, vượt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	CĐ 6,7	* Nặn - Nặn lật đật; Tháp chóp; Cái làn; Cái cóc; Con sâu; Con rùa; Chùm nho; Ông mặt trời; Lọ hoa + Hướng dẫn trẻ sử dụng các nguyên vật liệu để làm đèn lồng vui tết trung thu
103. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	CĐ 7	- Dạy trẻ làm một sản phẩm tạo hình từ các nguyên vật liệu đa qua sử dụng: lõi giấy, vải vụn... + Hướng dẫn trẻ sử dụng các nguyên vật liệu để tạo ra các sản phẩm bưu thiếp chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20-11 và các ngày lễ hội khác
104. Trẻ biết được nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	CĐ 7	
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
105. Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài	CĐ 4	- Tổ chức các hoạt động thi: Bé khéo tay, giao lưu văn nghệ, Tổ chức các hoạt động sự kiện: biểu diễn âm

hát, bản nhạc		nhạc, trò chơi giao lưu âm nhạc...
106. Trẻ lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu tiết tấu bài hát.	CD 3	- Cô gọi hỏi ý tưởng sau đàm thoại, chia sẻ giới thiệu sản phẩm trong phần nhận xét sản phẩm tạo hình. - Đặt tên được cho sản phẩm của mình, của nhóm.
107. Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	CD 6	* TC: vận động theo tiết tấu, hát theo tranh vẽ...
108. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	CD 7,8	

5. Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi

5.1. Dự kiến chủ đề/ sự kiện

TT	Tên chủ đề /sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (Chủ đề nhánh)	Ghi chú
	Ôn tập	Từ ngày 29/8/2024 đến ngày 6/9/2024	Ôn tập rèn nề nếp vệ sinh cá nhân cho trẻ	
1	Trường mầm non (Tết Trung thu)	Từ ngày 09/9/2024 đến ngày 4/10/2024	Bé và các bạn Vui tết trung thu Lớp 5 tuổi em yêu Trường MN Ninh Hải của em	
2	Bản thân	Từ ngày 7/10/2024 đến ngày 01/11/2024	Tôi là ai? Cơ thể của tôi Tôi cần gì để lớn lên khỏe mạnh Tôi cần gì để lớn lên	
3	Gia đình (Ngày NGVN 20/11)	Từ ngày 04/11 đến ngày 29/11/2024	Gia đình tôi Ngôi nhà gia đình tôi ở Họ hàng gia đình Đồ dùng trong gia đình	
4	Nghề nghiệp (Ngày 22/12)	Từ ngày 02/12 đến ngày 27/12/2024	Nghề sản xuất Nghề truyền thống của địa phương Các nghề phổ biến và quen thuộc Nghề dịch vụ.	

5	Thực vật (Tết nguyên đán)	Từ ngày 30/12/2024 đến ngày 24/01/2025	Các loại rau, củ, quả	
			Một số loại hoa	
			Một số loại cây, cây lương thực.	
			Tết và mùa xuân	
6	Động vật	Từ ngày 03/02 đến ngày 28/02/2025	Động vật nuôi trong gia đình	
			Động vật sống dưới nước	
			Động vật sống trong rừng	
			Côn trùng, động vật biết bay (chim).	
7	Phương tiện giao thông (Ngày của bà, của mẹ 8/3)	Từ ngày 03/3 đến ngày 21/03/2025	Phương tiện giao thông đường bộ	
			Phương tiện giao thông đường thủy, đường hàng không	
			Qui định giao thông.	
8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	Từ ngày 24/03 đến ngày 11/4/2025	Nước	
			Một số hiện tượng thời tiết	
			Mùa hè	
9	Quê hương đất nước Bắc Hồ (Ngày 30/4, 1/5)	Từ ngày 14/04 đến ngày 2/5/2025	Đất nước Việt nam kì diệu	
			Quê hương yêu dấu	
			Bác Hồ kính yêu	
10	Trường tiểu học	Từ ngày 5/5 đến ngày 16/05/2025	Chuẩn bị hàng trang cho bé vào lớp 1	
			Trường tiểu học	
	Ôn tập Ngày sinh nhật Bác 19/5; Tết thiếu nhi 1/6	Từ ngày 19/5 đến ngày 30/05/2025	Ôn tập chữ cái và số.	

5.2. Dự kiến thời khóa biểu hoạt động học

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
-------	-------	-------	-------	-------

Thẻ đục	Tuần 1,3	Tuần 2,4	LQVT	Khám phá	Tuần 1,3	Tuần 2,4
	LQCC	Văn học			Tạo hình	Âm nhạc

5.3. Dự kiến ngân hàng nội dung – hoạt động

Mục tiêu	Chủ đề thực hiện	Nội dung - Hoạt động
1. Lĩnh vực phát triển thể chất		
a. Phát triển vận động		
<i>Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</i>		
1. Trẻ biết thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	CD 1,2,3,4,5,6,7 ,8,9,10	<ul style="list-style-type: none"> - Tay + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên. Đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, một chân về sau.
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức vận động		
2. Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động - Đi lên xuống trên ván dốc (dài 2m rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật	CD 4,5	<ul style="list-style-type: none"> - Quyển trẻ em: Quyền được phát triển - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. - Đi ngang bước dồn trên ghế. - Đi lên xuống trên ván kê dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao. - Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối. - Trò chơi vận động Tung và bắt bóng với người đối diện, Tung

đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây		bóng, mèo và chim sẻ, bật ô, ai khéo nhất, chuyền bóng, Kéo co, mèo đuổi chuột, Ném còn, trồng nụ trồng hoa... bịt mắt bắt dê, dung dăng dung dẻ, lộn cầu vòng, ô ăn quan, kéo cưa lừa sẻ, thả đĩa ba ba, tập tầm vông. Ném bóng vào rổ, chuyền bóng qua đầu, chân.
3. Trẻ biết kiểm soát được vận động đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (Đổi hướng ít nhất 3 lần)	CD 4,7	- Đi trên dây. Đi trên ván kê dốc - Đi nói bàn chân tiến, lùi. - Đi chạy thay đổi tốc độ hướng đích đặc theo hiệu lệnh. - Trò chơi vận động mèo và chim sẻ, bật ô, ai khéo nhất, chuyền bóng, mèo đuổi chuột, dung dăng dung dẻ, lộn cầu vòng, ô ăn quan, kéo cưa lừa sẻ, thả đĩa ba ba, tập tầm vông.
4. Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động. - Bắt và ném bóng với người đối diện (Khoảng cách 4 m) - Ném trúng đích đứng (xa 2mx1,5m) - Đi, đập và bắt được bóng này 4 - 5 lần liên tiếp.	CD1, CD2, CD3 5,7,9	- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay - Ném xa bằng 1 tay, chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh - Ném trúng đích thẳng đứng, chạy nhanh 18m - Ném trúng đích nằm ngang, nhảy lò cò. - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Đi, đập bắt bóng. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Chuyền bóng qua đầu, qua chân - Đi và đập bóng * Trò chơi: - Kéo co, mèo đuổi chuột, bịt mắt bắt dê, lộn cầu vòng. Tung bóng lên cao và bắt bóng, qua cầu hái nấm, ném bóng vào rổ, chuyền bóng qua đầu qua chân,
5. Bật xa tối thiểu 50cm	CD2, CD3, 4	- Bật xa 40-50 cm - Bật xa 50 cm, ném xa bằng 1 tay
6. Trẻ nhảy từ độ cao 40 cm	CD 4	- Bật - nhảy từ trên cao xuống (45-50cm)
7. Trẻ trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m	CD 10	- Trèo lên xuống 7 gióng thang bằng độ cao 1,5m

so với mặt đất.		
8. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp - Trẻ chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây. - Trẻ biết cách ném trúng đích đứng (Cao 1,5m, xa 2m) - Trẻ biết cách bò vòng qua 7 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu	CĐ 2,3,4,5,7,8,9	<p>*Hoạt động học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian + Chạy 18m khoảng 10s. + Chạy chậm 100-120m... + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. +Ném trúng đích đứng bằng 1 tay, 2 tay(xa 2m cao 1.5m). + Ném trúng đích ngang(xa 2m đến 2.5m). + Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m + Bò đích dắc qua 7 điểm. + Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m. + Bò qua ống dài 1.5m x 30cm + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1.5m x 0.3m. - Bật liên tục vào vòng - Bật tách khớp chân qua 7 ô, đi theo đường thẳng - Bật tởch, khớp chân qua 7 ô - Đi theo đường đích dắc. - Bật qua vật cản 15-20cm <p>*. Trò chơi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bật xa, ném bóng vào rổ, đôi bạn khéo, nối tiếp bàn chân, kéo co, mèo đuổi chuột, bịt mắt bắt dê, lộn cầu vòng. Tung bóng lên cao và bắt bóng, qua cầu hái nấm, ném bóng vào rổ, chuyền bóng qua đầu qua chân,
9. Trẻ nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	C Đ 6	Nhảy lò cò 5m
Thực hiện và phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt		
10. Trẻ thực hiện được các vận động - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay.	C Đ 2	<p>* Vận động tĩnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bẻ, nắn các ngón tay - Lắp ráp các đồ dùng, đồ chơi - Lật từng trang sách - Tô, đồ theo nét - Xé, cắt đường vòng cung, xé lá, giấy

<p>11. Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khoá (phéc mơ tuya). 	<p>CD 2,4</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập thêu, đan tết. - Cài, cởi cúc, kẹp khóa phéc mơ tuya, khâu, luồn, buộc dây. - TC : Xin lửa (1 bạn xòe tay làm lửa, bạn khác đến xin lửa đưa tay vào khe giữa ngón tay, lửa tắt thì khép ngón tay lại). - Chi chi chành chành, Con muỗi, Xếp chồng khối, Chơi lắp ghép, Chơi xếp hình, Chơi ghép tranh, Tô tranh, Làm ông đồ, Đồ chữ cái, số, hình - TC: Xây nhà cao tầng - Trang trí các hình, Trang trí đồ vật, trang phục,
<p>b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</p>		
<p><i>Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe</i></p>		
<p>12. Trẻ lựa chọn một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá.. - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... 	<p>CD 5,6</p>	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Quyền trẻ em: Quyền được sống.</i> * HD học - Phân loại thực phẩm theo 4 nhóm. - Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. - Nhận biết ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và chất. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến 1 số món ăn: pha nước cam , gói nem...
<p>13. Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</p>	<p>CD 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết và không ăn uống một số thứ có hại cho sức khỏe. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, suy dinh dưỡng, béo phì, sâu răng). * HD khác
<p>14. Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín,</p>	<p>CD 7</p>	<p>Trò chuyện về ích lợi của thực phẩm và món ăn trong trường mầm non đối với sức khỏe</p>

<p>uống nước sôi để khỏe mạnh, uống nhiều nước ngọt, có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.</p>		<p>trẻ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện, quan sát về các món ăn, đặc sản quê - hương (<i>Thịt dê, cơm cháy</i>), cách chế biến và ích lợi đối với sức khỏe - Thực hành chế biến một số món ăn đặc sản của quê hương (<i>Thịt dê, cơm cháy</i>), Trò chuyện về những hành vi văn hóa trong ăn uống, cách ăn uống vệ sinh. - Trò chuyện với trẻ về những thức ăn mà trẻ được ăn ở nhà, ở lớp. - Hát các bài hát: mời bạn ăn, anh đầu bếp kỳ tài, giờ ăn.... <p>*Trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - TC: Kể đủ 3 món, Bé thích ăn gì, Hãy nói nhanh, Chuyển lương thực về kho (giúp nhận biết các nhóm thực phẩm), Bé đoán giỏi (Cô nói tên món ăn, trẻ nói các chất có trong món ăn đó), Dọn cơm, nấu ăn, bán hàng, Ai nhanh hơn (sắp xếp quy trình rửa tay - Rửa mặt.
<i>Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</i>		
<p>15. Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Trẻ tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định - Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội hoặc giặt nước cho sạch. 	<p>CD1.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện một số công việc tự phục vụ trong ăn uống, ngủ, chơi, cách giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh lớp học. Lựa chọn trang phục phù hợp thời tiết, biết ích lợi của trang phục theo mùa. - Trò chuyện về một số loại bệnh, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Luyện tập kỹ năng lau mặt đánh răng rửa tay bằng xà phòng - Trò chuyện với trẻ về các thời điểm rửa tay bằng xà phòng. - Dạy trẻ bỏ rác đúng nơi quy định.
<p>16. Trẻ sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo</p>	<p>CD1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện với trẻ những việc cần người lớn giúp. - Dạy trẻ kỹ năng: xử lý vết thương khi bị chảy máu.
<p>17. Trẻ có một số KN tự phục vụ: Xúc miệng nước muối, cách xử lý xì mũi,</p>	<p>CD 2,3,5</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ xem các clip về các kỹ năng tự phục vụ: <i>Xúc miệng nước muối, cách xử lý xì mũi, cách gấp quần áo, cách sử dụng kéo, cách</i>

<p>cách gấp quần áo, cách sử dụng kéo, cách chải tóc, cắt móng tay, quét rác trên sàn, lau chùi nước, chuẩn bị giờ ăn nhẹ, mời trà, rửa cốc, vắt khăn ướt, đánh giày, cách cắt dưa chuột, cách sử dụng đũa, cách cầm dao kéo đũa, tưới cây, lau lá cây</p>		<p>chải tóc, cắt móng tay, quét rác trên sàn, lau chùi nước, chuẩn bị giờ ăn nhẹ, mời trà, rửa cốc, vắt khăn ướt, đánh giày, cách cắt dưa chuột....</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hát về các bài hát, đọc thơ: Tập rửa mặt, của chung <p>* Trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - TC: Bé chọn đúng sai (chọn những nơi đi vệ sinh đúng quy định).
Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
<p>18. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn - Không đùa nghịch, không làm vãi thức ăn. - Ăn nhiều thức ăn khác nhau - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường 	<p>CD1,2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ biết khi ăn biết mời, khi ăn không làm vãi thức ăn. - Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn mới đủ chất - Dạy trẻ biết thay quần áo khi bị ướt bản - Trò chuyện, xem tranh ảnh, băng hình về 1 số việc làm gây nguy hiểm và những nơi nguy hiểm không nên đến gần. - Trò chuyện cách bảo vệ cơ thể khi thay đổi thời tiết. biết ăn mặc quần áo phù hợp với theo mùa - Dạy trẻ cách đi vệ sinh đúng nơi quy định sử dụng đồ dùng đúng cách - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết
<p>19. Trẻ có một số hành vi thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết vệ sinh răng miệng, sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy; - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh - Trẻ nói với người 	<p>CD1, 2,3</p>	<p>* Trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - TC: Bé mặc quần áo (lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết), Ai biết bảo vệ cơ thể, Nhà thiết kế thời trang tài ba...

<p>lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết che miệng khi ho hắt hơi, khi ho, hắt hơi - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhỏ bậy ra lớp. 		
<i>Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</i>		
<p>20. Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng.... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần, không nghịch các vật sắc, nhọn</p>	<p>CD 3</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cô hướng dẫn trẻ cách rửa tay bằng xà phòng theo 6 bước, không được vẩy nước ra ngoài, không để quần áo ướt, rửa tay sạch không có mùi xà phòng. - Trò chuyện.
<p>21. Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, giếng, bụi dậm, bể chứa nước... là nguy hiểm, nói được mỗi nguy hiểm đến gần.</p>	<p>CD 8</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Biết đứng gần bờ ao, giếng, bụi dậm là nguy hiểm - Dạy trẻ trong bữa ăn không được cười đùa, khi ăn các loại quả có hạt phải bỏ hết hạt.
<p>22. Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết không được tự ý uống thuốc - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ 	<p>CD 6,10</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ kỹ năng: kẹp nhiệt độ - Trò chuyện với trẻ không tự ý uống thuốc, cần có sự hướng dẫn của bác sĩ, bố mẹ. - Trò chuyện về những biểu hiện khi ốm, nguyên nhân, cách phòng tránh. - Xem băng hình, trò chuyện những loại thức ăn, quả không được ăn, gây hại cho sức khỏe. - Trò chuyện các số điện thoại khẩn, gọi người giúp đỡ khi gặp nguy hiểm. - Xem tranh ảnh, video về an toàn giao thông <p>*Trò chơi</p>

<p>độc... uống rượu, bia, cà phê; hút thuốc là không tốt cho sức khỏe</p>		<p>- TC: Ai nhanh hơn, Tiếp sức (bật qua các ô và sắp xếp tranh), Nên và không nên, Ghép nối (nối các món ăn với các bệnh gây nên), Phân loại rác, Chăm em ốm, Đi siêu thị,</p>
<p>23. Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn, người rơi xuống nước, ngã chảy máu - Biết tránh một số trường hợp không an toàn - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. 	<p>CD10,</p>	<p>Ai nhanh nhất, Xem băng hình, Tìm nhanh đoán đúng, Nói nhanh (nói nhanh địa chỉ, số điện thoại...).</p>
<p>24. Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học tan về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè, đi sang đường phải, có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công tường rào... 	<p>CD9</p>	
<p>2. Lĩnh vực phát triển nhận thức</p>		
<p><i>a. Khám phá khoa học</i></p>		

<i>Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.</i>		
<p>25. Tò mò, tìm tòi khám phá sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa, thời tiết theo mùa, hiện tượng gió thổi, ...</p>	<p>CD8</p>	<p>- Quyền trẻ em: Quyền được phát triển và quyền được tham gia.</p> <p>*HD học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu hiện tượng thiên nhiên các mùa trong năm; Tìm hiểu về mặt trời, mặt trăng - Tìm hiểu về đặc điểm tính chất của đất đá cát sỏi. - Tìm hiểu về ngày và đêm; Tìm hiểu về ánh sáng; Tìm hiểu về không khí; Tìm hiểu tính chất sự cần thiết của nước; Bầu trời của bé; Tìm hiểu về mùa hè. <p>* Hoạt động khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm một số thí nghiệm: tính chất của nước, sự chuyển động của nước, không khí, ánh sáng, sức hút của nam châm, vật nặng nhẹ, chìm nổi, tan và không tan,... - Thí nghiệm gieo hạt ở các điều kiện sống khác nhau - Quan sát ngoài trời về các hiện tượng tự nhiên. - Trò chuyện về các hiện tượng thời tiết xảy ra. - Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, mặt trời, mặt trăng(Bé và trăng, cho tôi đi làm mưa với, mùa xuân đến rồi, ngày và đêm, chị ong nâu và em bé, đồ bạn, em yêu cây xanh, chim vành khuyên, khúc ca bốn mùa, trời nắng trời mưa.... - Xé dán các con vật cây, mưa, mặt trăng, mặt trời như: Xé dán mưa, xé dán bầu trời ban đêm, ngày, nặn các con vật trong gia đình <p>* Trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi: “nếuthì.....”, Thi ai kể nhanh, Dệt vải, lô tô, ghép tranh, vẽ đúng nhà
<p>26. Trẻ phối hợp các giác quan để quan sát xem xét và thảo luận</p>	<p>CD5, 6,</p>	<p>HD học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về các loài hoa. - Tìm hiểu về các loại quả.

<p>sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về một số loại rau, củ, quả. - Tìm hiểu sự phát triển của cây từ hạt. - Tìm hiểu về các giác quan trên cơ thể. - Trò chuyện tìm hiểu qua tranh bé lớn lên ntn <p>* HĐ khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện với trẻ các loài hoa, quả, củ. - Quan sát vườn cây, vườn hoa, vườn rau ở khu vực trường và khác nhau rõ nét của một số cây. - Quan sát theo dõi sự lớn lên của cây. - Thử nghiệm: Cho trẻ gieo đậu vào chậu để gần cửa sổ để trẻ theo dõi sự nảy mầm và lớn lên của cây, phán đoán các điều kiện sống của cây. - Quan sát gọi tên, so sánh, nhận xét và thảo luận sự giống nhau. - Làm sách về sự phát triển của cây. - Kể về bạn về mình thảo luận về các bộ phận của cơ thể và chức năng của chúng. <p>* Trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - TC: Ai thính tai hơn,Cuộc đất trồng cây, Đoán cây qua lá, Chơi với lá hoa quả,Nhanh và khéo, Sắp xếp theo trình tự quá trình phát triển của cây.
<p>27. Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.</p>	<p>CD1, CD8, CD9</p>	<p>* HĐ học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu đặc điểm, tính chất của nước. - Các nguồn nước và lợi ích của nước đối với sự sống con người <p>* HĐ khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm một số thí nghiệm: tính chất của nước, sự chuyển động của nước, không khí, ánh sáng, sức hút của nam châm, vật nặng nhẹ, chìm nổi, tan và không tan,... “Nước đá biến đi đâu”. - Làm thí nghiệm cần bao nhiêu sỏi để làm tràn cốc nước.
<p>28. Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem sách tranh ảnh, trò chuyện và thảo luận 	<p>CD8,</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát ngoài trời các hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra.
<p>29. Phân loại các đối</p>	<p>CD9</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát sự bốc hơi, tan chảy của nước

tượng theo những dấu hiệu khác nhau		<p>* Trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - TC: tên các nguồn nước. - TC: Bé làm thí nghiệm.
30. Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên.	CD5, CD6, 8	<ul style="list-style-type: none"> - Phân nhóm một số loại hoa qua đặc điểm nổi bật. - Làm quen một số loại hoa. - Nhận biết tên, đặc điểm cấu tạo, sự phát triển một số loại cây, hoa quả
Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
31. Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng	CD2, CD3, CD4, CD6, CD7,8	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền trẻ em: Quyền được tham gia. - Tìm hiểu các giác quan trên cơ thể bé - Tìm hiểu những con vật nuôi trong gia đình.
32. Trẻ giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu những con vật sống trong rừng. - Tìm hiểu những con vật sống dưới nước. - Tìm hiểu về một số con côn trùng....
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
33. Trẻ nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về một số giao thông đường bộ. - Tìm hiểu về giao thông đường sắt, đường hàng không. - Tìm hiểu về một số PT giao thông đường thủy... - Tìm hiểu về một số luật lệ giao thông phổ biến. - Nhận biết một số dấu hiệu đặc trưng của mưa gió và hiện tượng tự nhiên. - Biết được vai trò của nước với con người và môi trường. <p>* HĐ khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho trẻ quan sát, thảo luận, gọi tên so sánh về sự giống và khác nhau như tiếng kêu, cấu tạo bên ngoài, vận động, thức ăn, cách kiếm ăn rõ nét giữ một số con vật nuôi trong gia đình, trong rừng, dưới nước, một số loại côn trùng. - Cho trẻ phân loại các con vật theo 2 – 3 dấu hiệu, quan sát phỏng đoán suy luận một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo

		<p>với môi trường sống, vận động và cách kiếm ăn của các con vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho trẻ cho các con vật ăn, uống, quan sát và thảo luận. <p>* Trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - TC: Phân loại động vật, Bắt chước tiếng kêu của các con vật, Nhanh và khéo, Bé khéo tay, Ai chọn đúng, Về đúng bên, Ô tô và chim sẻ, Bé làm bác tài xế. Đèn xanh đèn đỏ, bánh xe quay
34. Trẻ biết được các nguồn nước, nguồn ánh sáng và lợi ích của chúng trong sinh hoạt hàng ngày. Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	C Đ8	<p>*HD học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu một số hiện tượng thời tiết - Bầu trời của bé - Tìm hiểu về mùa hè. <p>* TC Trời nắng trời mưa, Mưa to, mưa nhỏ. Nói tranh...</p>
35. Trẻ dự đoán được một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.	CD8,	
36. Trẻ thể hiện sự hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	CD1, CD2, CD3, CD4, CD5, CD6 CD7, CD8, CD9, CD10,	<ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ thăm quan, hoạt động ngoài trời. Sau đó thảo luận về những gì quan sát được sau khi thăm quan. -Tổ chức cho trẻ biểu diễn các bài hát về cây, con vật, các hiện tượng tự nhiên: Lý cây xanh, em em yêu cây xanh, đồ bạn, chú voi con, cá vàng bơi, khúc ca bốn mùa, trời nắng trời mưa, cho tôi đi làm mưa với. - Cho trẻ chơi trò chơi đóng vai: Mẹ con, bác sỹ, nấu ăn.... - Cho trẻ tham gia các hoạt động vẽ, nặn, xé dán cây, cây con vật, hiện tượng tự nhiên.
37. Trẻ phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng.	CD 1, 2, 10	<p>* HD học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về đồ dùng, đồ chơi của bé trong lớp - Tìm hiểu đồ dùng trong gia đình

38. Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân – kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.	CD10,	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về đồ dùng trường tiểu học *HD khác - Tổ chức cho trẻ quan sát, thảo luận, gọi tên so sánh về sự giống và khác nhau của các đồ dùng đồ chơi
39. Trẻ loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.	CD7	<ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ phân loại các đồ dùng theo 2 – 3 dấu hiệu, - Cho trẻ sưu tập tranh ảnh các đồ chơi khác - Làm đồ dùng đồ chơi bằng nguyên vật liệu sẵn có * Trò chơi - TC: Phân loại đồ dùng, đồ chơi, Nhanh và khéo, Bé khéo tay, Ai chọn đúng,...
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về Toán		
Nhận biết số đếm, số lượng		
40. Trẻ quan tâm đến con số như thích nói về số lượng và đếm hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?.....	CD6	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền trẻ em: Quyền được phát triển và quyền được tham gia - Đếm đến 6 (7,8,9,10) Tạo nhóm có số lượng là 6 (7,8,9,10) Nhận biết số 6 (7,8,9,10) - Tách gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 6 (7,8,9,10)
41. Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	CD10	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn: Tách gộp trong phạm vi 10. - Ôn: Số lượng trong phạm vi 10. - Đếm đến 10 và đếm theo khả năng * HD khác
42. Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất	CD4, CD8,	<ul style="list-style-type: none"> - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành hình mới theo ý thích - Lấy và đếm đồ dùng đồ chơi theo yêu cầu, đếm theo khả năng trẻ - Viết các chữ số trên cát, viết bằng nước, viết phấn trên sân trường. - Sưu tầm các chữ số trên báo, tạp chí,.. - Nặn, cắt, dán các chữ số. - Trang trí các chữ số - Đọc, viết các số trên lịch, đồng hồ, biển số xe, số nhà, số điện thoại.
43. Trẻ gộp các nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 10 và đếm.	CD4, CD5, CD6, CD7, CD8,	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với các loại đồng hồ (đồng hồ cát, đồng hồ nước, đồng hồ treo tường, đồng hồ đeo tay)

44. Trẻ tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.	CD4, CD5, CD6, CD7, CD8,	<p>* Trò chơi</p> <p>TC: Tạo nhóm đồ dùng đồ chơi theo yêu cầu Gõ cửa, gọi điện thoại, thi xem ai nói đúng, hãy kể đủ 3 thứ; Nói tranh; Tạo hình và chữ số trên bảng căng chun; Thực hiện trong sách Bé LQVT</p>
45. Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	CD 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10	
46. Trẻ nhận biết các số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	CD 2,3	
47. Trẻ nhớ được số điện thoại của đường dây nóng: 111, 113, 114, 115; số điện thoại của bố hoặc mẹ.	CD 2,3	
Sắp xếp theo quy tắc		
48. Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	CD 8	<p>* HD học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp 3 đối tượng theo quy tắc. - Ôn: Sắp xếp theo quy tắc 3 đối tượng. <p>So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc của 2, 3 đối tượng</p> <p>* Trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - TC: Nhanh và khéo, Sắp xếp theo yêu cầu của cô. - TC: Tạo nhóm đồ dùng đồ chơi theo yêu cầu
49. Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc	CD 8	
50. Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	CD 8	
So sánh hai đối tượng		
51. Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. (Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo)	CD 5	<ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật khác nhau bằng một đơn vị đo - So sánh và diễn đạt kết quả đo
Nhận biết hình dạng		

52. Trẻ gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau, khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật	CD 4	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân biệt được các hình khối thông qua các đặc điểm. *HD học - Ôn hình vuông, hình CN, hình tròn, hình tam giác. - Nhận biết, phân biệt khối cầu- khối trụ. - Nhận biết, phân biệt khối vuông- khối chữ nhật. - Ôn nhận biết, phân biệt khối cầu- khối trụ, khối vuông- khối chữ nhật. * H D khác - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành hình mới theo ý thích. - Làm bài trong vở Bé LQ toán *Trò chơi - TC: Tìm hình theo yêu cầu của cô; Nhà sáng tạo tí hon (chọn khối theo yêu cầu và xếp thành các đồ dùng đồ chơi); - TC tạo hình trên bảng căng chun - TC: Nhanh và khéo.- Luyện tập sử dụng các giác quan để phân biệt các hình khối
<i>Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</i>		
53. Trẻ xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác	CD1, 3	<ul style="list-style-type: none"> * HD học - Xác định vị trí phía trên- phía dưới, phía trước- phía sau của 1 đối tượng so với vật khác . - Xác định phía phải- phía trái của đối tượng khác. - Xác định phía phải- phía trái của người khác. - Ôn: Xác định đối tượng so với một đối tượng bất kỳ được chọn làm chuẩn * Trò chơi - TC: Quả bóng; Trời tối, trời sáng; Làm theo yêu cầu của cô.
54. Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	CD8	<ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện về các ngày trong tuần theo thứ tự 4 mùa trong năm. 1 số hiện tượng thời tiết, những đặc điểm nổi bật của mưa gió.

		- Nhận biết các ngày trong tuần
55. Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày; <i>Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.</i>		<p>* HĐ học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Nhận biết các ngày trong tuần. - Nhận biết các buổi trong ngày: Sáng, trưa, chiều, tối. <p>* HĐ khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên ngày hôm qua hôm nay, ngày mai, Kể những công việc đã đang và sắp làm trong những ngày đó. - Xem clip về việc đã diễn ra ngày hôm qua của bé. - Trò chuyện buổi, thứ, ngày, tháng - <i>Trò chuyện về ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.</i>
56. Trẻ dự đoán được một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra	CD8,	<p>* Trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - TC: Nhanh và đúng - TC: Kể tên các buổi trong ngày và các hoạt động tương ứng. - TC: Tô màu theo yêu cầu.
57. Trẻ có khả năng thao tác đơn giản với máy tính trong một số hoạt động học và trò chơi phù hợp với độ tuổi.	CD 8,9	- Cho trẻ thực hành làm quen với máy tính qua một số hoạt động học có trình chiếu, qua một số trò chơi liên quan đến máy...
c. Khám phá xã hội		
Bản thân, gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng		
58. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	CD2,	<p>- Quyền trẻ em: Quyền được bảo vệ</p> <p>* HĐ học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện về bản thân tên gọi sở thích, giới tính, ngày sinh nhật
59. Trẻ nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về	CD3,	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về các giác quan trên cơ thể - Nhu cầu của gia đình - Trò chuyện về các thành viên trong gia đình. - Họ hàng nội ngoại của bé. - Phân biệt một số bộ phận trên cơ thể, chức năng và

gia đình.		<p>hoạt động chính của chúng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên 1 số bộ phận trên cơ thể, 1 số chức năng của từng bộ phận trên cơ thể - Đặc điểm chức năng của từng bộ phận và 1 nhóm thực phẩm cần thiết cho con người. <p>* HD khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho trẻ giới thiệu về bản thân: Họ, tên, ngày sinh, giới tính, tuổi. - Xem tranh ảnh về gia đình. - Làm khung ảnh, album về gia đình. - Nghe các bài hát về gia đình: Ba ngọn nến lung linh, gia đình nhỏ hạnh phúc to, niềm vui gia đình, nhà mình rất vui, cả nhà thương nhau, cháu yêu bà, bố là tất cả. - Vẽ về các thành viên trong gia đình. - Soi gương, nói hình dáng bên ngoài của bản thân - Quan sát các giác quan và một số bộ phận trên chính cơ thể trẻ hoặc tranh ảnh. - Kể về bạn về mình thảo luận về các bộ phận của cơ thể và chức năng của chúng. - So sánh về độ cao thấp, sự thay đổi của bản thân về chiều cao, cân nặng. <p>* Trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - TC: Ai thính tai hơn, Ai nói nhanh và nói nhiều câu hơn, Điều gì bé thích, Thi xem ai nhanh, Nối tranh, Tô tranh theo yêu cầu.
60. Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại khi được hỏi, trò chuyện	CD3,	<p>* HD học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện về gia đình bé. - Trò chuyện về đồ dùng gia đình - Nhận biết 4 nhóm thực phẩm thông thường - Trò chuyện về trường mầm non. - Trò chuyện cô giáo và các bạn.
61. Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện..	CD1	<ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện về ngày Tết trung thu - Trò chuyện về công việc của cô bác trong trường mầm non.. - Trò chuyện về trường tiểu học, về đồ dùng trường tiểu học <p>* HD khác</p>

62. Trẻ nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	CD1	<ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện để trẻ kể và giới thiệu về bản thân, gia đình, về trường lớp, cô giáo, bạn bè, về một số quy định quy tắc xã hội đơn giản và cần thiết. - Cho trẻ xem ảnh, vẽ tranh về trường lớp, gia đình, bạn bè, người thân.
63. Trẻ nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	CD 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kể và đọc thơ, chuyện, giải câu đố về gia đình, bạn bè trường lớp mầm non. - Làm album ảnh sách tranh về gia đình, trường mầm non, trường tiểu học - Xem clip về các hoạt động ở trường, lớp. - Thăm quan khu làm việc của các cô, các bác trong trường. <p>* Trò chơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - TC: Bé thử làm bác sỹ, Sự lớn lên của bé, Bạn của em ở lớp, Gia đình bé cần những đồ dùng gì, Kể đủ 3 nhóm thực phẩm, Cát đồ dùng đúng nơi quy định.
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
64. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo; nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới; <i>nghề thêu ren tạo nên những bức tranh thêu đẹp (tranh ảnh, mặt gối, áo hanbok, khăn tay...</i> ”.	CD4,	<p>* HĐ học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện về nghề giáo viên. - Trò chuyện về các nghề phổ biến trong xã hội... - Trò chuyện về nghề bộ đội. - Trò chuyện về nghề xây dựng - Trò chuyện về nghề truyền thống của địa phương - Trò chuyện về nghề nông <p>* HĐ khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chuyện thảo luận về một số nghề phổ biến và nghề truyền thống của địa phương, tên gọi các công việc, dụng cụ lao động, sản phẩm và lợi ích của nghề, xem tranh ảnh băng hình về các nghề, quan sát các hoạt động của một số nghề. - Đọc thơ, kể chuyện về một số các nghề có liên quan. - Làm sách tranh về các nghề và kể chuyện về các nghề đó.

65. Trẻ kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.	CĐ4	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ sản phẩm của các nghề. - Kể về 1 số nghề gần gũi quen thuộc (qua tranh ảnh, QS thực tế) * Trò chơi - TC: Cô chú làm nghề gì, Nhanh và khoẻ, Kể các dụng cụ tương ứng với nghề.
Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh		
<p>66. Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.</p> <p>+ Lễ hội cổ đô Hoa Lư, Chùa Bái Đính</p> <p>+ Di sản văn hóa và thiên nhiên: Vườn Quốc gia Cúc Phương, Danh thắng Tam Cốc Bích Động...</p> <p>- Trẻ nói được tên và nêu một vài nét đặc trưng của Lễ hội Hoa Lư.</p>	C Đ 9	<ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ kể một số lễ hội mà trẻ biết, một số hoạt động nổi bật trong lễ hội: Kéo chữ, cờ người, kéo co, rước kiệu... + <i>Tìm hiểu di tích lịch sử cổ đô Hoa Lư (Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, vua Lê Đại Hành)</i> + <i>Tìm hiểu lễ hội Đền vua Đinh, vua Lê</i> - <i>Trò chuyện, xem tranh ảnh về Lễ hội Đinh Lê</i> - <i>Trẻ nói được tên và nêu một vài nét đặc trưng của Lễ hội Hoa Lư.</i> - <i>Giáo dục trẻ Trẻ yêu mến quê hương, bảo vệ giữ gìn môi trường, cảnh quan di tích lịch sử Đinh Lê...</i> + <i>Di sản văn hóa và thiên nhiên: Vườn Quốc gia Cúc Phương, Danh thắng Tam Cốc Bích Động...</i>
67. Trẻ thích tìm hiểu trường tiểu học, biết được ý nghĩa ngày quốc tế thiếu nhi 1-6.	CĐ 10	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết 1 số dấu hiệu đặc trưng của trường tiểu học. - Trẻ thăm qua thực tế trường tiểu học hoặc qua hình ảnh
68. Trẻ mong muốn được trở thành học sinh được học ở trường tiểu học, hiểu được ý nghĩa ngày quốc tế thiếu nhi 1-6 là ngày tết của tất cả các bạn nhỏ trên khắp thế giới.	C Đ 10	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với đồ dùng sách vở của các bạn lớp 1 trường tiểu học - Tổ chức ngày 1/6 cho trẻ tham gia...
69. Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng	CĐ9	<ul style="list-style-type: none"> - Đàm thoại và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước, đặc điểm của danh lam

		<p>+ Tìm đọc chữ cái trong môi trường xung</p> <p><i>Cho trẻ phát âm đúng chữ cái trong từ: “Đình Tiên Hoàng”; “Lê Đại Hành”; “Lễ hội Đình, Lê”...</i></p> <p><i>“Di tích lịch sử Đình Lê”</i></p> <p><i>Sao chép chữ cái trong từ: “Đình Tiên Hoàng”; “Lê Đại Hành”; “Lễ hội Đình, Lê”...</i></p>
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		
<i>Thể hiện ý thức về bản thân</i>		
95. Trẻ nói được họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	CD2, CD3,	<p>- Quyền trẻ em: Quyền được bảo vệ</p> <p>*Hoạt động khác</p> <p>- Tổ chức cho trẻ hoạt động trong các nhóm khác nhau để trẻ có thể hiểu rõ hơn về bản thân mình.</p>
96. Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những điều bé làm được và việc gì bé không làm được.	CD2	<p>- Cho trẻ xem tranh ảnh video clip và nói lên sở thích và cảm xúc của mình</p> <p>- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những điều bé làm được và việc gì bé không làm được trong các trò chơi đóng vai theo từng chủ đề.</p>
97. Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, và giới tính, sở thích và khả năng)	CD 1,2	<p>- Tổ chức các cuộc trò chuyện, thảo luận để trẻ biểu lộ những suy nghĩ, xúc cảm của mình, tự tin tự hào giới thiệu về bản thân với mọi người.</p>
98. Trẻ biết mình là con/cháu/ anh/chị/ em trong gia đình.	CD3	<p>- Trẻ cố gắng hoàn thành bài tập và hợp tác với bạn để hoàn thành nhiệm vụ được giao.</p> <p>- Biết chào hỏi lễ phép, nhận quà bằng 2 tay, biết cảm ơn xin lỗi, biết giúp đỡ bố mẹ cố gắng những việc nhỏ.</p>
99. Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	CD 1,3	<p>* Trò chơi</p> <p>- TC: Tôi biết làm gì giỏi, Những bức tranh vui vẻ, Quà tặng người thân, Ngày tết quê em.</p>
<i>Thể hiện sự tự tin tự lực</i>		
100. Trẻ tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật,	CD 1,2	<p>- Tổ chức các hoạt động lao động vệ sinh, vệ sinh cá nhân, các hoạt động vui chơi</p> <p>- Cho trẻ xem hình ảnh, video các bạn trực nhật, giúp cô dọn dẹp bàn ghế...</p>

chơi....)		- Tổ chức các trò chơi: Nổi tranh, Ai làm việc tốt...
101. Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao	CD2	
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật hiện tượng xung quanh		
102. Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	CD 2	- Thực hành, nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ nặn, xếp hình. - Xem ảnh, vẽ tranh về bản thân, về những người thân, bạn bè, cùng trò chuyện về những bức ảnh, bức tranh đó. Trong khi trò chuyện, cô nêu các câu hỏi kích thích để trẻ biểu lộ suy nghĩ, cảm xúc của mình về bản thân; Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.
103. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	CD2	
104. Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	CD2	
105. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...), <i>biết ngày sinh nhật của Bác (ngày 19/5)</i>	CD9,	*HD khác -Trò chuyện về Bác Hồ, ngày sinh nhật Bác, nơi ở và nơi làm việc của bác. -Trò chuyện về tình cảm của Bác Hồ đối với các cháu thiếu nhi. - Làm sách tranh về Bác Hồ Đọc thơ, kể chuyện, hát múa về Bác Hồ: Bác Hồ của em; Truyện Quả táo của Bác Hồ. Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ...
106. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	CD9	
107. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hoá truyền thống (Trang phục,	CD9,	- Trò chuyện với trẻ về những ngày lễ hội, các danh lam thắng cảnh, các di tích lịch sử của Việt Nam. - Tham quan một số di tích lịch sử của địa phương.

món ăn.....) của quê hương, đất nước.		<ul style="list-style-type: none"> - Xem tranh ảnh về cảnh đẹp quê hương đất nước, trang phục dân tộc truyền thống. - Vẽ về cảnh đẹp quê hương, ngày tết, mùa xuân, cờ tổ quốc. - Nghe kể chuyện lịch sử, nghe hát các làn điệu dân ca của Việt Nam, các bản nhạc của một số dân tộc khác. - Tập gói bánh chưng, gói quà, bày bàn ăn. - Tham gia lễ hội ngày tết thiếu nhi, tết trung thu, lễ hội của địa phương. - Trò chuyện với trẻ về di tích lịch sử Đền vua Đinh, vua Lê, Lễ hội Đền vua Đinh, vua Lê...
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
108. Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cát đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	CD1,2,3	<ul style="list-style-type: none"> * Lập bảng nội qui của lớp, dán các kí hiệu thông thường (sau khi chơi biết cất đồ dùng, đồ chơi đúng vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, đi vệ sinh đúng nơi qui định,..) - Hướng dẫn trẻ xếp đồ chơi và cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi khi thực hiện chơi và sau khi chơi xong biết vâng lời bố mẹ anh chị em, đi chơi phải xin phép - Luôn kính trọng ông bà, bố mẹ, cô giáo, anh chị em.
109. Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	CD1	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bưu thiếp về gia đình nhân ngày sinh nhật, ngày lễ. Quan tâm đến mọi người trong gia đình như lấy tăm, rót nước,...
110. Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	CD1	<ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ hát bài: “Hết giờ”; “Em biết vâng lời mẹ”; Bài thơ: Giúp bà, Chuyện: “Cháu ngoan” - Cho trẻ xem băng đĩa về các hoạt động giáo dục lễ giáo, kỹ năng sống.
111. Trẻ biết chờ đến lượt, <i>tôn trọng, hợp tác và chấp nhận.</i>	CD5	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. Chờ đến lượt, hợp tác. Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “Tốt”
112. Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	CD2	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo tình huống để trẻ tìm ra cách giải quyết phù hợp

113. Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn.	CĐ3,	
<i>Quan tâm đến môi trường</i>		
114. Trẻ thích chăm sóc con vật, cây cối quen thuộc	CĐ 5,6	* Lập bảng nội qui của lớp, dán các kí hiệu thông thường (sau khi chơi biết cất đồ dùng, đồ chơi đúng vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, đi vệ sinh đúng nơi qui định,..)
115. Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	CĐ1	
116. Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)	CĐ2	<ul style="list-style-type: none"> - Cho trẻ xem những bức tranh có nội dung giáo dục bảo vệ môi trường, so sánh và nêu lên những nhận xét những bức tranh đó. - Tiến hành một số khám phá đơn giản để tìm hiểu xem lớp học có sạch sẽ không. + Trò chuyện với trẻ thế nào là sạch? Thế nào là bẩn? + Hàng ngày chúng mình vứt rác vào đâu? + Khi thấy người khác vứt rác bừa bãi các con phải làm gì? - Đọc cho trẻ nghe những câu chuyện, bài thơ có nội dung về bảo vệ môi trường. - Thảo luận về những nguyên nhân của sự không vệ sinh và đưa ra các ý kiến để khắc phục. Trẻ giữ gìn vệ sinh chung, bỏ rác đúng nơi qui định, cất đồ chơi khi chơi xong,... - Tổ chức cho trẻ hoạt động lao động cất dọn đồ dùng đồ chơi, vứt rác đúng nơi quy định - Nhắc nhở bạn không xả rác bừa bãi. - Không bẻ cành, hái hoa,... - Cho trẻ xem tranh, ảnh, video về những hành vi, tình huống liên quan đến vệ sinh môi trường TC: Chọn hành vi đúng, Hãy bỏ rác vào tôi... - Tạo tình huống cho trẻ chơi trò chơi: Trồng

các hình thức (võ tay theo tiết tấu, múa..)	CD9, CD10,	Nghe âm thanh đoán tên nhạc cụ, Ô số kỳ diệu, Nhìn hình đoán tên bài hát, Nghe âm u đoán tên bài hát, Nghe âm la đoán tên bài hát, Bắt chước tạo dáng, Tai ai tinh, Hãy làm theo cô, Nốt nhạc may mắn, Hãy làm theo những cô nói, đừng làm theo những gì cô làm
123. Trẻ biết tập một số động tác yoga, biết nhảy hiện đại, dân vũ.	CD9, CD10,	
124. Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	CD1, CD2, CD3, CD4, CD5, CD6, CD7, CD8, CD9, CD10,	<p>*Hoạt động khác</p> <p>- Phối hợp các nét, các hình học để vẽ và tô màu các sự vật hiện tượng tạo nên bức tranh có nội dung, bố cục cân đối, màu sắc hài hòa qua các cách sắp xếp đối xứng và không đối xứng của đối tượng, các hình ảnh không đều, các mối liên hệ chặt chẽ nội dung và hình thức bức tranh như thể hiện hành động, vận động và mối quan hệ các sự vật để tạo ra không gian có chiều sâu.</p> <p>- Cho trẻ nghe những nội dung bài hát ca ngợi vẻ đẹp quê hương đất nước, con người, cuộc sống, thiên nhiên có giai điệu vui tươi trong sáng, hùng dũng, hùng mạnh có sắc thái đa dạng, cho trẻ tiếp xúc với các loại nhạc cụ dân tộc, nghe những làn điệu của các vùng miền.</p> <p>Biểu diễn vn tặng mẹ, Ngày gia đình, Ngày nhà giáo Việt nam, Ngày sinh nhật Bác Hồ kính yêu .Ngày 8/3.</p>
125. Trẻ biết phối hợp kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	CD6	<p>- Quyền trẻ em: Quyền được tham gia</p> <p>Hoạt động học</p> <p>Vẽ, tô màu</p> <p>- Vẽ chân dung cô giáo , Vẽ gấu bông, Vẽ áo sơ mi</p>
126. Trẻ biết phối hợp kỹ năng xé cắt dán tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	CD 2,5,6,7	<p>Vẽ lọ hoa, Vẽ cái ô, Vẽ Bác sỹ</p> <p>- Trang trí cái đĩa</p> <p>- Vẽ đàn vịt đang bơi</p> <p>-Vẽ con thỏ</p> <p>- Vẽ con cua</p>
127. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản	C Đ 8,9,10	<p>- Vẽ vườn hoa, Vẽ tàu hỏa, Vẽ máy bay trực thăng</p> <p>Vẽ ngọn núi,</p>

phẩm có bố cục cân đối		<p>Cắt, xé dán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cắt dán ngôi nhà - Làm bưu thiếp tặng cô giáo - Cắt dán con cá - Cắt dán con mèo - Xé dán cây hoa ngày tết - Cắt dán xe ô tô, Cắt dán thuyền trên biển, Làm đám mây bằng bông, Cắt dán bầu trời đêm, Cắt xé dán cánh diều, <i>Vẽ cảnh đẹp cố đô Hoa Lư, Vẽ cảnh đền vua Đinh; Vẽ cảnh đền vua Lê; Tô màu tranh về cảnh đẹp Đền Đinh Lê, lễ hội Đền Đinh Lê</i>, Trang trí ảnh Bác Hồ, Cắt dán trường tiểu học
128. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	CD 5,6	
129. Trẻ nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	CD1, CD2, CD3, CD4, CD5, CD6, CD7, CD8, CD9, CD10,	<p>In, tô, đồ</p> <ul style="list-style-type: none"> - In hình bàn tay và trang trí theo ý thích - In đàn kiến bằng vân tay, In lá cây, <p>Nặn và tạo hình khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cắt, dán bộ bàn ghế, Tạo hình bé trai, bé gái, nặn đôi dép, Làm cái ô, Tạo hình bác nông dân, Tạo hình con gà, Nặn cây ăn quả, Tạo hình con bướm, Làm thuyền buồm bằng dưa chuột, Nặn cầu vồng, Làm ông mặt trời bằng ống hút <p>* HĐ khác</p> <p>Trẻ biết tìm kiếm, lựa chọn các nguyên vật liệu phù hợp như: màu nước, sáp màu, bút lông, đất nặn, giấy màu các loại, len, rơm, lá cây, hạt hạt, đá, để tạo ra sản phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Trẻ biết dùng các kỹ năng vẽ để phối hợp các hình, các nét vẽ và tô màu các sự vật, hiện tượng, để tạo nên bức tranh có nội dung, bố cục cân đối, màu sắc hài hòa qua cách sắp xếp đối xứng và không đối xứng, các hình ảnh không đều, để tạo ra không gian có chiều sâu có nhiều tầng cảnh(VD: Cây cảnh cây có dáng to, cao. -Trẻ biết phối hợp một số kỹ năng cắt, xé dán: dán theo đường viền, xé theo đường viền kh, xé theo đường vẽ sẵn, cắt dán các hình tròn,

		<p>giác, vuông, cắt các hình đơn giản làm đồ chơi</p> <p>- Trẻ biết nêu lên ý tưởng của mình và cách làm để tạo ra sản phẩm</p> <p>- Cho trẻ nói lên cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn, hướng trẻ vào vẻ đẹp về màu sắc, bố cục đường nét hình dáng của sản phẩm</p> <p>- Trẻ biết đặt tên cho các sản phẩm của mình khi hoàn thiện.</p>
<i>Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</i>		
130. Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	CD8, CD9, CD10,	<p>- Tổ chức các hoạt động tạo hình, âm nhạc</p> <p>- Cô cho trẻ xem tranh ảnh có nội dung phù hợp với trẻ, có nhiều màu sắc, hình ảnh khác nhau</p> <p>- Tổ chức các hoạt động thi: Bé khéo tay, giao lưu văn nghệ....</p>
131. Trẻ gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	CD8, CD9, CD10,	<p>Tổ chức các hoạt động sự kiện: biểu diễn âm nhạc, trò chơi giao lưu âm nhạc...</p> <p>- Cô gợi hỏi ý tưởng sau đàm thoại, chia sẻ giới thiệu sản phẩm trong phần nhận xét sản phẩm tạo hình.</p>
132. Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	CD9	<p>- Đặt tên được cho sản phẩm của mình, của nhóm.</p> <p>- Cô gợi mở để trẻ nêu lên những ý tưởng tạo hình và làm ra các sản phẩm theo ý thích, đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát</p>
133. Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	CD8, CD9	
134. Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát	CD9, CD10,	

PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH SINH HOẠT CHUYÊN MÔN

(Kèm theo KH số 126a kế hoạch CSNDGD trường mầm non Ninh Hải năm học 2024-2025)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 17 nhóm, lớp với tổng số 50 cán bộ giáo viên, nhân viên được chia làm 2 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng, cụ thể:

- + Hiệu phó phụ trách chuyên môn Nhà trẻ, Mẫu giáo: 2 đ/c
- + Tổ chuyên môn nhà trẻ: 18 đ/c

+ Tổ chuyên môn mẫu giáo: 24 đ/c

+ Tổ văn phòng: 5 đ/c

2. Điều kiện thực hiện SHCM

2.1. Thuận lợi

- Nhà trường có đầy đủ các thiết bị máy tính, máy chiếu, các đồ dùng học liệu phục vụ cho giáo viên và trẻ trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Được sự ủng hộ của cha mẹ học sinh đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cơ bản đủ các điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

- 100% giáo viên, nhân viên có máy tính và điện thoại thông minh có kết nối mạng internet trong các nhóm lớp.

- Đội ngũ giáo viên giàu lòng nhiệt tình, yêu nghề mến trẻ và nhiệt tình học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Giáo viên luôn có ý thức trong việc xây dựng kế hoạch các chuyên đề trong năm học, lồng ghép các chuyên đề một cách khoa học đúng chủ đề, và tích cực làm đồ dùng tự tạo dạy học phù hợp với các chuyên đề.

2.2. Khó khăn

- Trường có 3 điểm trường khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động tập trung đầy đủ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Một số giáo viên còn hạn chế về kỹ năng tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Việc thực hiện sinh hoạt chuyên môn còn nặng về hình thức, thể hiện trên hồ sơ sổ sách, đảm bảo đủ số lượng buổi sinh hoạt theo quy định, chưa có sự đổi mới nâng cao chất lượng trong nội dung sinh hoạt.

II. MỤC TIÊU

1. Tạo cơ hội cho CBGVNV trao đổi kinh nghiệm, tạo sự thống nhất, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

2. Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực sư phạm cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu, mục tiêu chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

III. THỰC HIỆN

Stt	Nội dung	Hình thức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Ghi chú
1	- Tập huấn hướng dẫn xây dựng các kế hoạch: Kế hoạch tổ chuyên môn, Kế hoạch lớp, kế hoạch chủ đề, kế	Bồi	Tuần 3 tháng 8/2024	Đinh Thị Liên Phạm Thị Thắm	

	hoạch tuần, kế hoạch ngày phù hợp với điều kiện địa phương - Tổ chức chuyên đề cấp trường “Nâng cao năng lực phòng chống suy dinh dưỡng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho trẻ”.	dưỡng, tập huấn.			
2	- Triển khai công tác chuyên môn tháng 9 - Tổ chức BDTX chuyên đề “Hướng dẫn công tác vệ sinh, chăm sóc và tổ chức hoạt động ăn ngủ cho trẻ trong cơ sở giáo dục mầm non” cho cả độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo. - Bồi dưỡng giáo viên giỏi cấp huyện	Trao đổi thảo luận	Tháng 9/2024	Phạm Thị Thắm	
3	- Triển khai công tác chuyên môn tháng 10 - Lĩnh vực phát triển Ngôn ngữ	Dự giờ, trao đổi thảo luận	Tháng 10/2024	CBGVNV trong trường - Đinh Thị Hằng - Dương Thị Hường	
4	- Triển khai công tác chuyên môn tháng 11 - Tổ chức thi đua dạy tốt học tốt chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11 - Thi đồ dùng đồ chơi tự tạo - Thi xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm, - Thi HSSS - Kiểm tra hồ sơ nhóm lớp, hồ sơ nuôi dưỡng.	Dự giờ, trao đổi thảo luận	Tháng 11/2024	CBGVNV trong trường	
5	- Triển khai công tác chuyên môn tháng 12. - Chuyên đề cấp trường lĩnh vực phát triển nhận thức nhà trẻ và lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội đối với mẫu giáo.	Dự giờ, trao đổi thảo luận	Tháng 12/2024	- Hoàng Thị Ngọc Thu - CBGVNV trong trường PH, học sinh khối MG.	
6	- Triển khai công tác chuyên môn		Tháng	Đinh Thị Liên	

	<p>tháng 01/2025.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng chuyên môn GDMN: Lĩnh vực phát triển thể chất cả nhà trẻ và mẫu giáo. - Chuẩn bị các tiết mục văn nghệ hoạt động múa hát mừng xuân. - Tổ chức lễ hội “Tết và mùa xuân” - Lĩnh vực phát triển thể chất độ tuổi mẫu giáo và nhà trẻ. 	Dự giờ, trao đổi thảo luận	1/2025	Phạm Thị Thắm Nguyễn Thị Liên Lê Thị Tuyết Lan	
7	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai công tác chuyên môn tháng 2/2025 - Bồi dưỡng chuyên môn GDMN: Lĩnh vực phát triển nhận thức 	Dự giờ, trao đổi thảo luận	Tháng 2/2025	Đinh Thị Liên Phạm Thị Thắm Lê Thị Hậu Nguyễn Thị Hồng Minh	
8	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai công tác chuyên môn tháng 3/2025 - Bồi dưỡng chuyên môn GDMN: Chuyên đề cấp huyện Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ - Kiểm tra nhiệm vụ được giao của PHT và 2 tổ chuyên môn, 1 tổ văn phòng. KT đột xuất: 02 	Dự giờ, trao đổi thảo luận	Tháng 3/2025	Đinh Thị Liên Đinh Thị Thanh Tâm Nguyễn Thị Thanh Hoa	
9	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai công tác chuyên môn tháng 4/2025 - Bồi dưỡng chuyên môn GDMN: Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. 	Dự giờ, trao đổi thảo luận	Tháng 4/2025	Đinh Thị Liên Phạm Thị Thắm Nguyễn Thị Vân Anh Chu Thị Hồng Nhung	
10	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai công tác chuyên môn tháng 5/2025. - Tổ chức ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 và lễ ra trường cho trẻ 5 tuổi. - Bàn giao trẻ 5 tuổi cho trường tiểu học. - Bồi dưỡng chuyên môn GDMN: Chuyên đề cấp huyện Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mỹ Mẫu giáo “Sắc vàng Tam Cốc” 	Bồi dưỡng, trao đổi thảo luận.	Tháng 5/2025	CBGVNV trong trường - Nguyễn Vĩnh Thủy- Nguyễn Thị Thương 1984.	

**ĐIỀU CHỈNH THỜI KHOÁ BIỂU HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2024-2025**

1. Độ tuổi nhà trẻ: Nhóm 13-24 tháng tuổi

Thứ	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	
Hoạt động	Vận động	Âm nhạc	HĐVĐV	Nhận biết	Thơ tuần (1+3)	chuyện (tuần 2+4)

2. Độ tuổi nhà trẻ: Nhóm 24 – 36 tháng tuổi

Thứ	Thứ 2	Thứ 3		Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	
Hoạt động	TDVĐ	Thơ (tuần 1+3)	Truyện (tuần 2+4)	Nhận thức	Âm nhạc	Xâu xếp (tuần 1+3)	Tạo hình (tuần 2+4)

3. Lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi

3.1. Dự kiến chủ đề/ sự kiện

TT	Chủ đề/ Sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (Chủ đề nhánh)	Ghi chú
1	Ôn tập	Từ ngày 29/8/2024 đến ngày 6/9/2024	Ôn tập rèn nề nếp vệ sinh cá nhân cho trẻ	
1	Trường Mầm non (Tết trung thu)	Từ ngày 09/9/2024 đến ngày 4/10/2024	Trường mầm non Ninh Hải Bé và các bạn Trung thu của bé Lớp 3 tuổi B Thân yêu	
2	Bản thân	Từ ngày 7/10/2024 đến ngày 01/11/2024	Tôi là ai? Cơ thể của tôi thật đáng yêu Tôi cần gì để lớn lên khỏe mạnh Sở thích và hoạt động yêu thích	
3	Gia đình (Ngày NGVN 20/11)	Từ ngày 04/11 đến ngày 29/11/2024	Họ hàng gia đình Nhu cầu gia đình Gia đình tôi Gia đình sống trong một nhà	
	Nghề nghiệp		Nghề sản xuất Chú bộ đội của bé	

4	(Ngày TLQĐ 22/12)	Từ ngày 02/12 đến ngày 27/12/2024	Các nghề phổ biến và quen thuộc	
			Nghề truyền thống của địa phương	
	Thực vật (Tết nguyên đán)	Từ ngày 30/12/2024 đến ngày 24/01/2025	Các loại rau, củ, quả	
Một số loại cây quanh bé				
Hoa đẹp quanh bé				
Tết và mùa xuân				
5	Động vật	Từ ngày 03/02 đến ngày 28/02/2025	Động vật nuôi trong gia đình	
			Động vật sống dưới nước	
			Động vật sống trong rừng	
			Một số loại côn trùng	
7	Phương tiện giao thông (Ngày QTPN8/3)	Từ ngày 03/3 đến ngày 28/03/2025	Phương tiện giao thông đường bộ	
			Phương tiện giao thông đường không	
			Phương tiện giao thông đường thủy	
			Phương tiện giao thông đường sắt	
8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên	Từ ngày 31/03 đến ngày 18/4/2025	Nước	
			Một số hiện tượng thời tiết	
			Mùa hè	
9	Quê hương đất nước Bắc Hồ	Từ ngày 21/04 đến ngày 16/5/2025	Đất nước Việt nam kì diệu	
			Quê hương yêu dấu	
			Bác Hồ kính yêu	
			Bác Hồ với các cháu nhi đồng	
	Ôn tập (Ngày sinh nhật Bác-Ngày tết TN 1/6)	Từ ngày 19/05 đến ngày 30/5/2024	Ôn tập những nội dung các mục tiêu đa số trẻ đạt chưa cao.	

3.2. Dự kiến thời khóa biểu hoạt động học khối 3 tuổi

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4		THỨ 5	THỨ 6	
Thể dục	Toán	Tuần 1,3	Tuần 2,4	Khám phá	Tuần 1,3	Tuần 2,4
		LQCC	Văn học		Âm nhạc	Tạo hình

4. Lớp mẫu giáo 4-5 tuổi

4.1. Dự kiến chủ đề/ sự kiện

TT	Tên chủ đề /sự kiện	Thời gian thực hiện	Nội dung khai thác (Chủ đề nhánh)	Ghi chú
1	Ôn tập	Từ ngày 29/8/2024 đến ngày 6/9/2024	Ôn tập rèn nề nếp vệ sinh cá nhân cho trẻ	
2	Trường mầm non (Tết Trung thu)	Từ ngày 09/9/2024 đến ngày 4/10/2024	Trường mầm non Ninh Hải	
			Lớphọc 4 tuổi ...thân yêu	
			Đồ dùng, đồ chơi của bé	
			Tết trung thu của bé	
3	Bản thân	Từ ngày 7/10/2024 đến ngày 01/11/2024	Tôi là ai?	
			Sở thích và hoạt động yêu thích	
			Cơ thể của tôi	
			Tôi cần gì để lớn lên khỏe mạnh	
4	Gia đình (Ngày NGVN 20/11)	Từ ngày 04/11 đến ngày 29/11/2024	Gia đình của bé	
			Ngôi nhà gia đình bé ở	
			Họ hàng gia đình bé	
			Nhu cầu của gia đình	
5	Nghề nghiệp (Ngày 22/12)	Từ ngày 02/12 đến ngày 27/12/2024	Nghề phổ biến và quen thuộc	
			Nghề dịch vụ	
			Nghề sản xuất	
			Nghề truyền thống địa phương	

6	Thực vật (Tết nguyên đán)	Từ ngày 30/12/2024 đến ngày 24/01/2025	Một số loại rau củ quả	
			Một số loại hoa	
			Cây xanh	
			Tết và mùa xuân	
7	Động vật	Từ ngày 03/02 đến ngày 28/02/2025	Động vật nuôi trong gia đình	
			Những nghệ sĩ rừng xanh	
			Động vật sống dưới nước	
			Thế giới côn trùng và chim	
8	Phương tiện giao thông (Ngày của bà, của mẹ 8/3)	Từ ngày 03/3 đến ngày 28/03/2025	Phương tiện giao thông đường bộ	
			Quy định giao thông	
			Phương tiện giao thông đường sắt, đường hàng không	
			Phương tiện giao thông đường thủy	
9	Nước và hiện tượng tự nhiên	Từ ngày 31/03 đến ngày 25/4/2025	Nước	
			Nguồn nước quanh em	
			Một số hiện tượng thời tiết và mùa	
			Mùa hè	
10	Quê hương đất nước Bắc Hồ (Ngày 30/4, 1/5)	Từ ngày 28/04 đến ngày 16/5/2025	Quê hương yêu dấu	
			Đất nước Việt Nam diệu kỳ	
			Bác Hồ kính yêu	
11	Ôn tập (Ngày QTTN 1/6)	Từ ngày 19/05 đến ngày 30/5/2025	Ôn tập những nội dung các mục tiêu đa số trẻ đạt chưa cao.	

4.2. Dự kiến thời khóa biểu hoạt động học

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4		THỨ 5	THỨ 6	
		Tuần 1,3	Tuần 2,4		Tuần 1,3	Tuần 2,4
Thể dục	Khám phá	Văn học	LQCC	Toán	Âm nhạc	Tạo hình

5. Lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi
5.2. Dự kiến thời khóa biểu hoạt động học

THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4		THỨ 5	THỨ 6	
Thể dục	Toán	Tuần 1,3	Tuần 2,4	Khám phá	Tuần 1,3	Tuần 2,4
		Văn học	LQCC		Âm nhạc	Tạo hình

Ninh Hải ngày 13/12/2029



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Dinh Thị Liên

